

TÂN VIỆT



100

ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ

PHONG TỤC VIỆT NAM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA - TRƯỜNG ĐÀO TẠO

100 điều nên biết về phong tục Việt Nam



TAN VIET

Thông tin sách

Thông tin về tựa sách : Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam

Tác giả : Tân Việt

Nhà xuất bản : Văn hóa dân tộc

Năm xuất bản : 2001

Tạo epub: Hoàng Nghĩa Hạnh

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

1. Nam nữ thụ thụ bất thân nghĩa là gì ?

Đây là câu nói cửa miệng, quen dùng chỉ mối quan hệ nam nữ theo quan niệm của nhà nho.

Người đàn ông và người đàn bà ngày xưa trao cho nhau cái gì, nhận của nhau cái gì, đều không trực tiếp tận tay, sợ bầm nháy, ra hiệu gì với nhau chẳng ? (Hai chữ "thụ thụ" trái ngược nghĩa: một chữ "thụ" là trao cho, một chữ "thụ" là nhận).

Hai người muốn mời nhau ăn trầu, thì người chủ tằm trầu, xếp vào cối trầu, đặt giữa bàn, khách tự nhặt lấy mà ăn. Lễ giáo phong kiến thật khắt khe, việc tỏ tình yêu trực tiếp khó mà thực hiện được, họa chăng chỉ còn đôi mắt thâm lén nhìn nhau!

Người châu Âu từ nhỏ đến già, theo phép lịch sự bắt tay nhau, nhảy với nhau là chuyện thường. Nhưng, người Việt Nam và người á Đông nói chung, nam nữ vô ý chạm vào da của người khác giới thì coi như có cử chỉ không đứng đắn.

Người đàn ông có thái độ suồng sã sẽ bị đàn bà xa lánh, nhưng không đáng lo bằng người con gái lẳng lơ, bị xã hội dèm pha thì khó mà lấy được tằm chồng cho đáng tằm chồng. Vì vậy các nhà quyền quý thường "cắm cung" con gái. Ngay từ tuổi thơ đã sớm hình thành sự ngăn cách giới tính. Thời phong kiến xưa, chỉ những người có tư tưởng tân tiến mới cho con gái đi học, và có đi học thì con trai ngồi riêng con gái ngồi riêng. Trai gái đi cùng nhau, vui chơi cùng nhau bị bạn bè cùng lứa chế nhạo. Có hội hè đình đám cũng phải phân biệt đàn ông đứng bên trái, đàn bà đứng bên phải.

Ở thành thị, vợ chồng nằm ngủ với nhau một giường là chuyện bình thường, nhưng xin các bạn lưu ý, ở nông thôn đàn bà nằm nhà trong, đàn ông nhà ngoài đã trở thành nếp rồi. Ngày xưa, phổ biến mọi nơi đều thế, ngày nay lệ đó vẫn còn ở nhiều vùng, nhiều nhà. Nếu các bạn có dịp về thăm bà con họ hàng ở quê thì tốt nhất hai vợ chồng nên tránh nằm chung giường kéo các cụ còn cảm thấy chướng mà phạt ý.

2. Mối lái là gì ?

Trong xã hội phong kiến xưa "Nam nữ thụ thụ bất thân" nên hôn nhân cần phải người môi giới. nếu yêu nhau, cưới hỏi không cần mối lái sẽ bị chê trách là "Phải lòng nhau" "Mắc phải bùa yêu". Nguyễn Du đã vạch đường cho Kim Trọng. Thuý Kiều cứ yêu nhau rồi sẽ "Liệu bài mối manh" nên các cụ nhà nho mới kịch liệt phản đối khuyên con cháu rằng:

"Đàn ông thì chó Phan Trần,

Đàn bà thì chó Thuý Vân, Thuý Kiều"

Chu Mạnh Trinh vịnh Kiều còn nói: "Chỉ vì một tội mối manh chưa có, thề thốt đã nhiều; trăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi"...Nếu không có "Nhà băng đưa mối" thì nhà trai làm sao biết được người thực nữ trong cửa các phòng khuê.

Trong xã hội cũ, có những người chuyên làm nghề mối lái, nếu đẹp đôi vừa lứa thì bà mối sẽ trở thành ân nhân suốt đời. lễ tơ hồng xong, tạ bà mối một nửa mâm xôi, nửa con gà kèm theo chiếc áo lụa. Chấn thảng con đầu lòng thế nào cũng cố mời bà mối đến dự, để tỏ nghĩa tri ân. Nhưng cũng có nhiều tai họa do những bà mối có động cơ bất chính gây nên, để đôi trẻ suốt đời mang mối hận vì phận hẩm duyên hiu:

..."Hoặc là bởi "Mẹ thầy lộn quýt", quên những thói mớ tôm mắng cá, qua lại ít nhiều ngọt miệng, ép uống duyên cô nông nổi thế, nặng tiền tài mà nhẹ gánh tình chung. Hay vì chưng "Mối lái đào bông", chẳng nhằm khi vào lộng ra khơi, nói phô mật ngọt rót vào tai, dễ dành phận gái ngẩn ngơ tình, già nhân sự để non quyền tạo hoá"...

(Trích "Văn tế sống người con gái" - Một bài văn tế khuyết danh được truyền tụng ở Hà Tĩnh vào đầu TKXX).

Ở xã hội mới cũng cần có bà mối, bà mối thời nay là người cố vấn, người đỡ đầu cho đôi trẻ xây dựng hạnh phúc lâu dài. trong tương lai, có lẽ vai trò của bà mối là những phương tiện thông tin đại chúng (như quảng cáo trên Đài truyền thanh truyền hình, báo chí, chụp ảnh) và những công ty du lịch, câu lạc bộ những người độc thân...

Điều 3 : Lễ vấn danh có nghĩa gì ?

"Lễ vấn danh" là lễ nhà trai đến nhà gái để hỏi tên tuổi cô gái, ngày nay gọi là lễ "Chạm ngõ" hay là lễ "Dạm" (có nơi kiêm cả lễ dạm và hỏi cùng một lúc gọi là lễ dạm hỏi). Truyện Kiều có câu "Tiên đưa canh thiếp trước cầm làm ghi". "Canh thiếp" là giấy ghi họ tên, tuổi, quê quán, con ai.

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, ở nhiều vùng nông thôn, con gái từ khi sinh đến khi lấy chồng vẫn chưa đặt tên, nếu như gia đình không cho con gái đi học. Con gái không cần vào sổ hộ, sổ làng, không đi học nên cũng không cần đặt tên vội. ở trong nhà con gái mới sinh ra được gọi là con Hăm, con Mực, con Chắt em... Trong nhà gọi tên gì thì xóm giềng gọi theo tên đó. Đến làm lễ vấn danh, ông bác hoặc bố mới đặt cho cái tên để ghi trong giấy hôn thú, có khi chính người mang tên cũng không biết mình mang tên gì trong giấy hôn thú, vì khi về nhà chồng lại gọi theo tên chồng, khi có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu. Lễ vấn danh không phải để hỏi tên mà chủ yếu là hỏi tuổi, để hai họ quyết định đôi nam nữ hợp tuổi nhau thì lấy được nhau, tuổi xung khắc thì thôi.

Trong hôn nhân xưa chỉ chú trọng có môn đăng hộ đối hay không, có hợp tuổi hay không, gia đình nào thân trọng mới tìm hiểu kỹ "Công, dung, ngôn, hạnh" (thường là các gia đình gia giáo). Chẳng những các chàng trai, trước khi cưới chưa biết mặt vợ, mà có những ông bố chồng là người chủ động đi hỏi dâu cũng không biết mặt con dâu, do đó trong gia đình sau này mới xảy ra nhiều chuyện oái oăm:

- "Cảm ơn ông bà thương đến, tôi xin đồng ý gả, nhưng xin thưa chuyện trước: con tôi mồm mép chẳng bằng ai!"

Tưởng như vậy là mình tìm được con dâu hiền hậu, không đánh đá chua ngoa, ai ngờ cưới về mới biết con dâu sút môi!. Nhưng đã nhờ việc, biết tính sao ?

Lại có trường hợp đánh tráo: Khi đi hỏi thì cho thằng em nhanh nhẹn và "sạch mặt" hơn đóng vai chàng rể, đến khi cưới thì lại cưới cho thằng anh đàn độn, xấu xí. "Miếng trầu để dâu nhà người", biết tính sao đây ? Dâu sao cũng mang tiếng một đời chồng.

Điều 4 : Lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống có đúng không ? Có cần thiết không ?

Đối với các cụ thì câu hỏi này thừa, vì "Nòi nào giống ấy", "Cây nào quả ấy", "Giỏ nhà ai quai nhà ấy", "Con nhà công chả giống lông cũng giống cánh", "Tìm nơi có đức gửi thân", ai chẳng muốn có trai hiền gái đảm, rể thảo dâu hiền. Thời nay, một số bạn trẻ coi thường cho là phong kiến lạc hậu. Có những đôi trai gái mới chỉ gặp nhau trên một đoạn đường, đã vội đính ước, tính chuyện vuông tròn, thậm chí họ đã biết rõ cả "Ngọn nguồn lạch sông"!!!Đành rằng cũng có trường hợp "Một ngày nên nghĩa, chuyển đồ nên duyên", song thành công là cá biệt, thất bại là phổ biến.

"Tìm tông, tìm họ" không có nghĩa là tìm chốn sang giàu, khinh người nghèo khó, mà chủ yếu là tìm nơi có gia giáo, có đức độ.

"Cha mẹ hiền lành để đức cho con", "Đời cha ăn mặn, đời con khát nước". Con người sinh ra lớn lên do nhiều yếu tố xã hội chi phối, nhưng nam nữ thanh niên mới lớn lên, trường đời chưa từng trải, giáo dục gia đình là yếu tố quan trọng và chủ đạo. Hôn nhân là việc hệ trọng, tác động cả đời, mà con người rất dễ mù quáng trong tình yêu. Qua tuần trăng mật không phải mọi việc trong quan hệ vợ chồng đều suôn sẻ. khi có những việc khó khăn, trục trặc trong cuộc sống, ai cũng muốn tìm điều hay lẽ phải để giải quyết cho thoả đáng. Lúc đó cần dựa vào "Tông", vào họ hàng, tìm những tình cảm chân thành và tri thức đúng đắn.

"Môn đăng hộ đối", tức là tìm nơi hai gia đình, hai bên thân thuộc, có những mặt cân đối phù hợp với nhau, chứ đâu phải bắc bạc leo thang, kẻ khinh người trọng.

Ngoài ra còn một yếu tố nữa: Tính đến ghen di truyền.

Ngày xưa trong một vài hoàn cảnh đặc biệt có ông chồng thoả thuận ngầm với vợ đi "Xin nòi". Xin lưu ý: những người đàn bà đó không thuộc loại lẳng lơ đâu - ta cũng chỉ cần biết nói nhỏ với nhau thôi và nhấn mạnh "Hoàn cảnh đặc biệt"!

Điều 5 : Người trong cùng họ có lấy nhau được không ?

Ở các nước Âu Mỹ, anh chị em con chú bác ruột vẫn có quyền lấy nhau, qua tác phẩm "Ogiêni Grăngđê" ta thấy mối tình giữa hai anh em con chú bác ruột Grăngđê và Ogiêni sở dĩ trắc trở là do thói keo kiệt biển lận của lão Grăngđê, chứ tác giả không đã động đến vấn đề chung huyết thống.

Trung Quốc là một nước chịu ảnh hưởng của văn hoá phong kiến nặng hơn ta nhiều, nhưng anh chị em con cô, cậu ruột, con dì ruột vẫn được lấy nhau. Xem Bảo Thoa, Bảo Ngọc... trong "Hồng Lâu Mộng" yêu nhau, lấy nhau là chuyện bình thường.

Ở nước ta, dưới triều Trần, con cháu nhà vua chỉ được lấy người trong Hoàng tộc (lấy sang họ khác sợ bị nạn ngoại thích cướp ngôi). Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn lấy Thiên Thành công chúa, tức là cô ruột của mình. Vua Trần Thánh Tông lấy Thiên Cảm Hoàng hậu, tức chị con bác ruột. Vua Trần Minh Tông lấy Lệ Thánh Hoàng hậu, tức con chú ruột, đều là cháu nội vua Trần Nhân Tông vv...

Còn trong dân gian từ triều Lê về sau, nếu trong họ nội thân cùng quê mà lấy nhau gọi là hôn thú, họ hàng không chấp nhận. Nếu cùng họ nhưng đã xa đời, thuộc chi khác nhau hay đã xa quê (gọi là biệt tổ ly tông) thì vẫn lấy nhau được. Thời xưa, do trọng nam khinh nữ, hoặc thiếu hiểu biết về gien di truyền, nên anh chị em con cô, cậu ruột coi như khác họ vẫn có quyền làm thông gia với nhau. Ca dao tục ngữ trong dân gian còn ca ngợi trường hợp cháu cậu mà lấy cháu cô, coi như "Thóc lúa trong bồ, giống má nhà ta".

Nhưng di truyền học đã khẳng định rằng người có chung huyết thống mà có con với nhau thì qua nhiều đời dòng giống bị thoái hoá, có trường hợp bị quái thai, vì vậy anh em họ lấy nhau, kể cả họ nội hay họ ngoại đều không có lợi.

Luật pháp nước ta qui định cùng chung huyết thống ba đời, kể cả bên bố hay bên mẹ, đều không được lấy nhau.

Điều 6 : Sự tích tơ hồng

"Tơ hồng Nguyệt lão thiên tiên" dựa theo tích Vi Cốc gặp ông lão trong một đêm trăng, ngồi kiểm sách hướng về phía mặt trăng, sau lưng có cái túi đựng đầy dây đỏ. Ông lão bảo cho biết đây là những văn thư kết hôn của toàn thiên hạ. Còn những dây đỏ để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ thành chồng. Một hôm, Vi Cốc vào chợ gặp một bà già chột mắt ẩm đưa bé đi qua. Bỗng ông già lại hiện lên cho biết đứa bé kia sẽ là vợ anh. Vi Cốc giận, bảo đầy tớ tìm giết đứa bé ấy đi.

Người đầy tớ lén đem đứa bé giữa đám đông rồi bỏ trốn. Mười bốn năm sau, quan Thứ Sử Trương Châu là Vương Thái gả con gái cho Vi Cốc. Người con gái dung nhan tươi đẹp, giữa lông mày có dính một bông hoa vàng. Vi Cốc gạn hỏi, vợ mới bảo: Thuở còn bé, một bà vú họ Trần bế vào chợ bị một tên cuồng tặc đâm phải. Vi Cốc hỏi: Có phải bà vú đó chột mắt không ? người vợ bảo: Đúng thế! Vi Cốc kể lại chuyện trước, hai vợ chồng càng quý trọng nhau cho là duyên trời định sẵn.

Mẫu chuyện vui: Tình yêu làm cho con người lú lẫn.

..."Tâu Thượng đế, theo hạ thần thì thượng đế không cần đòi lại trí khôn của con người. làm như thế không khỏi mang tiếng là trời nhỏ nhen. Điều mà thượng đế nên làm là hạn chế trí khôn của con người."

-"Bằng cách nào"?

-"Chỉ có tình yêu-Không có gì làm con người lú lẫn đi như trong tình yêu. Trời chỉ cần phải một vị thần mang vòng dây xuống trần, cứ đôi trai gái nào ở gần nhau thì quăng cho một vòng. Người nào càng thông minh thì cần quăng thêm cho nhiều vòng. Con người chỉ luẩn quẩn trong những vòng ấy mà chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện lên quấy nhiễu nhà trời nữa".

Trời khen "Thật là diệu kế"!, bèn truyền cho ông tiên già mang những chiếc vòng của trời xuống trần gian.

Từ ngày bị ông tiên già khoác vào người mình những vòng dây tình ái, con người chỉ luẩn quẩn với nhau, không còn nghĩ tới chuyện đánh nhau với trời nữa. Ông tiên già ấy được gọi là ông "Tơ" .

Điều 7 : Tục thách cưới hay dở ra sao ?

Đã "Thách" là dở hoặc dở nhiều mà hay ít. Thời nay tôn trọng tự do luyến ái hôn nhân, luật hôn nhân trong chế độ mới đã giải phóng cho nam nữ thanh niên, nhưng luật tục còn gò bó, trói buộc. thách cưới cũng là một lệ tục lạc hậu rơi rớt lại, trói buộc cả nhà trai lẫn nhà gái, có khi làm cho chàng rể phải bỏ cuộc mà nỗi thiệt thòi nhất lại rơi vào thân phận người con gái, dâu sao cũng mang tiếng một đời chồng, dâu sao cũng làm cho những chàng trai khác phải ngại, xui nên phận hẩm duyên hiu. Ngay thời trước cũng đã có câu: "Giá thú bất luận tài". Đáng lẽ nên vợ nên chồng, thành gia thành thất, là mừng cho cả hai gia đình, nhưng gặp phải một vài bà cô, ông bác bên nhà gái khó tính, thách cưới nào quần áo, nón dép, nào rượu bánh cau trầu, che thuốc, nào nếp tẻ, lợn gà, nào nhẫn xuyên, hoa tai, tiền mặt, lại còn tính đủ cổ dâu cổ cưới bao nhiêu mâm, nên nhà trai phải bỏ cuộc. Cũng có đám nhà trai phải chạy ngược chạy xuôi, lo xong việc rồi kéo cày trả nợ; song, ngay từ buổi thành hôn, nghĩa vợ chồng, tình thông gia đã bị sút mẻ, đó là mầm mống gây nhiều bất trắc về sau.

Cũng có trường hợp, nhà gái túng thiếu không đủ tự lực cung cấp cho đủ cái lệ làng "Trả nợ miệng", đòi hỏi nhà trai phải lo chu toàn. Cũng có trường hợp, bố mẹ cô dâu còn phải xuất ra gấp năm gấp mười lần và sau khi thành thân còn cho con gái, con rể nhiều thứ, nhưng cũng thách cưới cao để tránh tiếng xì xào, đàm tiếu, cho rằng con mình dở duyên rồi, nên phải cho không.

"Hay ít" là để dành cho những gia đình có học thức, không thách tiền, thách của mà thách chữ nghĩa văn chương với ý đồ chọn rể con nhà gia thế, với hy vọng tương lai con mình còn được "Lọng anh đi trước võng nàng theo sau" chứ không đến nỗi phải rơi vào những anh chàng "Vai u thịt bắp" nơi "Nước mặn đồng chua".

Điều 8 : Bánh su sê hay bánh phu thê ?

Trong lễ cưới có nhiều lễ vật, nhưng không thể thiếu bánh "Su sê", nguyên xưa là bánh "Phu thê", một số địa phương nói chệch thành bánh "Su sê".

Bánh su sê làm bằng bột đường trắng, dừa, đậu xanh và các thứ hương ngũ vị, nặn hình tròn, bọc bằng hai khuôn hình vuông úp lại với nhau vừa khít, khuôn làm bằng lá dừa, lá cau hoặc lá dứa, vỏ để nguyên không luộc để giữ màu xanh thắm.

Sở dĩ gọi là bánh phu thê (chồng vợ) vì đó là biểu tượng của đôi vợ chồng phận đẹp duyên ưa: vuông tròn, trong trắng mềm dẻo, ngọt ngào, thơm tho, xanh thắm, đồng thời cũng là biểu tượng của đất trời (trời tròn, đất vuông) có âm dương ngũ hành: Ruột trắng, nhân vàng, hai vỏ xanh úp lại buộc bằng sợi dây hồng.

Điều 9 : Tiền nạp theo (hay treo) là gì ?

Tiền "cheo" là khoản tiền nhà trai nạp cho làng xã bên nhà gái. Trai gái cùng làng xã lấy nhau cũng phải nạp theo song có giảm bớt. Xuất xứ của lệ "Nạp theo" là tục "Lan nhai" tức là tục chằng dây ở dọc đường hoặc ở cổng làng. Đầu tiên thì người ta tổ chức đón mừng hôn lễ, người ta chúc tụng, có nơi còn đốt pháo mừng. Để đáp lễ, đoàn đưa dâu cũng đưa trâu cau ra mời, đưa quà, đưa tiền biếu tặng. Dần dần có những người làm ăn bất chính, lợi dụng cơ hội cũng chằng dây, vò tiền, sách nhiễu, trở thành tục lệ xấu. Vì thói xấu lan dần, gây nhiều cản trở, triều đình phải ra lệnh bãi bỏ. Thay thế vào đó, cho phép làng xã được thu tiền theo. Khi đã nạp theo cho làng, tức là đám cưới được làng công nhận có giấy biên nhận hẳn hoi. Ngày xưa, chưa có thủ tục đăng ký kết hôn, thì tờ nạp theo coi như tờ hôn thú. Nạp theo so với chằng dây là tiến bộ. Khoản tiền theo này nhiều địa phương dùng vào việc công ích như đào giếng, đắp đường, lát gạch, xây cổng làng...Nhưng nhiều nơi chỉ cung đốn cho lý hương chè chén. Đã hơn nửa thế kỷ, lệ này bị bãi bỏ rồi. Thanh niên ngày nay chỉ còn thấy bóng dáng của tiền theo qua ca dao- tục ngữ.

- Nuôi lợn thì phải vớt bèo

Lấy vợ thì phải nộp theo cho làng.

- Cưới vợ không theo như tiền gieo xuống suối.

- Ông xã đánh trống thỉnh thỉnh

Quan viên mũ áo ra đình ăn theo.

- Lấy chồng anh sẽ giúp cho

Giúp em...

Giúp em quan tám tiền theo

Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.

Thật quá cường điệu, Chứ tiền theo không thể vượt quá tiền cưới.

Điều 10 : Những cách gỡ bí cho bạn trẻ khi lo đám cưới

Đáng lẽ mừng đám cưới như tục lệ trói buộc thành ra lo đám cưới. Tục cũ đã truyền nhiễm lâu không dễ một mai đổi ngay được. Vậy phải làm thế nào?

Để giúp các gia đình cưới dâu, một số gia vùng nông thôn có tục góp lễ cưới: đầu năm gia đình báo cho họ hàng xóm giềng biết dự định cưới dâu vào tháng nào, thông thường vào sau vụ thu hoạch. Lần lượt các gia đình đóng góp các khoản gạo nếp, gạo tẻ, đậu xanh, rượu hoặc tiền theo định lượng. Còn lợn gà thì gia đình nào tự liệu cho gia đình ấy. Tục góp cưới cũng giống như hội tương tế tương trợ, hội cày cấy, hội lợn nhà... luân phiên các gia đình. Đây là một tục hay, cùng nhau lo dần đến lượt mình đỡ phải lo những khoản lớn. Tiền, quà cưới của khách, bạn đưa tới thực chất cũng là hình thức góp lễ cưới, nhưng không chủ động được kế hoạch, thứ có không cần, thứ cần không có, thành ra tốn kém. Lệ chơi họ ngày nay, chung vốn để kinh doanh buôn bán cũng là xuất phát từ hình thức góp tiền nhau để làm nhà cưới vợ, tậu trâu bò ở nông thôn. Vì xuất phát từ họ hàng giúp nhau nên mới gọi là chơi họ. Nếu Đoàn Thanh niên địa phương nào vững mạnh, cán bộ đoàn công tâm liêm khiết tháo vát, tổ chức "Hội chơi họ cưới vợ" có kế hoạch quản lý kinh doanh sử dụng phân phối chặt chẽ, ắt được nhiều bạn thanh niên hưởng ứng, tham gia...Bước đầu cũng đã có một số địa phương tổ chức "Dịch vụ đám cưới" như mua sắm cho thuê quần áo cưới, bát đĩa, ấm chén bàn ghế, phong màn, tổ chức trang trí, chụp ảnh, ca nhạc...vừa kinh doanh gây quỹ, vừa phục vụ thuận tiện, có chế độ ưu đãi với người góp cổ phần,với Đoàn viên.

Điều 11 : Cô dâu trước khi về nhà chồng phải có những thủ tục, động tác gì ?

Khi nhà trai bắt đầu đến đón dâu thì cô dâu cùng với chú rể đến trước bàn thờ gia tiên, khấu đầu làm lễ, tự khấn niệm xin tổ tiên chấp nhận kể từ nay nên vợ nên chồng, phù hộ cho trăm năm duyên ưa phận đẹp, cầm sắt giao hoà. Cũng có thể nhờ gia trưởng khấn hộ cho có bài bản hẳn hoi. Lễ xong, hai người đưa hộp trầu, bao thuốc, đi mời chào thân nhân, khách, bạn khắp một lượt, người nhà sau, những đám cưới có tổ chức thường đã có sự sắp xếp vị trí sẵn. Trong khi chào mời, cô dâu phải giới thiệu cho chàng rể biết mối quan hệ để biết cách xưng hô.

Sau cùng, trước khi bước ra cửa để về nhà chồng là lễ tạ cha mẹ: Cha mẹ ngồi sẵn một phía ở cửa chính, nếu ông bà nội ngoại còn thượng tại có đến dự thì ông bà cũng ngồi chung một phía, nhưng ở ghế cao hơn. Thời xưa cả đôi tân hôn phải lạy hai lạy, ngày nay châm chúc, cúi đầu cung kính "Xin phép ông bà, cha mẹ con về nhà chồng", "Xin phép ông bà, cha mẹ con xin đón em X về". Lúc đó, cha mẹ ban phát cho con gái, con rể một vật gì đó làm kỉ niệm, có thể là nột cái bút, một gương soi nhỏ nhỏ, một cuốn sách hoặc một chiếc khăn, chiếc quạt....Nhà giàu còn cho thêm hoa tai, nhẫn cưới hoặc quan tiền... (Chú ý, những thứ này nhà trai đã đưa đến hôm lễ nạp tài. Trong gói quà của bà mẹ cho con gái có cái châm cài tóc, hoặc bảy chiếc kim đánh tóc hoặc kim khâu gói trong khăn vuông).

Đối với ông bà cũng có những động tác tương tự.

Điều 12 : Lễ xin dâu có ý nghĩa gì ?

Lễ này rất đơn giản: Trước giờ đón dâu, nhà trai cử một hai người, thường là bà bác, bà cô, bà chị của chú rể đưa một cơi trầu, một be rượu đến xin dâu, báo trước giờ đoàn đón dâu sẽ đến, để nhà gái sẵn sàng đón tiếp.

Phong tục này có nhiều ý nghĩa hay:

Mặc dù hai gia đình đã quy ước với nhau từ trước về ngày giờ và thành phần đưa đón rồi, nhưng để đề phòng mọi sự bất trắc, mọi tin thất thiệt, nên mới định ra lễ này, biểu hiện sự cẩn trọng trong hôn lễ.

Thời gian này chú rể và cha mẹ chú rể rất bận rộn không thể sang nhà gái, nên nhờ người đại diện sang báo trước như bộ phận "Tiền trạm".

Để trong trường hợp vạn nhất hoặc do thời tiết, hoặc do trở ngại giao thông, gần qua giờ quy ước mà đoàn đón dâu chưa đến, nhà gái biết để chủ động làm lễ gia tiên hoặc phái người sang nhà trai thăm dò.

Trường hợp hai gia đình cách nhau quá xa hoặc quá gần, hai gia đình có thể thoả thuận với nhau miễn là bớt lễ này, hoặc nhập lễ xin dâu và đón dâu làm một.

Cách nhập lễ xin dâu và đón dâu tiến hành như sau:

Khi đoàn đón dâu đến ngõ nhà gái, đoàn còn chỉnh đốn tư trang, sắp xếp lại ai đi trước, ai đi sau, trong khi đó một cụ già đi đầu họ cùng với một người đội lễ (một mâm quả trong đựng trầu cau, rượu...) vào trước, đặt lên bàn thờ, thắp hương vái rồi trở ra dẫn toàn đoàn vào làm lễ chính thức đón dâu. Lễ này phải tiến hành rất nhanh. Thông thường nhà gái vái chào xong, chủ động xin miễn lễ rồi một vị huynh trưởng cùng ra luôn để đón đoàn nhà trai vào.

Điều 13 : Mẹ chồng làm gì khi con dâu về đến nhà ?

Phong tục ở mỗi địa phương một khác, trái ngược nhau nhưng đều có ý nghĩa hay:

Ngày xưa ở nhiều địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh có lệ tục mẹ chồng ra cất nón cho con dâu:

Nhà trai đặt sẵn trước ngõ một cái nồi đồng, một cái gáo, trong nồi đặt sẵn một quan tiền đồng và đựng đầy nước trong. Cô dâu vào đến cổng dùng gáo múc nước rửa mặt mũi, chân tay, mẹ chồng bước ra cất nón cho con dâu. Con dâu, một tay cầm lấy quan tiền, một tay vẫn cầm quạt che mặt.

Mẹ chồng dắt con dâu vào nhà đặt quan tiền và cái quạt lên bàn thờ, cúi đầu lễ gia tiên (bốn lạy ba vái theo tư thế của nữ). Sau đó mẹ chồng dắt cô dâu cầm cả tiền và quạt vào buồng. Trong buồng đã chuẩn bị sẵn trà nước hoa quả, giường chiếu mới. Đôi chiếu trải úp vào nhau, do một người thân trong họ có tuổi tác, vợ chồng song toàn, con cháu đông, làm ăn nên nổi, được gia đình mời đến trải chiếu; nếu mẹ chồng có đủ tiêu chuẩn trên thì mẹ chồng trực tiếp dọn giường trải chiếu, nhưng bố chồng thì không được. Khi con dâu nghỉ ngơi xong, khăn yếm chỉnh tề mới bung hộp trà ra chào họ. Trường hợp mẹ chồng đã mất thì một bà cô hay bà dì thay thế.

Phong tục này có nhiều ý nghĩa:

- Thời xưa, con dâu trước khi về làm dâu, còn hoàn toàn xa lạ, bỡ ngỡ, chưa biết đâu là buồng đâu là bếp, ai là bố mẹ chồng. Trừ trường hợp xóm giềng quen biết nhau từ trước không tính, là thân phận con gái chưa cưới đã về nhà trai thì bị dư luận gièm pha là con nhà hư đốn. Có người chồng lại rụt rè e lệ, có trường hợp trước lễ cưới chưa hề tỏ mặt nhau, vậy nên mẹ chồng niềm nở ra đón dâu, dắt dâu vào nhà là hay, là phải lễ. Mới bước về nhà chồng đã được tổ tiên, ông bà, cha mẹ chồng ban phước lộc, dồi dào như nước quan tiền là biểu tượng vốn liếng của riêng mà mẹ chồng trao cho.

Nhiều địa phương lại có tục khác: Khi con dâu vừa vào đến nhà thì mẹ chồng cầm chiếc bình vôi tạm lánh sang hàng xóm ít phút.

Tục đó cũng có ý nghĩa hay: Tức là mẹ chồng đã xác định vai trò, trách nhiệm con dâu sẽ về làm chủ, mẹ chồng sẵn sàng trao quyền công việc trong nhà trong cửa cho con dâu, nhưng không phải trao toàn quyền đầy hết trách nhiệm mà bà vẫn là người nắm quyền điều hành, vì bình vôi là vật tượng trưng cho bà Chúa trong nhà.

Điều 14 : Tại sao mẹ cô dâu kiêng không đi đưa cô dâu ?

Trong chế độ phong kiến cũ, hôn nhân cưỡng ép, thường là cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy. Thực ra, trong nhiều gia đình, người cha quyết định mọi việc, người mẹ chỉ biết tuân theo. Vì thế đã xảy ra một số trường hợp oái ăm: Ngày con gái vu quy đáng lẽ là ngày vui nhất trong đời nhưng người thì khóc lóc buồn tủi vì bị ép buộc, người thì lo sợ cảnh làm dâu, làm vợ, từ tấm bé chưa rời mẹ, nay tự nhiên mẹ con xa nhau; mẹ thương con còn thơ dại, cũng mũi lòng sụt sùi khóc. Thế là, trong khi hai họ đang vui mừng yến ẩm ở nhà ngoài thì hai mẹ con lủi thủi, cắp nón ra về. Tan tiệc, nhà trai chẳng tìm thấy cô dâu đâu nữa. Qua một vài đám đại loại như vậy người ta rút kinh nghiệm không nên để mẹ cô dâu đi đưa dâu, dần dần bắt chước nhau, trở thành tục lệ.

Một vài địa phương, cả bố cô dâu cũng không đi đưa dâu với lý do con mình đã gả bán cho người. Tuy rằng trong văn sách có ghi "Giá thú bất luận tài" nghĩa là không bàn đến tiền tài trong việc cưới hỏi, nhưng không hiểu vì sao trong ngôn ngữ Việt Nam lại kết hợp "Gả bán" liền nhau.

Thời nay hôn nhân tự do, trai gái tìm hiểu, yêu nhau kết hôn trên cơ sở tình yêu đôi lứa, cha mẹ chỉ tham gia góp ý, hướng dẫn, vậy thì cha mẹ có nên đến dự lễ vui của hai con không? Đã có nhiều đám cưới ngày nay bỏ tục kiêng này.

Điều 15 : Tại sao trong gói quà mẹ cho con gái trước giờ vu quy có một chiếc trâm hay bảy chiếc kim ?

Chúng tôi chưa được biết một tài liệu thành văn nào nói về tục này, có lẽ vì các cụ nhà nho ngày xưa đã cầm bút là phải viết những lời thanh nhã. Tục này chỉ là một thứ bí truyền do người mẹ thủ thi "tâm sự" ngậm với con gái vào buổi trước khi về nhà chồng. Thời trước, cô dâu quấn khăn nhiều trên đầu, có đính mấy chiếc kim trên khăn là đủ hiểu rồi. Vì không có tài liệu thành văn, vì có những trường hợp mẹ mất sớm hoặc đám cưới xa quê vắng mẹ, nên nhiều bà mẹ thời nay (vốn là cô dâu ngày trước) không biết để truyền tiếp cho con gái. Xuất sứ của tục này là đề phòng tai biến "Phạm phòng". "Phạm phòng" là gì? Nói thô tục là chết ngay trên bụng vợ ngay khi quan hệ vợ chồng. Ca dao tục ngữ có câu "nhất phạm phòng, nhì lòng lợn" có nghĩa là: Được ăn lòng lợn ngon miệng, dẫu chết cũng sướng.

Chàng rể qua mấy ngày đêm lo lắng, chạy ngược chạy xuôi, bận rộn, vất vả, đêm tân hôn là đêm xao xuyến, rạo rực nhất, lại thêm mấy chén rượu ngà ngà say, đến một thời điểm cảm xúc quá đà, nếu người có thể chất và tâm thần suy tổn nhiều thì lúc xuất tinh, thần kinh từ trạng thái hưng phấn quá độ chuyển thành ức chế quá độ, dễ bị phạm phòng, nếu người vợ không biết xử lý kịp thời có thể người chồng chết trên bụng vợ. Hầu như không có trường hợp người phụ nữ bị phạm phòng.

Trong lúc giao hợp, cửa buồng đóng kín, thân thể loã lồ, lại thêm tâm lý e thẹn xấu hổ, sợ hãi, nếu người vợ thả người chồng ra, để dương vật thoát ra ngoài, mất sự điều hoà khí âm khí dương thì khó lòng cứu chữa.

Lúc đó, sẵn có cái trâm cài trên đầu hoặc mấy chiếc kim đính ở vành khăn, người đàn bà một tay vẫn ôm riết lấy phía dưới lưng chồng một tay lấy chiếc trâm hoặc kim chích vào phía dưới hố xương chậu, phía trên hậu môn, kích thích đến lúc nào người chồng tỉnh lại. Người con trai nào có lông ở đít thì giật lông. Nếu chưa tỉnh thì tiếp tục châm kim, lấy mùi xoa trắng hoặc lấy giấy bản chấm thử, hề thấy có máu chảy là chữa được. Trong phòng đôi tân hôn nên để ngọn đèn con nhằm tạo thêm khoái cảm, mặt khác cũng vì mục đích đó nữa, nhưng vẫn chú ý phải ôm riết chồng trên bụng. Chúng tôi không đi sâu vào lĩnh vực y dược, song có phương thuốc được lưu truyền trong dân gian: Cắt chuột và lá hẹ giã nhỏ, người đàn bà ngậm rồi trứm vào miệng chồng, vì lúc đó người chồng đang nằm sấp rất khó đồ thuốc.

Trường hợp nhẹ, người đàn ông vẫn còn tỉnh nhưng cơ thể liệt nhược sau khi giao hợp, gọi là phòng thất, phải uống thuốc bổ dương một thời gian sau mới hồi phục sức khỏe.

Còn tại sao lại 7 chiếc kim: Theo quan niệm cổ truyền " Nam thất nữ cửu" (đàn ông 7 vía, đàn bà 9 vía). Vì đề phòng xa , dùng cho con rể nên bà mẹ vợ chỉ đưa 7 chiếc kim - chứ không phải dùng cho con gái vì con gái không bị phạm phòng.

Trong hàng vạn trường hợp mới có một trường hợp là phạm phòng, nhưng các bạn trẻ cũng nên biết trước để khi ngộ sự biết chủ động xử lý. Điều cần thiết là phải cùng nhau hiểu biết, thông cảm mà

phòng ngừa, nhất là trong tuần trăng mật hoặc vợ chồng cách xa nhau lâu ngày về gặp nhau. Các bạn gái vì e thẹn xấu hổ nhất thời mà mang lại mối ân hận suốt đời.

Giới thiệu thêm phương thuật chữa tai biến phạm phòng:

Khi nam nữ giao hợp với nhau, khoái cảm lên đến cực độ, tinh khí xuất quá nhiều, có thể chết (chết trên bụng vợ). Khi xảy ra như thế, nhất thiết không được đẩy rời nhau ra (dù là xấu hổ cũng phải để nguyên như tư thế đang giao hợp). Nếu đàn ông xuất tinh quá nhiều bị thoát, thì người đàn bà phải chum miệng thổi hơi nóng của mình vào miệng chồng, nếu đàn bà bị thoát hết khí, thì đàn ông cũng làm như vậy, để tổng hơi nóng của mình vào miệng vợ. Tổng hơi nóng như vậy mấy chục lần, dương khí sẽ dần trở lại. Trong khoảnh khắc cấp bách giành giật giữa cái sống và cái chết như vậy, để bảo vệ điều hoà hai khí âm dương, chẳng những không được hoảng hốt rời khỏi giường, mà không để cho dương vật thoát ra khỏi âm hộ, nên phải ôm chặt lấy phần nửa mình phía dưới. Người đã ngất lịm rồi không biết gì nữa, hoàn toàn phải do người sống chủ động ôm riết lấy, để cho khí không tuyệt hẳn, phải tổng khí liên tục cho đến khi sinh khí của người kia tỉnh lại mới thôi. Cách tổng khí: Phải chum miệng lại, đưa được khí từ hạ đan điền(1) lên, truyền qua miệng tổng khí vào đến yết hầu người kia theo nhịp thở. Cách này cả trai và gái đều nên biết. Sau khi dương khí đã hồi phục phải dùng bài "Nhân sâm phụ tử thang"(2). Nếu nhà nghèo không có nhân sâm, thì cấp tốc dùng 4 lạng hoàng kỳ, 2 lạng đương quy, 5 đồng cân phụ tử, sắc uống cũng có thể cứu sống được. Trường hợp người đàn ông xuất tinh quá nhiều khí hết, mà đã nhờ đẩy ra rồi, thì phải cấp tốc vực ngồi dậy ôm choàng lấy mà tổng khí vào miệng, nếu khí qua miệng khó vào thì dùng ống thông hơi hai đầu đút vào miệng mà thổi, miễn sao hơi vào được qua cuống họng. Có thể mượn người đàn bà, con gái mạnh khoẻ khác hà hơi, không nhất thiết phải là người vợ hoặc người đàn bà vừa giao hợp. Đó là cách lấy người để chữa người, khả năng sắp chết vẫn cứu sống được.

(1) Hạ đan điền: vùng bụng dưới rốn.

(2) Nhân sâm phụ tử thang: Phụ tử: 1 đồng cân. Phục linh: 7,5 phân. Nhân sâm: 1 đồng cân. Bạch truật: 1 đồng cân. Bạch thược: 1,5 đồng cân

Điều 16 : Tại sao phải có phù dâu ?

Tục lệ xưa cần có phù dâu vì hôn nhân cưỡng ép, do cha mẹ định đoạt, nhiều nơi lại có nạn tảo hôn, thông thường thì "Nữ thập tam nam thập lục", con gái mười ba tuổi về nhà chồng đã biết gì đâu! do đó cô dâu phải có người dẫn dắt. Người dắt cô dâu gọi là phù dâu.

Ngày xưa phù dâu phải là người cô, người dì hay chị em thân thiết của cô dâu, có khả năng thuyết phục, bày vẽ cho cô dâu, được cô dâu kính nể, mến phục, được bố mẹ cô dâu ủy thác. Người phù dâu phải là người may mắn, tốt phúc, duyên ưa, phận đẹp, con gái lành mạnh ngoan ngoãn, gia đình êm ấm, đề huề có thể truyền kinh nghiệm làm dâu, làm mẹ, làm vợ cho em, cho cháu mình.

Phù dâu nhiều khi còn phải ở lại năm bảy ngày sau để cho cô dâu đỡ buồn và để chỉ bảo kinh nghiệm. Thông thường phù dâu cũng trở lại với dâu rể trong lễ lại mặt.

Đám cưới ngày xưa phải có phù dâu, không định lệ, và cũng không có danh từ "Phù rể". Đám cưới ngày nay, nhiều nơi có cả phù dâu, phù rể, có đám mời đến năm sáu đôi phù dâu phù rể toàn là trai thanh, gái lịch, chưa vợ chưa chồng. Có lẽ chủ yếu để cô dâu thêm bạn, chú rể thêm bầu.

Hay phải chăng ngày nay chàng rể bẽn lễn e thẹn hơn xưa, nên phải có người dẫn dắt. Hay đám cưới trước thường sinh ra nhiều đám cưới sau nên phải chăm lo đào tạo những cô dâu, chú rể tương lai.

Điều 17 : Lễ lại mặt có ý nghĩa gì ?

Lễ thành hôn, tơ hồng, hợp cẩn xong xuôi, hai vợ chồng tân hôn trở về nhà gái mang theo lễ vật để tạ gia tiên ông bà cha mẹ, đi chào họ hàng thân nhân bên nhà gái sau đó đón bố mẹ và vài thân nhân sang nhà chú rể. Kể từ buổi đó, mẹ cô dâu mới chính thức tới nhà chú rể và nhà thông gia, vì trong lễ cưới, mẹ cô dâu (có nơi cả bố) không đi đưa dâu. Lễ lại mặt thường tiến hành vào ngày thứ hai hoặc thứ tư sau ngày cưới (gọi là nhị hỷ hoặc tứ hỷ) tùy theo khoảng cách xa gần và hoàn cảnh cụ thể mà định ngày. Thành phần chủ khách rất hẹp, chỉ gói gọn trong phạm vi gia đình.

Phỏng theo tục cổ Trung Quốc: nếu trong lễ lại mặt, có cái thủ lợn cắt lỗ tai tức là ngầm báo với nhà gái rằng nhà trai trả lại, vì con gái ông bà đã mất trinh (Đêm tân hôn có lót giấy bản, gọi là giấy thám trinh, để xem người con gái còn trinh tiết hay không. Nếu còn trinh thì trên giấy bản sẽ có mấy giọt máu. Mã Giám Sinh sau khi cưỡng ép phá trinh nàng Kiều xong dùng "Nước vỏ Lựu", "Máu mào gà" hòng lường gạt làng chơi tưởng nhầm là Kiều vẫn còn trinh).

Trường hợp hai nhà xa xôi cách trở, ông già bà lão thì nên miễn cho nhau, cô dâu chú rể nếu bận ông tác cũng nên được miễn thứ. Nếu điều kiện cho phép thì nên duy trì, vì lễ này mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp:

- Nhắc nhở con đạo hiếu, biết tạ ơn sinh thành, coi bố mẹ vợ cũng như bố mẹ mình.
- Thắt chặt và mở rộng mối quan hệ thông gia, họ hàng ngay từ buổi đầu, tình cảm được nhân đôi.
- Hai gia đình cùng trao đổi rút kinh nghiệm về việc tổ chức hôn lễ và bàn bạc về trách nhiệm của hai bên bố mẹ trong việc tác thành cuộc sống cho đôi trẻ trong tương lai.

Điều 18 : Trả lời câu hỏi không rõ câu hỏi

Tại sao kỳ quặc thế ? Vì các bạn trẻ muốn hỏi nhưng ngại không đặt thành câu hỏi, hoặc không biết đề mà hỏi vì những vấn đề này thời trước chỉ do người mẹ thầm với con gái, người đàn ông chỉ thầm hiểu mà không bao giờ nói tới. Đó là những bí mật trong phòng giữa đôi trai gái. Chúng tôi cũng chỉ xin nói thầm với các bạn trẻ, xin chớ hiểu lầm là chuyện khiêu dâm, thiết nghĩ vì hạnh phúc đôi lứa, vì tương lai nòi giống, trước khi thành hôn cần có những kiến thức sơ đẳng:

Tuổi dậy thì từ lứa tuổi nào ? Có những biểu hiện gì về tâm sinh lý ? " Nữ thập tam nam thập lục". Theo đánh giá của các cụ ngày xưa, gái mười ba trai mười sáu đúng tuổi dậy thì. Trong tuổi phát dục đó, cơ thể lớn nhanh như thổi, chỉ đầu năm đến cuối năm đã biến đổi rất nhiều: má hồng, ngực nở, mông phát triển, nhú âm mao, nam mọc ria mép, một số thì mặt nổi trứng cá, nữ đã hành kinh, có tâm lý e thẹn khi tiếp xúc với người khác giới, ánh mắt tế nhị kín đáo, kể cả tiếp xúc với người thân trong gia đình nhưng khác giới đã bắt đầu có sự ngăn cách. Cả nam và nữ ở tuổi này đã ham làm dáng. Có trường hợp tuổi dậy thì đến sớm hơn hoặc muộn hơn vài năm.

Thời xưa, tảo hôn, có cô gái mười ba tuổi đã bắt đầu sinh nở. Nên chú ý, mặc dù con gái đã có dục tính nhưng giao hợp sớm cơ thể sẽ suy nhược nhanh chóng dẫn tới hậu quả làm cho nòi giống bị suy thoái.

Trai gái giao hợp là thuận theo quy luật điều hoà âm dương nhưng chỉ nên khi nào cả hai bên đều có khoái cảm mạnh. Người đàn bà thường khoái cảm chậm hơn đàn ông, các bạn trai nên chú ý kiên trì chờ đợi, kích dục nhẹ nhàng, đừng để xảy ra tâm lý lo sợ. Một đặc điểm nữa là khoái cảm đàn bà đến chậm hơn nhưng lâu hơn vậy nên có trường hợp người đàn bà chán nản vì người đàn ông không đáp ứng được yêu cầu sinh lý, có khi dẫn tới ngoại tình hoặc ly hôn.

Vì hạnh phúc lâu dài, nhiều khi người đàn ông biết tự kiềm chế. Ví dụ trường hợp vợ chồng xa vắng lâu ngày gặp nhau, gặp phải thời kỳ hành kinh của vợ, có khi người vợ nể chồng phải chiều theo ý chồng nhưng rất có hại đến vệ sinh phụ nữ. Trong trường hợp mới sinh nở cũng vậy.

Người đàn bà có thai gần tới kỳ sinh nở thì chẳng những đàn ông mà đàn bà cũng vậy, phải tự kiềm chế dục cảm, tốt nhất là nên tạm thời dừng lại để bảo vệ cho sản phụ và thai nhi:

Nam nữ thanh niên chưa lấy vợ lấy chồng, hoặc tình duyên không mãn nguyện thường có thói thủ dâm để đạt khoái cảm nhất thời nhưng rất hại cho sức khoẻ lâu dài về sau. Nên biết trước để tránh hậu quả không hay, nhất là đối với nam giới.

Trước lúc động phòng, cả nam và nữ đều phải sạch sẽ, tâm hồn thư thái, kiêng kỵ lúc mới lao động nặng nhọc hoặc mới đi xa về chưa kịp nghỉ ngơi.

Coi việc hiểu biết về những kiến thức vệ sinh giao hợp là cần thiết, vợ, chồng nên nhỏ nhẹ tâm tình, chớ coi đó là chuyện dâm ô.

Điều 19 : Khi người đàn bà tái giá có những thủ tục gì ?

Đàn ông lấy vợ gọi là thú, đàn bà lấy chồng gọi là giá. Có nhiều trường hợp đàn bà phải tái giá: Một là duyên không ưa, phận không đẹp phải ly hôn; hai là nửa đường đứt gánh, goá bụa khi tuổi còn xoan...

Ở đây chúng tôi không nói đến sự khác biệt giữa luật hôn nhân thời xưa và thời nay, và những quy định bất công về phụ nữ thời phong kiến mà chỉ nói về phong tục, trong đó một số phong tục còn duy trì tới nay:

-Cha mẹ chỉ gả bán một lần, lần sau không tham gia cưới hỏi.

-Đàn bà goá, tục gọi là "Nạ dòng" ít có trường hợp lấy được trai tân, phần lớn làm vợ kế hay vợ lẽ, nói chung là chấp nối tơ duyên, "Rỏ rá cạp lại", nên lễ cưới hỏi chỉ bó hẹp trong phạm vi thân nhân gia đình và vài bà con xóm giềng.

Điều 20 : Tại sao gái « nạ dòng » không lấy được « trai tơ » ?

Không phải tác giả đặt câu hỏi để giải đáp, mà chính tác giả thắc mắc mong được giải đáp vì sao có sự bất công đó?

Ngày xưa những người đàn bà goá chồng hay bị chồng bỏ thì chỉ còn cách lấy lẽ hay lấy kế, mặc dầu còn trẻ, còn xoan cũng ít ai lấy được trai tân (trai tơ). Những ai là trai chưa vợ mà kết duyên với gái đã có một đời chồng, dù ít tuổi hơn mình, cũng bị làng trên xã dưới cười chê. Ngược lại có những đức lang quân đã ngoại tứ tuần, đã hai ba đời vợ vẫn lấy được con gái tơ chỉ bằng tuổi con mình. Như vậy mà thiên hạ vẫn khen là đẹp đôi vừa lứa.

Những người đàn bà duyên phận hẩm hiu, quá lứa lỡ thì, ngày xưa chỉ làm vợ lẽ nàng hầu, thời nay rất khó lấy chồng. Luật hôn nhân phong kiến có nhiều điều bất công đối với phụ nữ, luật hôn nhân sau Cách mạng đã thực hiện đúng nam nữ bình quyền, nhưng tập tục dư luận xã hội vẫn còn bất công đối với nữ. Vậy muốn thực sự giải phóng phụ nữ, phụ nữ phải tự đấu tranh đòi giải thoát khỏi những mặc cảm vô lý nói trên. Xin kiến nghị các cấp lãnh đạo, trước hết là cán bộ đoàn thể phụ nữ hướng dẫn dư luận xoá bỏ dần những mặc cảm bất công nói trên.

Điều 21 : Quan hệ vợ cả, vợ lẽ ra sao ?

Ngoại trừ chế độ mẫu hệ, còn như trong chế độ phụ hệ người đàn bà chẳng mấy khi có chồng cả, chồng lẽ; ngược lại đàn ông năm thê bảy thiếp là chuyện thường, càng quyền quý cao sang càng lắm vợ: Minh Mạng có 142 con, "Nhất dạ ngũ giao, tam hữu dựng" (trong một đêm ngủ với năm bà thì ba bà có thai) còn bao nhiêu vợ thì không thể thống kê được. Nguyễn Công Trứ 73 tuổi, lấy vợ lẽ thứ 10, đêm tân hôn cảm tác:

"Tân nhân dục vấn: Lang niên kỷ? - Ngũ thập niên tiền nhị thập tam"

(Dịch nghĩa: Nàng muốn hỏi anh: chàng mấy tuổi - Năm mươi năm trước mới hăm ba)

Đạo Thiên chúa chỉ cho phép con chỉn một vợ một chồng.

Thông thường vợ cả lấy trước, vợ lẽ lấy sau. Nhưng có trường hợp người con trai làm ăn xa nhà, tự ý lấy vợ, chưa được cha mẹ và họ hàng chấp nhận, ở quê nhà cha mẹ đã dạm hỏi sẵn cho một cô vợ khác bắt về cưới. Người vợ do cha mẹ cưới hỏi, dẫu rằng lấy sau vẫn là vợ cả. Người vợ tự ý chọn, nếu sau này được cha mẹ chấp thuận, mặc dù con gái con trai đều đã lớn, vẫn phải chịu phận làm em. Con vợ bé dẫu nhiều tuổi hơn vẫn phải chào đũa con bà cả đang ăn ngửa bằng anh bằng chị. Trường hợp vợ cả chết sớm, không có con trai thì con trai vợ kế đẻ sau vẫn là trưởng nam, là đích tôn thừa trọng chứ con trai vợ lẽ vì phận thiếp không môn đăng hộ đối, không phải do ông bà trực tiếp cưới hỏi nên không đủ quyền kế vị.

Muốn cho gia đình êm thấm, người chồng phải khéo đối xử để vợ cả đi hỏi vợ lẽ cho chồng, thì người vợ lẽ và bố mẹ cô ta mới yên tâm.

Điều 22 : Nên nhìn nhận vấn đề ly hôn như thế nào ?

Nhiều cụ cao tuổi thường phàn nàn: Thời này bọn trẻ yêu nhau quá dễ dàng nên bỏ nhau cũng dễ. Ngược lại lớp trẻ lại cho rằng: Ngày xưa các cụ chẳng biết yêu đương là gì, lấy vợ lấy chồng thì sinh con đẻ cháu, chứ mấy ai được hưởng hạnh phúc. Họ không bỏ nhau chẳng qua do lễ giáo và phong tục xã hội trói buộc. Trai làm nên năm thê, bảy thiếp, gái chính chuyên chức tiết một chồng. Chỉ có người đàn bà phải cam chịu thiệt thòi bị giam lỏng chứ đàn ông không ưng vợ này thì lấy thêm vợ khác, chẳng cần phải ly hôn với vợ cũ.

Tất nhiên trong chế độ cũ cũng như mới, không ai khuyến khích việc ly hôn. Có những trường hợp quan hệ vợ chồng gặp nhiều trắc trở, nhưng vì nghĩ đến tương lai của con cháu hoặc vì nguyên cớ này, lý do nọ, họ đành chấp nhận nỗi thiệt thòi chung sống vì phận sự, mà thiếu tình yêu. Không phải mọi trường hợp ly hôn đều đáng chê trách. Ngược lại có những vụ án sử ly hôn được coi như trận thắng giải phóng cho cả hai bên. Ly hôn lại trở thành cơ sở tái tạo hạnh phúc. Vậy ta không nên có thái độ nhìn nhận quá khắt khe đối với mọi trường hợp ly hôn.

Tuy nhiên, ngày xưa các cụ thường có một câu "Một ngày là nghĩa", thời nay quan hệ xã hội mới càng thêm tươi đẹp, vậy nên đôi vợ chồng sau khi chia tay chớ nên coi nhau như thù địch, cho dù duyên không ưa, phận không đẹp, và nên coi nhau như bạn bè. Bạn bè có thân mà có sơ, vậy nên nhìn những ai sau này là đối tượng của người vợ hay người chồng đã ly hôn chớ có ghen bóng ghen gió.

Còn con cái, do tình trạng ly hôn, tái thú, tái giá, nên trong một gia đình có cả con anh, con tôi, con chúng ta. Chúng nó đối xử với nhau hoà thuận là hiếm, mâu thuẫn với nhau là phổ biến. Điều đó đòi hỏi người làm cha làm mẹ, làm dì ghẻ, bố dượng phải thu xếp sao cho công minh, êm thấm mọi bề.

Điều 23 : Dạy con từ thừa bào thai

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Dạy con từ thừa còn thơ - Dạy vợ từ thừa bơ vợ mới về".

ở đây chúng tôi muốn nêu: Không những dạy con từ thừa còn thơ mà phải dạy con ngay từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Bởi vì cuộc sống vật chất lẫn tinh thần của người phụ nữ mang thai ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tinh thần của đứa trẻ sau này.

Người xưa thường nói: "Đàn bà hiền dịu, thì dễ có con. Thai sản là lẽ tự nhiên của trời, đất. Người không bệnh thì không cần phải uống thuốc".

Theo y học cổ truyền "...Tâm khí kinh sợ thì con bị điên, thận khí không đủ thì con hở thóp, tì khí không hoà thì con gầy còm, tâm khí hư kém thì con nhút nhát. Con là theo khí mẹ, mẹ không cẩn thận sao được! Mẹ chớ uống nhiều thứ thuốc, uống nhiều rượu, chớ châm cứu xằng xiên, chớ đi đại, tiểu tiện vào chỗ không thường đi, chớ trèo cao xông pha hiểm trở, chớ gánh vác nặng nhọc, chớ giao cấu phóng túng, chớ nằm ngủ nhiều, chớ mặc áo quần quá ấm, chớ ăn cơm quá no. Tinh thần phải chần tỉnh, không phạm đến thất tình (mừng quá, giận quá, đau thương quá, ghen ghét quá, yêu quá, ham muốn quá v.v...). Muốn con sau này sinh ra thẳng thắn nghiêm trang thì người mẹ nên miệng nói lời ngay thẳng, làm việc ngay thẳng. Đàn bà rắp tâm làm việc ác thì không sinh đẻ được, người ta cứ tưởng là tại trời ghét bỏ, biết đâu rằng: Đó chính là do tự mình gây ra. Vì khí ở gan ruột bị uất kết, ba bộ mạch: tâm, tì, thận đều bị uất nên khó sinh..." (Theo "Phụ đạo sản nhiên" của Hải Thượng Lãn Ông).

Vì lẽ đó dân gian có câu: "Cây khô không có lộc, người độc không có con".

Cần phải giáo dục con từ trong bụng mẹ mà thuật ngữ khoa học gọi là "Thai giáo". Ngày xưa các bậc tiền bối đã răn dạy người mẹ tương lai (sản phụ) không được giận dữ, hoảng hốt, không được nghĩ điều xấu, làm việc xấu, nghe chuyện dở, nhìn cảnh tang thương, cần nói năng, đi đứng khoan thai...

Có mối liên hệ khăng khít giữa thai nhi với sức khỏe và tâm trạng người mẹ, giữa thai nhi với thế giới bên ngoài, có những phản ứng "Tiếp nhận" hoặc "Chối bỏ" của thai nhi trước các tác động của ngoại cảnh.

Theo tài liệu nghiên cứu khoa học: Nhân cách con người được hình thành rất sớm, ngay từ trước khi ra đời. ý nghĩ, cảm xúc và những nỗi buồn vui của người mẹ truyền vào đứa con. Nhiều phụ nữ có thai đã biết giữ gìn tình cảm cân bằng do đó giữ được sức khỏe cho đứa con. Những nỗi đau của người mẹ phải chịu đựng trong thời gian thai nghén ảnh hưởng mạnh tới đứa trẻ sơ sinh. Lòng thiết tha đối với đứa trẻ chưa ra đời là một biện pháp giữ gìn sức khỏe cho đứa trẻ tốt nhất, và có ảnh hưởng quyết định tới quan hệ mẹ con sau này"...

Điều 24 : Tại sao có tục xin quần áo cũ cho trẻ sơ sinh ?

Cách trả lời đơn giản nhất là xin để lấy "khước" (lấy may). Người mẹ từ khi mới thụ thai đã chú ý xem trong bà con, họ hàng, làng xóm nhà ai có con cái bú bầm, hay ăn chóng lớn, ít khóc ít quấy, ao ước sắp tới con mình đẻ ra cũng được như thế thì xin một cái áo, hay cái quần, cái tã cũ của đứa bé về sửa sang lại để dùng cho con mình.

Xuất xứ là do một vài người làm, rồi bắt trước nhau, dần dần là truyền ra thành phong tục. Nguyên ngày xưa, ta chưa có những thứ vải mỏng mịn bán rộng rãi trong dân gian, thị trường toàn những vải thô bố lại nhuộm nâu, thô cứng, trẻ sơ sinh da còn non mềm dễ bị xây xát, hài nhi càng mặc đồ mới càng đau yếu. Nhà nghèo không sẵn tiền mua đã đành, nhà giàu cũng xin áo cũ cho trẻ sơ sinh là vì lẽ ấy. Trẻ thì chóng lớn, quần áo thì lâu mới rách, chỉ vài tháng sau đã quá cỡ, người ta không nỡ phá đi dùng vào việc khác nên cất giữ lại, dành cho em út. Vì vậy, người cho áo cũng cảm thấy vinh dự được người khác quý mến con mình và coi đứa bé sắp ra đời cũng có phần hơi hương của mình.

Điều 25 : « Con so về nhà mẹ , con dạ về nhà chồng“ tại sao ?

Con so là con sinh đầu lòng, con rạ là những đứa con sinh sau. Nếu nuôi được cả thì con so là trưởng, con rạ là thứ. Phong tục này phổ biến ở Bình Trị Thiên và một số địa phương ngoài Bắc, còn ở Nghệ An, Hà Tĩnh thì trừ trường hợp ở rể, nói chung con gái không được sinh đẻ ở nhà cha mẹ mình.

Con gái mới lớn lên, mới sinh lần đầu tiên, trẻ người non dạ, chưa biết đi đứng, ăn uống, tắm giặt, kiêng khem ra sao, hơn nữa trong người yếu khoẻ ra sao muốn nhờ vả mẹ chồng hoặc chị em nhà chồng cũng ngần ngại, khó nói hơn với mẹ đẻ và em út mình. Còn những lần sinh sau đã có kinh nghiệm, có thể tự mình giải quyết được nhiều việc.

Phong tục, "Con so về nhà mẹ" là một phong tục hay nhưng muốn giải quyết được êm đẹp cũng phải có thu xếp: Gần ngày ở cữ, mẹ chồng hoặc chàng rể sang quê ngoại thưa chuyện trước, nếu có khó khăn về kinh tế hoặc đường xá xa xôi cách trở cũng cần thảo luận với nhau về trách nhiệm cho thoả đáng, sau khi mẹ tròn con vuông, cháu cứng cáp, chàng rể cũng cần sắm một số lễ vật, nhằm ngày tốt sang tạ ơn gia tiên bên ngoại và ông bà ngoại để xin đón vợ con về. Ông bà ngoại còn cẩn thận đánh dấu vôi hoặc nhọ nồi ở trán cho cháu và các thứ bùa phép khác để các thứ tà ma ác quỷ không dám đến quấy rối cháu dọc đường.

ở Nghệ Tĩnh lại có phong tục ngược lại: Cho là sinh dữ tử lành, ngoài con dâu ra, không ai được quyền sinh trong nhà. Con gái về nhà mẹ, nếu nhớ đến kỳ động thai, trở dạ, không kịp trở về nhà chồng, sợ sinh nở dọc đường thì bố mẹ phải dựng tạm chiếc lều ở góc vườn, hoặc nếu không kịp, thì ra chuồng trâu mà đẻ.

Thiết nghĩ không cần phân tích, bạn đọc cũng thấy được phong tục nào hợp tình lý hơn.

Trường hợp đã mồ côi mẹ, về nhà mẹ thiếu người chăm nom thì con so cũng về nhà chồng.

Điều 26 : Tại sao mới đẻ chưa đặt tên chính ?

Theo phong tục, một người từ sinh ra đến khi chết mang rất nhiều tên gọi: Mới lọt lòng thì thằng Cu, thằng Cò, con Hăm, thằng Mực, con Cún, thằng Chắt em, con Chắt ả... thường là đặt tên xấu cho dễ nuôi, đến khi lớn lên thì anh Hai, anh Ba, chị Bảy... lấy vợ lấy chồng thì anh Nhiều, anh Đồ, chị Xã... Có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu, đến khi chết thì đặt tên hèm gọi là hiệu để cúng, người có học thì tự đặt tên tự, người có chức tước thì đặt tên thụy, người có chức tước học vị cao sang thường được xưng tôn theo họ, hay tên địa phương: Cụ án Mai, Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ, ông Trạng Trình, ông Tú Vĩ Xuyên, Quan Thám Nam Sơn... Đó là theo phong tục xưng hô của Trung Quốc. Trong nhiều tên gọi nhưng chỉ có tên húy là chính: Tên húy là tên đặt khi vào sổ họ, khi vào làng ghi trong sổ họ, khi đi học đặt khi vào sổ họ, khi vào làng ghi trong sổ họ, khi đi học.

Tại sao mới đẻ chưa đặt tên chính (tên húy) ?

Ngày nay đẻ ra là khai sinh, có thủ tục quản lý hộ tịch chặt chẽ. Ngày trước mỗi làng xã cúng có hương họ lo sổ sách sinh tử, giá thú nhưng không quản lý chặt chẽ, Nhà nước chỉ quan tâm đến sổ đinh (từ 18 tuổi), sổ điền để thu thuế và bắt lính, bắt phu, vì vậy vào sổ làng càng muộn càng hay, lớn lên đỡ được vài năm thuế thân, phu phen tạp dịch.

Trong xã hội cũ, tình trạng hữu sinh vô dưỡng khá phổ biến, ít có gia đình sinh năm đẻ bảy được vuông tròn, vì vậy qua các tuần cử mới tạm yên tâm, khi đó mới đặt tên húy.

Các họ mỗi năm tế tổ một lần. Trong dịp tế tổ, các gia đình có con cháu mới sinh sắm sửa coi trầu, chai rượu, hương hoa, lễ vật đến nhà thờ họ yết cáo tiên tổ và vào sổ họ cho các con trai trước lễ yết cáo, ngày đó mới có tên húy chính thức, được họ hàng công nhận. Trong khi vào sổ họ phải đối chiếu gia phả để xem có trùng tên các vị tiên tổ hoặc ông bà chú bác trong nội thân hay không. Nếu có tức là phạm húy thì phải đổi tên. Không những phải tránh phạm húy tổ tiên bên nội mà còn phải tránh phạm húy can cụ ông bà ngoại mặc dầu khác họ, tránh phạm húy hiệu của thành hoàng, thánh mẫu, linh thần từng địa phương. ở nông thôn, các vị có uy vọng trong làng, trong họ thường được dân chúng biếu trầu rượu và nhờ đặt tên cho con. Người đặt tên được gia đình đó nhớ ơn suốt đời.

Điều 27 : Tại sao tuổi trong khai sinh không đúng với tuổi thực ?

Điều này cũng gây khá nhiều rắc rối, phức tạp cho các nhà khảo cứu sử học, biên soạn gia phả. Đã có trường hợp anh em cùng cha cùng mẹ sinh ra mà em nhiều tuổi hơn anh. Chỉ có lá số tử vi là chính xác nhất, chính xác đến từng giờ, nhưng ít người còn giữ được lá số tử vi, phần lớn ông bố bà mẹ chỉ nhớ được con mình cầm tinh con gì, qua đó mà tính ra tuổi thực (tuổi mụ).

Như trên đã nói, có ba lý do khai bớt tuổi:

- Để chậm được vài năm khỏi phải đóng thuế thân và đi phu, đi lính.
- Dưới thời Pháp thuộc, để tránh hạn định quá tuổi không được đi học, không được thi.
- Do việc vào sổ hộ chậm gần một năm còn việc vào sổ làng, hàng phe, hàng giáp, có khi chậm đến năm sáu năm.

Trường hợp nâng tuổi lên cũng có ba lý do nhưng không phổ biến lắm:

- Để nhanh đến tuổi lấy vợ (theo lệ "nữ thập tam, nam thập lục"). Nhiều gia đình muốn cưới con dâu về sớm để có kẻ ăn người làm và để sớm có cháu nối dõi tông đường.
- Dưới thời Pháp thuộc, các công sở không tuyển người dưới 18 tuổi nên phải khai tăng tuổi.
- Một số địa phương, có lệ làng cho tăng thêm tuổi để chóng đến tuổi lên lão mừng thọ.

Mẩu chuyện vui: Sêcuture với Hồ Chí Minh:

Sêcuturê, Tổng thống Ghi Nê sang thăm Việt Nam theo lời mời với tư cách là khách của Hồ Chủ Tịch. Trong buổi mít tinh tiễn đưa tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, Sêcuturê hết lời ca ngợi và khâm phục Hồ Chủ Tịch

Ông phát biểu đại ý: Vợ tôi sắp sinh, nếu sinh con trai, tôi sẽ đặt tên con là Hồ Chí Minh.

Tôi được dự buổi lễ đó, thầm nghĩ: Ông này quả thật rất chân thành và rất cảm phục Hồ Chí Minh nhưng ông ta chưa hiểu câu "nhập gia vãn huy" của phong tục nước ta, câu đó có gì khác chửi người ta.

Liên đó Hồ Chủ Tịch trả lời lại rất khôn khéo, tài tình "Bác không có vợ nên không có con, vậy Bác đề nghị các cháu thanh niên, nếu sắp tới, cháu nào có con trai thì đặt tên cháu là Sêcuturê!"

Mọi người dự lễ đều vui cười thoải mái, phục tài đối đáp của Bác, vừa được lòng khách nước ngoài, vừa phù hợp với phong tục nước ta trong hoàn cảnh đó.

Điều 28 : Làm lễ yết cáo tổ tiên, xin đặt tên cho con vào sổ họ như thế nào ?

Vấn đề này đã có lệ từ xưa, chẳng có gì mới mẻ. "Họ nào đã có nề nếp sẵn thì cứ theo lệ cũ tiến hành".

Đối với những họ mới phục hồi lại việc họ, chưa vào nề nếp, chúng tôi xin mách một vài kinh nghiệm:

Yết cáo tổ tiên: Theo lệ cũ chỉ sau khi đối chiếu gia phả, kiêng kị các trường hợp phạm húy (đặt tên trùng với tên húy của tổ tiên và thân nhân gần gũi nhất, kể cả nội ngoại) mới chính thức đặt tên húy cho trẻ sơ sinh, yết cáo tổ tiên và xin vào sổ họ. Ngày nay phải làm thủ tục khai sinh kịp thời, trường hợp ở xa quê, không kịp về đối chiếu gia phả, nhớ trùng tên húy tổ tiên trực hệ, thì tìm cách đổi, hoặc tránh gọi thường xuyên trong nhà. Lễ yết cáo tổ tiên rất đơn giản, nén hương, coi trầu, chén rượu cũng xong, thường kết hợp lễ tế tổ hàng năm mà yết cáo chung tất cả con cháu trong họ sinh trong năm cùng một lượt. Lễ vào sổ họ cũng đơn giản, cốt sao cho gia đình nghèo nhất trong họ cũng không gặp phải điều gì phiền phức.

Vào sổ họ: Thứ tự sổ họ ghi theo năm sinh, ai sinh trước ghi trước, sinh sau ghi sau. Trường hợp nhiều năm bị phế khoáng nay mới lập lại sổ họ, thì phải thống kê theo đơn vị họ gia đình hoàn chỉnh cả họ, sau đó mới lập sổ tiếp đối với những trẻ sơ sinh.

Mẫu sổ: Họ Tên (Tên Húy. Tên thường gọi) con ông bà, thuộc đời thứ mấy, chi thứ mấy? Con trưởng hay con thứ mấy? Ngày tháng, năm, sinh, ngày vào sổ họ.

Con gái vào sổ họ: Bất cứ trai hay gái, sau khi sinh đều có yết cáo tổ tiên, đã được tổ tiên phù trì phù hộ, nhưng nhiều họ ngày xưa không vào sổ họ đối với con gái, cho rằng "Nữ nhân ngoại tộc", con gái là con người ta, lớn lên đi làm dâu lo cơ nghiệp nhà chồng vì thế không công nhận con gái vào họ. Tuy vậy, ngay trước CM T8-1945 một số họ đã xóa bỏ điều bất công đó, con gái cũng có mọi quyền lợi nghĩa vụ như con trai.

Ngày nay, trong phong trào khôi phục việc họ, xin kiến nghị các họ đặc biệt quan tâm đến con gái và nàng dâu của họ, họ nào coi trọng vai trò phụ nữ, và coi trọng vai trò người mẹ, người vợ, người cô, người chị, thì họ đó mới vững mạnh. Cả nước đang ra sức vận động kế hoạch hoá gia đình, con gái cũng như con trai, vậy nên vận dụng phong tục cũng phải phù hợp với tư duy thời đại.

Điều 29 : Có mấy loại con nuôi ?

Có ba loại con nuôi: Con nuôi chính thức, con nuôi danh nghĩa và con nuôi giả vờ.

Con nuôi chính thức: Có hai loại :

- Con lập tự : Gia đình không có con trai, nuôi con anh em ruột hoặc con anh em chú bác ruột. Có thể nuôi từ bé, hoặc lớn rồi mới nuôi, thậm chí có người đã thành gia thất, có con rồi mới nhận làm con nuôi. Người con nuôi lập tự đó chịu trách nhiệm săn sóc, nuôi dưỡng cha mẹ nuôi lúc tuổi già và hương khói tang tế sau khi mất, nên khi được hưởng quyền thừa kế gia tài hơn cả những người con gái do chính cha mẹ sinh ra, vì con gái là "con người ta", sau khi gả chồng lo cơ nghiệp nhà chồng. Con nuôi lập tự được hưởng ruộng hương hỏa nếu cha nuôi là tộc trưởng, được họ hàng chấp nhận là cùng huyết thống nội thân. Nếu người con nuôi lập tự là con thứ của ông em thì con người con trưởng của ông em vẫn phải gọi người con nuôi lập tự đó bằng bác (đáng lẽ gọi là chú) . Khi cha mẹ nuôi chết, tang chế của vợ chồng người lập tự cũng ba năm như cha mẹ đẻ. Trường hợp cha mẹ chết trước, phải xin phép cha mẹ nuôi mới được về chịu tang, nhưng không được phép mặc áo khâu gấu, khăn ngang không được để hai giải bằng nhau. Khi cha mẹ nuôi đã sinh con trai thì thôi quyền lập tự nhưng vẫn là con nuôi được hưởng quyền thừa kế như các người con khác.

- Con nuôi hạ phóng tử: Có mấy trường hợp:

- + Con hoang thai nuôi từ lúc mới sinh. Có nhà hiếm hoi dặn từ trước, khi sinh nở thì đón về, sản phụ được bồi dưỡng một ít tiền và sau đó không được quyền nhận hay thăm con.

- + Con mồ côi hay con nhà nghèo khó, đem về nuôi là phúc, mặc dầu không hiếm hoi. Nếu nuôi thực sự từ lúc còn nhỏ cũng được hưởng mọi quyền lợi trong gia đình. Cha mẹ nuôi cũng có trách nhiệm dựng vợ gả chồng, sống nuôi chết chôn, cũng được cha mẹ nuôi chia cho một phần gia tài khi ra ở riêng. Trường hợp cha mẹ nuôi không có con trai cũng có thể lập người con này làm thừa tự, song không được can dự vào phần hương hỏa, tự điền cũng như việc họ, bởi lẽ khác dòng máu, không được họ chấp nhận. Tang chế đối với cha mẹ nuôi cũng ba năm như cha mẹ đẻ, đối với anh em nuôi cũng một năm như anh em ruột, nhưng đối với họ hàng bên bố mẹ nuôi thì không tang. Trừ một trường hợp con nuôi đã mang họ của bố nuôi, không biết bố đẻ (hoang thai) và đã được họ hàng chấp nhận thì mọi lễ nghi hiếu hỷ, tang chế đều như người trong họ, song vẫn không được hưởng hương hỏa, tự điền. Nếu bố nuôi là tộc trưởng vẫn không được kế thế tộc trưởng mà vai trò tộc trưởng thuộc con trai trưởng của chú em.

Theo phong tục một số địa phương "vô nam dụng nữ" thì người con rể cũng có quyền lợi và nghĩa vụ như con nuôi hạ phóng tử nói trên, nhưng chỉ để tang bố mẹ vợ một năm, anh em ruột của vợ chín tháng, ngoài ra không để tang cho ai bên nhà vợ. Lập tự chỉ lập tự cho cháu ngoại, không lập tự cho con rể. Cháu ngoại cũng không được làm tộc trưởng (như trên).

Con nuôi danh nghĩa: Có mấy trường hợp:

- Nhà hiếm con qua mấy lần tảo sa, tảo lạc, hữu sinh, vô dưỡng, hoặc theo số tử vi lỗi giờ sinh, xung khắc với cha mẹ nên phải bán làm con nuôi cho dễ nuôi. Khi sinh nở xong bố đẻ sẵn một chai rượu, coi trầu đến nhà bố nuôi, làm lễ gia tiên bên bố nuôi xin cho ghé cửa nương nhờ, sau đó mời bố mẹ nuôi đến nhà xem mặt đứa trẻ và nhường quyền cho bố nuôi đặt tên cho đứa bé. Sau này khi lớn lên thì mùng 5 (đoang ngo) ngày Tết dắt đứa bé đến tết nhà bố mẹ nuôi. Đứa bé cũng xếp theo vị trí anh em ruột một nhà theo quan hệ lứa tuổi. Sau này lớn lên, trong huyết thống ba đời anh em cháu cháu không được quyền lấy nhau. Nếu vi phạm cũng coi như mắc tội loạn luân. Chọn Bố mẹ nuôi thì chọn gia đình phúc hậu, lắm con nhiều cháu, làm ăn thịnh vượng.

- Do cảm ân đức, nghĩa tình nhận làm con nuôi.

- Anh em kết nghĩa với nhau thân tình, nhận bố mẹ của anh em cũng như bố mẹ của mình và ngược lại bố mẹ cũng nhận người anh em kết nghĩa với con mình như con cái trong nhà.

Trong những trường hợp đó, người Việt thì gọi chung là con nuôi, bố mẹ nuôi nhưng âm Hán gọi là "nghĩa phụ nghĩa tử" khác với "nghĩa phụ tử", tang chế không quy định cho trường hợp "dưỡng phụ dưỡng tử", nếu có gả con cho nhau thì càng tốt đẹp "thân thượng gia thân".

Con nuôi giả vờ: Vì con khó nuôi, sợ ma ta quấy nhiễu người mẹ đem con bỏ đường bỏ chợ, nhưng dẫn trước người trực sẵn đưa về nuôi, sau vài giờ hoặc vài ngày đến chuộc nhận làm con nuôi. Đây là cách đánh tráo con để thành con nuôi, con nuôi là con để để lừa ma. Trường hợp này đành rằng phải thông cảm y ước trước, nhưng cũng phải chọn người mẫn đảm, con không sai đẹn, nuôi súc vật mát tay...

Ngoài ba loại con nuôi dương trần nói trên, còn có tục "bán khoán" con cho thần linh như bán con cho Đức Thánh Trần, Đức thánh Mẫu... Đã là con thần thánh, có tấu, có sớ, có bùa, có dấu ấn hắc hoi thì mà quý không dám bén mảng đến đã đành mà bố mẹ nuôi con cũng phải đặc biệt chú ý: Không cho con ăn uống những thứ ứ tạp, phải mặc đồ sạch sẽ, không được vá chằng vá đụp, không để con bò lê la, không được chửi rửa xỉ vả con, sợ ngài gọi về trời. Con chỉ được gọi cha đẻ bằng thầy, bằng cậu... Gọi mẹ bằng mợ, bằng chị, bằng u, bằng đẻ. Hai từ "Cha, mẹ" chỉ được tôn xưng với thần thánh. Bán cho Đức Thánh Trần chỉ được xưng họ Trần khi khẩn vái, bán cho phật phải xưng Mẫu, nhưng bán cho đức thánh mẫu là Liễu Hạnh không phải đổi họ. Sở dĩ gọi là "bán khoán" vì chỉ bán thời gian còn nhỏ để dễ nuôi. Đến tuổi 13 tuổi tức hết tuổi đồng ấu, đến tuổi vào sổ làng xã thì làm lễ xin chuộc về.

Chính thể mới hiện nay công nhận con nuôi cũng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang con đẻ, đó là con nuôi thực sự được chính quyền địa phương công nhận trên cơ sở thỏa thuận giữa người nuôi và người đẻ hoặc giữa người nuôi và thân nhân đỡ đầu trong trường hợp bố mẹ đẻ không còn.

Đứa bé đến tuổi thiếu niên cũng được quyền tự nguyện xin làm con nuôi, chọn bố mẹ nuôi. Bố mẹ nuôi có thể nuôi nhiều con tùy theo khả năng, nhưng không thể nhận làm con nuôi của nhiều gia đình. Tuổi bố mẹ nuôi phải cao hơn tuổi con nuôi ít nhất 20 tuổi.

Điều 30 : Xưng hô thế nào cho đúng ?

Vấn đề này thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, giáo dục học, nhưng dính dáng nhiều đến phong tục cổ truyền. Mới nghe tưởng đơn giản quá, đưa bé lên ba cũng biết. Quả vậy, trẻ con vừa học nói đã được cha mẹ, anh chị bày cho cách xưng hô, thế nhưng đến lớn đến già vẫn còn sai sót. Nhiều khi chỉ vì một sai sót nhỏ trong các xưng hô mà gây nên thành kiến nặng nề.

Đối với các nước khác châu á, đại từ nhân xưng có 3 ngôi: Người nói, người nghe và người, vật, sự việc được đề cập đến trong câu nói. Chỉ có sáu từ cơ bản nếu dịch mộc mạc ra tiếng Việt là: tao, mày, nó, chúng nó, chúng tao, chúng mày.

Ví dụ: "Bố mẹ cháu bảo cháu đưa ba cháu sang thăm hai cụ". Câu này nếu dịch từ đối ra tiếng nước ngoài thì như sau: "Chúng nó bảo tao đưa nó sang gặp chúng mày".

Ở Việt Nam ta đã quen từ nhỏ, đáng tuổi ông thì gọi là ông, đáng tuổi bác thì gọi là bác không được "mày tao chí tở", "cá mè một lứa". Chúng ta nên thông cảm với người nước ngoài học tiếng Việt. Đại từ nhân xưng tiếng Việt rất đa dạng phong phú nhưng cũng rất phức tạp, điều khó khăn phức tạp nhất là, ngay trong đại từ nhân xưng của ta đã mang sắc thái tình cảm, thể hiện sự yêu thương tức giận, kính trọng, khinh ghét, khách sáo, thân mật...

Trong cách xưng hô của ta có phân biệt tôn ti trật tự rõ ràng. Cháu bé hỏi rằng: Tại sao ông bảo cháu thưa bẩm, thế mà cháu gọi ông ông lại không thưa bẩm cháu. Cháu cũng không hiểu sao cha mẹ gọi con thì gọi thẳng Giáp con ắt được còn con gọi tên cha mẹ thì không được. Tại sao ông chú già rồi lại còn gọi là "ông trẻ".

Cách dùng từ để xưng hô của ta còn tùy thuộc vào mức độ thân sơ giữa người nói và người nghe.

Ví dụ, thật thân tình bạn bè gọi nhau bằng mày tao, hấn thì quý; gọi nhau bằng thưa quý anh hoặc bằng ông thì coi như giễu cợt kích bác nhau. Ngược lại, mới quen biết sơ sơ mà mày tao thì coi như bất lịch sự, đôi khi nghe bực mình bỏ đi không thèm trả lời. Cụ già và Lão già đồng nghĩa nhưng khi nói "Tôi hỏi cụ già" thì rất khác "Tôi hỏi lão già". Cũng có trường hợp "lão" chưa hẳn đã già, mà là cách gọi thân mật.

Nếu có quan hệ họ nội, họ ngoại thì gọi theo quan hệ thân thuộc gần bó tình thân thiết hơn; mặc dầu ít tuổi hơn mình nhưng ngang hàng cha mẹ mình thì gọi bằng chú, bác, cô, dì theo đúng vai vế trong họ. Ngược lại, đối với người đã lớn tuổi mặc dầu là bậc cháu nhưng để cho khỏi "chướng" nên gọi bằng anh, ông, bác ông... Coi như gọi thay con, cháu mình, như vậy thanh nhã và lịch sự hơn.

Thuần túy quan hệ xã hội, không có quan hệ họ hàng nhưng theo phép xã giao "trưởng nhất tuế vi huynh, trưởng thập tuế vi phụ" (hơn một tuổi làm anh, hơn mười tuổi làm cha), tức là tôn lên ngang bằng với cha mà gọi chú, bác. Đây là phép tôn xưng.

Điều 31 : Vợ chồng xưng hô với nhau như thế nào ?

Người Việt Nam ta từ nhỏ đến lớn, đến già nói chuyện với nhau đã quen tai nhưng nếu diễn giải cho người nước ngoài hiểu đạt được đầy đủ sắc thái ngôn ngữ kể thật lý thú . Ví dụ: "Nhà tôi" dịch ra tiếng Pháp là "Ma maison" thì người Pháp làm sao hiểu nổi.

Thời nay vợ chồng trẻ xưng hô với nhau "anh anh em em" âu yếm thân thiết biết bao! Dẫu chồng ít hơn dăm ba tuổi vẫn là anh. Lùi lại bốn mươi năm trước, những gia đình ít nhiều được Âu hoá, vợ chồng gọi nhau bằng "mình" cũng thể hiện được tình cảm đậm đà, gọi nhau bằng "cậu, mợ" cũng thanh nhã, nhưng những từ đó còn xa lạ với nông thôn, một số tân tiến muốn gọi nhưng vẫn còn ngượng ngùng với hàng xóm, chỉ thăm kín tỏ tình với nhau trong buồng, thỏ thẻ chỉ đủ hai người nghe với nhau. Cách gọi nhau bằng tên "trông không" cũng là một bước cải tiến lớn, chứ các cụ ngày xưa, thời trẻ chỉ gọi nhau bằng "bố thằng cu", "u nó", "mẹ hĩm"... Người mới lấy nhau chưa có con, chồng chẳng có chức vị gì mà gọi thì làm sao ? Bí quá, có cô mới về làm dâu, muốn gọi chồng đang chơi bên nhà hàng xóm về, chẳng biết xưng hô ra sao bèn ra ngõ gọi thật to "ai ơi! Về nhà ăn cơm". Từ "ai" ở đây không phải là đại từ nghi vấn, hay đại từ phiếm chỉ mà có nghĩa là "chồng tôi ơi".

Còn khi nói chuyện với người khác thì giới thiệu vợ mình hay chồng mình là "nhà tôi". Từ "nhà tôi" thật là đậm đà gắn bó, "mình " và "tôi" tuy hai nhưng một. "Nhà tôi" tức là "chồng tôi" hay "vợ tôi" chứ không thể nói "vợ anh", "chồng nó" là "nhà anh nhà nó".

Vợ chồng nói chuyện với nhau thường hay nói trông không "Này! Ra tôi bảo!" hoặc "nào ai bảo mình"...

Điều 32 : Cách xưng hô trong họ

Có xem sơ đồ gia phả toàn họ mới biết được: Mình thuộc đời thứ mấy, đời trên mình là những ai, mình thuộc chi nào, nhánh nào, bằng vai với mình trong họ là những ai? Có sơ đồ gia phả mới phân biệt được thế thứ trong họ mỗi người tự xác định được quan hệ trong nội tộc mà xưng hô cho đúng, chú ra chú, bác ra bác, anh ra anh, em ra em v.v.... Xưng hô trong nội tộc khác với xưng hô ngoài xã hội, để khỏi mang tiếng "Cá mè một lứa". Ngoài xã hội dựa theo tuổi tác và chức vụ địa vị, trong gia tộc dựa theo thế thứ, nhưng khi giao thiệp với từng cá nhân cụ thể lại phải kết hợp theo cách xưng hô ngoài xã hội theo quan hệ tuổi tác. Có thể đúng theo huyết thống thì anh A phải gọi tôi bằng ông chú, nhưng tôi cũng gọi anh A bằng bác, vì anh A đã là người tuổi cao, gọi bằng cháu bất tiện và bất lịch sự. Tôi gọi anh A bằng bác đó là gọi thay cho cháu chắt tôi, mặc dầu tôi ít tuổi hơn anh nhưng về thế thứ ngang với ông nội anh A. Tuy nhiên nếu ít tuổi quá mà gọi bằng ông cũng bất tiện, có khi phải hạ xuống một bậc mà gọi bằng chú mới thân mật.

Trong khi chúng tôi biên soạn gia phả có người bà con trong họ thắc mắc: Gia phả có nhầm lẫn gì giữa các chi trong họ ta hay không? Tại sao anh X. Còn ít tuổi hơn cháu nội tôi, mà tôi lại phải gọi anh X. bằng ông.

Xin trả lời: đó là hiện tượng phổ biến không có gì đặc biệt. Ngay trong một gia đình anh cả đã có con, mà chú út chưa ra đời: hiện tượng "Em bú chị dâu, cháu bú bà" là chuyện bình thường trong xã hội cũ, chỉ mới qua hai đời đã có sự chênh lệch 1 đời, vậy thì trong họ hàng qua nhiều đời, chênh lệch dăm ba đời không có gì là lạ.

Ở nông thôn còn mối quan hệ giây mơ rễ má chẳng chịt qua giữa thông gia, giữa bà con nội ngoại, nên cách xưng hô lại càng phức tạp, thông thường thì vợ chồng thống nhất cách xưng hô với ông chú bà bác bên nội bên ngoại như nhau, nhưng cũng có trường hợp do quan hệ huyết thống thân sơ khác nhau chồng gọi bằng em, vợ gọi bằng bác hay ngược lại. Nhưng dầu sao "Máu loãng còn hơn nước lã", gọi nhau theo quan hệ gia tộc vẫn thân mật hơn gọi theo quan hệ xã hội.

Điều 33 : Phải chăng lời chào cao hơn mâm cỗ ?

Trong tiếng Việt từ "chào" thường đi đôi với từ "hỏi" và từ "mời", cách chào hỏi, chào mời, chào thưa ở mỗi địa phương có một phong tục khác, lại còn lệ thuộc vào đối tượng được chào và phong cách người chào.

Đối với các cụ già, khúm núm kính cẩn đứng lại "bẩm cụ ạ" thì cụ có cảm tình ngay nhưng đối với người lớp trung niên tân tiến mà làm như vậy thì người ta tưởng chế giễu "Đi qua nghiêng nón không chào" không phải vì ghét nhau hờ hững với nhau mà vì quá yêu nhau bằng lời nói mà còn bằng khoe mắt nụ cười, có trường hợp mắt nói rõ hơn miệng.

Chào hỏi đi đôi với nhau, hỏi để chào: "ông khỏe không ?" "ông đi đâu đấy ?" Nhiều khi hỏi băng quơ, hỏi không cần trả lời, nhưng nếu không chào hỏi thì ra điều lạnh nhạt khinh người.

Chào mời đi đôi với nhau: Cần phân biệt mời thực sự hay mời để thay lời chào. Nực cười! Hành khách trên hai chiếc thuyền đi dọc sông, ngược chiều nhau cũng mời nhau ăn cơm lời mời thuần túy thay lời chào chứ có ai nhảy sang thuyền kia mà ăn đâu! lời chào có thức sự cao hơn mâm cỗ không. Có khi không có mâm cỗ, chỉ chào xuông, e không ổn, nhưng quả thực, mâm cao cỗ đầy mà lời chào nhạt nhẽo, khinh khi, kiêu kỳ thì mâm cỗ cũng bỏ đi.

Lời chào biểu hiện phong cách con người, biểu hiện nề nếp của gia đình, thuần phong mỹ tục của địa phương và của cả dân tộc ta. Song, ở mỗi nơi một khác, mỗi thời một khác. Ngày xưa chào bằng cách vái lạy; ngày nay chào bằng cách bắt tay. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong câu hỏi "Ai vái lạy ai".

Điều 34 : « Nhập gia vấn húy » là gì ?

Theo phép xã giao, trước khi đến thăm một gia đình cần tìm hiểu tên Húy của ông bà cha mẹ và bản thân tên người mình định đến thăm, để tránh trong khi nói chuyện hoặc xướng hoạ thơ từ động đến tên húy gia tiên người ta "Húy" đồng nghĩa với "kỵ" (tức là kiêng kỵ). Ngày giỗ tức là húy nhật hay kỵ nhật. Tên húy là tên chính nhưng lại là tên kiêng nói đến, khi gặp nhau người ta đề tên húy ra mà chữi. Ông bà, cha mẹ, chú bác có thể gọi con cháu bằng thẳng họ con kia theo tên húy, kể cả những người cao tuổi trong làng xóm. Trong ngôn ngữ thông thường có trùng âm cũng phải nói tránh đi, nếu không sẽ bị coi là hỗn.

Thời nay, giao thiệp rộng rãi, trong quan hệ bạn bè đồng chí gọi tên nhau là chuyện bình thường. Song về các vùng nông thôn phải tùy theo phong tục từng vùng mà xưng hô, nếu cứ theo họ tên ghi trong địa chỉ thư tín và giấy tờ hành chính mà gọi thì chưa chắc hẳn các vị cao tuổi đã vui lòng. Trừ những người đã thoát ly, công tác, còn thông thường người ta vẫn hay gọi nhau bằng tên con trưởng hoặc tên cháu đích tôn.

Ở miền nam nước ta hay gọi tên theo thứ tự sinh ra trong gia đình, nếu đã ra ngoài xã hội thì thường gán tên húy. Ví dụ : Ông Bảy Lửa, chị Ba Tịch ...

Điều 35 : Ai váy lạy ai ?

Váy lạy là phép xã giao thời xưa, không chỉ dùng khi cúng tế mà người sống cũng lạy nhau..."Đời xưa vua đối với bầy tôi, bố vợ đối với chàng rể, người tôn trưởng với kẻ ti ấu đều phải lạy đáp lễ... Đến đời nhà Tần mới đặt ra lễ "tôn quân ti thần", nên thiên tử không đáp lạy bầy tôi nữa...

Ngày xưa từ quan khanh sĩ trở xuống đều theo cổ lễ mà đáp lễ kẻ ti ấu, nếu kẻ ti ấu (bề dưới) chối từ, mới dùng lễ túc bái đáp lại. Còn vái là nghi thức lúc đã lễ xong...Nước ta xưa kia có chốn công đường có lễ tông kiến, kẻ hạ quan cũng vái bậc trưởng quan... Gần đây những kẻ hiểu sự không biết xét đến cổ điển lại cho là lễ của tôn trưởng đối với kẻ ti ấu, còn kẻ ti ấu đối với tôn trưởng không được vái, chỉ lạy xong là cứ đứng thẳng và lùi ra..."(Trích Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ trang 174).

Xem đoạn văn trích dẫn trên ta thấy vái lạy là một phép xã giao, không chỉ vái lạy người trên mà người trên cũng vái lạy đáp lễ. Từ lạy nhau chuyển sang vái nhau trong buổi tương kiến, đến nay ta tiếp thu văn hoá Âu Tây vẫn giữ được phép tôn ti (tôn trưởng ti ấu).

Theo phong tục lễ giáo của ta, bề dưới phải chủ động chào bề trên trước, trẻ chào già trước, trò chào thầy trước . Nếu bề trên không chào lại người dưới, thầy không chào lại trò, tức là không đáp lễ, thì cũng bất lịch sự chẳng khác gì từ chối người khác, làm cho người đưa tay trước ngượng ngùng và bất bình. Không biết vái, chào lại người khác là đã tự làm mất đi phong cách lịch duyệt của chính mình.

Chúng tôi xin trích kể lại câu chuyện "Tam nguyên Tổng đốc lạy ông Nhiêu".

Ông Nhiêu Chuôi người cùng làm ăn mừng lên thọ 80 Cụ Tam Nguyên cũng tới mừng. Khi làm lễ chúc thọ, cụ Tam cũng như mọi người lễ ông Nhiêu hai lễ rất kính cẩn. "Ai đời cụ Tam Nguyên Tổng Đốc lại lạy một người dân thường. Ông Nhiêu vội vàng sụp xuống lạy tạ. Cụ Tam đỡ ông Nhiêu dậy, ôn tồn nói: Ta lễ là lễ cái thiên tước của ông Nhiêu đây..."

(Trích Nguyễn khuyến và giai thoại _ Bùi. V. Cường biên soạn_Hội VHNT Hà Nam Ninh xuất bản- tr 123)

Điều 36 : Đạo thầy trò

Quan hệ thầy trò nói riêng về mặt phong tục cũng cần có một tập sách riêng. Để trả lời cho những câu hỏi về đạo thầy trò, chúng tôi thiết nghĩ mấy dòng sơ lược thì chưa thể nào nói cho hết được.

Dân tộc ta vốn tôn sư trọng đạo, dưới chính thể nào cũng vậy. Vai trò thầy giáo luôn luôn tiêu biểu cho tầng lớp trí thức, tiên tiến được toàn thể xã hội công nhận. Nghề giáo vốn là nghề cao quý nhất. Nền giáo dục thời phong kiến cũng như thời dân chủ đều thống nhất một phương châm "tiên học lễ hậu học văn" "nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội"... Nhân tài phục vụ xã hội, điều hành bộ máy Nhà nước đều được "ông thầy", tức là khuôn mẫu, đào tạo nên, "không thầy đồ mà làm nên". Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức đều thống nhất dựa vào chế độ thi cử, có học vị, cấp bậc rõ ràng.

Vì tất cả những lễ trên, có người đặt vấn đề: Vậy đặt thầy cao hơn cha có quá đáng không ?

Cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng mình, thầy giáo là người truyền thụ kiến thức cho mình. Sở dĩ hiền đạt, thi thố được tài năng với đời đều nhờ thầy. Ngày xưa, từ nhỏ đến khi đi thi đậu cử nhân, tiên sĩ thường cũng chỉ học một thầy cùng lắm là vài ba thầy, chứ không như ngày nay mỗi năm một lớp rồi mỗi môn một thầy. Ngày xưa có nhiều trường hợp thầy trò cùng lều chõng đi thi nhưng học tài thi phận , trò đậu thầy hỏng. Có những ông thầy đào tạo được nhiều ông Nghè, ông Cống nhưng bản thân ông thầy lại chẳng đậu đạt gì, chẳng nhận quan tước gì, có người thi đậu cũng không ra làm quan mà chỉ tiếp tục dạy học. Có những thầy giáo đạo cao đức trọng được môn sinh nể trọng hơn cha. Thầy Chu Văn An là người thầy tiêu biểu nhất được liệt thờ ở Văn Miếu.

Ngày xưa, thầy đồ dạy dỗ được một số học sinh đậu đạt cử nhân, tiên sĩ thì tự nhiên vai vế trong xã hội được nâng lên rõ rệt, quan tỉnh quan huyện cũng phải kính nể, chẳng những đối với thầy giáo mà cả gia đình thầy. Quang Trung ba lần mời Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu Tử) ra làm quân sư, chính là để thu phục nhân sĩ Bắc Hà, vì Nguyễn Thiếp là thầy giáo của nhiều triều thần Lê Trịnh đương thời.

Ngành giáo dục tuy có chế độ thi hương, thi hội, thi đình rất nghiêm rất chặt, song rất ít giáo chức rất ít trường công, ở cấp huyện , cấp phủ chỉ có một vài huân đạo giáo thụ ăn lương nhà nước, hầu hết là các lớp tư thực. Một nhà khá giả trong vùng nuôi thầy cho con ăn học , xóm làng chung quanh gửi ôn đến thụ giáo không phải nộp học phí, chỉ đến ngày mùng 5 tháng 5 ngày Tết... cha mẹ học trò mới đưa lễ tết đến tết thầy tùy tâm. Giàu có thì thúng gạo nếp, bộ quần áo...Nghèo thì một coi trà một be rượu cũng xong.

Môn sinh của một thầy thường tổ chức nhau lại gọi là Hội đồng môn, có trưởng tràng, giám tràng và một số cán tràng giúp việc trưởng tràng. Con thầy mặc dầu ít tuổi hơn cũng được gọi là thế huynh. Thầy nào có tiếng dạy giỏi, dạy nghiêm thì được nhiều sĩ tử đến theo học , Hội đồng môn vận động các gia đình môn sinh đóng góp tiền của tạo ruộng, tạo trâu bò rồi phân công cày cấy, đến mùa màng

gắt tự gánh về gia đình nhà thầy để gia đình thầy chi dụng. Khi thầy mất lại dùng ruộng đó lo tang ma cho thầy, cho vợ thầy và giỗ tết tế tự về sau.

Học trò để tang thầy cũng ba năm như tang cha mẹ, nhưng không mặc tang phục, gọi là tâm tang tức là để tang trong lòng.

Cụ Thượng Niên về lễ tang vợ thầy:

Nguyễn Khắc Niên (1889-1954) người Sơn Hoà, Hương Sơn, Hà Tĩnh đậu Đệ nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng Giáp) khoa Đinh Mùi 1907 làm Thượng thư bộ Cai lương hương chính triều Bảo Đại. Nguyễn Khắc Niên là học trò cụ Nguyễn Duy Dư người Sơn Tiến, một người nổi tiếng hay chữ ở huyện Hương Sơn, đã được hội Tư văn hàng huyện tôn xưng là "Hương Sơn tứ hổ".

Nguyễn Khắc Niên thụ giáo cụ Dư ở cách nhà mình trên 4 km. Đến kỳ thi Hương hai thầy trò cùng lều chõng đi thi, học trò đậu cử nhân, được vào Huế thi Hội đậu luôn Hoàng giáp, thầy chỉ đậu Tú tài. Theo chế độ thi cử thời trước: Cử nhân mới được dự thi Hội, còn Tú tài thì phải 3 khoa Tú tài mới được thi. Ba năm mới có một khoa, thầy Tú chưa kịp chờ để thi lại khoa sau thì đã từ trần- 1909. Hơn 30 năm sau, bà Tú Dư mất, lúc đó Nguyễn Khắc Niên đã lên đến chức Thượng thư trong triều. Nghe tin vợ thầy học cũ mất, ông đánh xe từ Huế về Hà Tĩnh để phúng viếng. Nhà cách sông và đường quốc lộ, Tri huyện tiếp điện đã lệnh cho Tổng lý địa phương đem kiệu và võng lọng ra tận bờ sông đón rước cụ thượng về quê lễ vợ thầy. Nhà ông bà Tú trên đỉnh đồi Sơn Trại, người trai tráng leo lên cũng cảm thấy mệt, hơn nữa sỏi đá lởm chởm. Nhưng để tỏ lòng cung kính nhớ ơn thầy, cụ thượng Niên đã xuống cáng, đi chân đất có hai người lính hầu dìu hai bên, lên tận nhà thầy gần đỉnh đồi. Tất nhiên cụ Thượng thư đã đi chân đất thì từ tuần phủ tri huyện đến tổng lý cũng phải tháo hia hài cấp nách mà leo lên. Người con trưởng cụ Tú và một số gia nô khăn áo chỉnh tề đã xếp hàng đứng ở cổng. Mặc dầu chỉ là dân thường ít hơn một vài tuổi, nhưng con trai cụ Tú cũng được Cụ Thượng Niên vái chào rất cung kính (vì được coi là thế huynh).

Học trò cũ mà thầy lại mất từ lâu, nay về lễ tang vợ thầy, đây là chuyện thực mắt thấy tai nghe, kể lại đây có lỗi thời, nhưng cũng hy vọng các bạn đọc chất lọc được trong phong tục xưa chút hương vị ngọt ngào chăng ?

Điều 37 : Miếng trầu là đầu câu chuyện

Theo phong tục Việt Nam, miếng trầu tuy rẻ tiền nhưng chứa đựng nhiều tình cảm ý nghĩa, giàu nghèo ai cũng có thể có, vùng nào cũng có. Miếng trầu đi đôi với lời chào, người lịch sự không ăn trầu cách mặt nghĩa là đã tiếp thì tiếp cho khắp:

Tiền đây ăn một miếng trầu

Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là

"Đầu trò tiếp khách" là trầu, ngày xưa ai mà chẳng có, họ chẳng riêng Tú Xương mới "Bác đến chơi nhà ta với ta"

Quý nhau mời trầu, ghét nhau theo phép lịch sự cũng mời nhau ăn trầu nhưng "cau sáu ra thành mười".

Đặc biệt "trầu là đầu câu chuyện" giao duyên giữa đôi trai gái:

"Lân la điệu thuốc miếng trầu, đường ăn ở dễ chiều lòng bạn lứa".

Trầu vàng nhá lẫn trầu xanh

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.

Mời trầu không ăn thì trách móc nhau:

Đi đâu cho đồ mờ hôi

Chiều trái không ngồi trầu để không ăn.

Thưa rằng bác mẹ tôi răn

Làm thân con gái chớ ăn trầu người.

Khi đã quen hơi bén tiếng, trai gái cũng mượn miếng trầu để tỏ tình, nhất là các chàng trai nhờ miếng trầu mà tán tỉnh:

Từ ngày ăn phải miếng trầu

Miệng ăn môi đỏ dạ sâu đắm chiều.

Một thương, hai nhớ, ba sầu

Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cầm hơi.

"Có trầu, có vỏ, không vôi" thì môi không thể nào đỏ được, chẳng khác gì "có chăn, có chiếu không người nằm chung".

Cho anh một miếng trầu vàng

Mai sau anh trả cho nàng đôi mâm.

Yêu nhau chẳng lấy được nhau

Con lợn bỏ đói, buồng cau bỏ già.

Miếng trầu không đắt đỏ gì "ba đồng một mớ trầu cay" nhưng "miếng trầu nên dâu nhà người".

Ngày nay để răng trắng nhiều người không biết ăn trầu nữa, nhất là ở thành phố, nhưng theo tục lệ nhà ai có con gái gả chồng, sau khi ăn hỏi xong cũng đem cau trầu cau biếu hàng xóm và bà con nội ngoại. Vì miếng trầu là tục lệ, là tình cảm nên ăn được hay không cũng chẳng ai chối từ

Thời xưa, ăn trầu còn sợ bị bỏ "bùa mê", "bùa yêu" nên người ta có thói quen:

Ăn trầu thì mở trầu ra

Một là thuốc độc hai là mận vôi.

Các cụ càng già càng nghiện trầu, nhưng không còn răng nên "đi đâu chỉ những cối cùng chày" (Nguyễn Khuyến). Cối chày giã trầu làm bằng đồng, chỉ bỏ vừa miếng cau, miếng trầu, miếng vỏ nhưng trạm trở rất công phu, ngày nay không còn thấy có trên thị trường nên các cụ quá phải nhờ con cháu nhá hộ.

Vì trầu cau là "đầu trò tiếp khách" lại là biểu tượng cho sự tôn kính, phổ biến dùng trong các lễ tế thần, tế gia tiên, lễ tang, lễ cưới, lễ thọ, lễ mừng... Nên tèm trầu cũng đòi hỏi phải có mỹ thuật, nhất là lễ cưới có trầu tèm cánh phượng có cau vỏ trở hoa, "cau già dao sắc" thì ngon. Bày trầu trên đĩa, hạt cau phải sòng hàng, trầu vào giữa, đĩa trầu bày 5 miếng hoặc 10 miếng, khi đưa mời khách phải bưng hai tay. Tế gia tiên thì trầu tèm, còn tế lễ thiên thần thì phải 3 lá trầu phết một tí vôi trên ngọn lá và 3 quả cau để nguyên.

Điều 38 : Xuất xứ của tục nhuộm răng và cách nhuộm răng

Tục nhuộm răng là tục cổ xưa của dân tộc Việt, có từ thời các vua Hùng với tục ăn trầu. Sứ thần của nước Văn Lang (giao chỉ) trả lời vua nhà Chu (Trung Quốc) về tục ăn trầu "Chúng tôi có tục ăn trầu để khử mùi ô uế và nhuộm cho răng đen...".

Khiếu thẩm mỹ của con người cũng tùy thuộc theo đặc điểm dân tộc và tùy thuộc theo thời đại mà thay đổi. Đối với các dân tộc ở châu Phi hay Ấn Độ thì da càng đen càng đẹp. Nước ta ngày nay, chẳng ai nhuộm răng đen nữa, nhưng ngày xưa "bồ công trang điểm má hồng răng đen". Đến như Phan Kế Bính là một nhà trí thức tiên bộ đầu thế kỷ, chủ trương cải tạo phong tục còn có nhận xét: "Đàn ông răng trắng thì chẳng sao, chớ đàn bà nhà tử tế bây giờ mà răng trắng thì coi khí ngộ một đôi chút. Nhưng lâu dần cũng phải quen mắt, có lẽ quen mắt rồi thì trắng lại đẹp hơn đen nhiều".

Năm quan mua lấy miệng cười

Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.

Tục nhuộm răng đã lỗi thời, nhưng xin giới thiệu cách nhuộm răng cổ truyền của dân tộc ta, để các bạn trẻ được biết: (có thể vận dụng trong ngành mỹ nghệ, kẻ vẽ, nhuộm các chế phẩm bằng xương bằng ngà voi và nhựa).

Trước hết dùng các cánh kiến tán nhỏ, vắt nước chanh để kín 7 ngày, chờ tới đi ngủ phết thuốc ấy vào hai mảnh lá dừa hoặc mo cau rồi áp vào hai hàm răng. Trong khi nhuộm răng thì phải kiêng nhai. Nhuộm như thế 5, 7 ngày cho răng đỏ già ra màu cánh gián thì bôi thuốc răng đen. Thuốc răng đen làm bằng phen đen trộn với cánh kiến, nhuộm 1, 2 miếng là đen kịt lại, đoạn lấy cái sọ dừa để con dao mà đốt cho chảy nhựa ra, lấy nhựa ấy phết vào răng cho không phải ra được nữa.

(Trích Phong tục VN của Phan Kế Bính, tr 351).

Điều 39 : Tại sao gọi là « tóc thề » ?

Các cô gái cô mái tóc thề trông thêm duyên dáng.

Tóc thề vốn là một vài sợi tóc ngắn phát phơ hai bên trán và vành tai. Có những bạn trai nghe nói các cô gái có mái tóc thề, tưởng là các cô đã có người yêu, nhưng thực tế nào các cô đã thề thốt cùng ai ?

Nguyên xưa, các đôi trai gái yêu nhau hoặc có những đôi đã nên vợ nên chồng, đang mặn nồng đắm thắm bỗng vì một lý do gì đó làm cho tình duyên dang dở, đôi lứa xa nhau. Họ quyết một lòng, dẫu cho sông cạn đá mòn, năm tháng chờ đợi vẫn một lòng thủy chung. Trước khi lưu luyến chia tay, họ cắt trao cho nhau một mớ tóc để ăm tin và luôn giữ trong mình như kỷ vật. Mớ tóc đó gọi là tóc thề. Chỗ tóc bị cắt đó dần mọc lại và dài dần, mái tóc mới mọc đó gọi là tóc thề. Trong chuyện Kiều có câu:

Tóc thề đã chấm ngang vai

Nào lời non nước, nào lời sắc son.

Có nghĩa là dăm ba năm sau, chỗ tóc bị cắt cụt đã mọc dài chấm ngang vai rồi vẫn chưa thấy bóng dáng người yêu. Nên nhớ, thời xưa con trai cũng để tóc dài, cũng búi tóc, và vì vậy cũng có tóc thề.

Điều 40 : Màu sắc với truyền thống văn hóa dân tộc

Ở mỗi dân tộc việc vận dụng màu sắc có tập quán khác nhau. Thí dụ ở các nước phương Tây, màu đen là màu tang tóc, còn ở Việt Nam và các nước phương Đông thì phổ biến màu tang là màu trắng.

Màu sắc còn mang đặc trưng sắc thái của các tầng lớp xã hội khác nhau: Thí dụ màu vàng là của vua, từ các quan đại thần cho đến thường dân, cấm không ai được mặc quần áo hoặc xây dựng nhà cửa màu vàng. Màu tím là sắc phục của các quan đại thần. Màu điều, màu đỏ dành riêng để tế thần và làm sắc phục cho các cụ thượng thọ. Màu nâu sòng là của cửa Thiền dành cho những kẻ quy y Phật tổ, cũng như màu đen là sắc phục của linh mục đạo Ky-Tô. Màu xanh là của những người còn theo đòi Cửa Không sân Trình, của học trò chưa đậu đạt:

Trong bài thơ La-sơn phu-tử Nguyễn Thiếp gửi Tiến sĩ Nguyễn Khản có câu:

Quân kim bào hốt trung triều sĩ,

Cổ ngã lâm tuyền khâm thượng thanh....

(Có nghĩa là: Nay ngài đã là khanh tướng trong triều, mà còn nhớ đến bạn học ngày xưa áo vẫn xanh). "áo vẫn xanh" tức là chưa hiển đạt, vẫn còn là bộ quần áo của người hàn sĩ. Màu đào tức màu hoa đào là của các nàng ca sĩ, cho nên mới có danh từ "Hát ả đào".

Màu đen, màu nâu là trang phục rẻ tiền nhất của quần chúng nông dân. Màu xanh nhập nội từ đất nước Trung hoa sau giải phóng gọi là xanh công nhân.

Ở Việt Nam, từ xưa tới nay, màu đỏ, màu vàng, màu hồng, dùng trong trướng đôi chỉ dành để chúc tụng, khao lão, mừng rỡ, còn trong lễ tang chỉ có thể dùng màu trắng, màu xanh, màu đen, màu tím.... không hiểu vì sao, gần đây nhan nhản ở các cửa hàng, trướng điều (lễ tang) cũng dùng màu đỏ, màu vàng rực rỡ, phải chăng các cụ già chết là đáng mừng, không cần phải an ủi, lưu luyến, nên chẳng cần dùng màu đen, trắng, xanh, tím như ngày xưa. Vì thế mới xảy ra câu chuyện oái ăm: Có người đi mừng ông bạn 70 tuổi lại mua một bức trướng điều màu đỏ thêu 4 chữ vàng "Tiên cảnh nhàn du", có khác gì chúc cho bạn mình mau chết để chóng được lên đạo chơi trên cảnh Bồng Lai. Nguyên "Tiên cảnh nhàn du", (Nghĩa là thanh nhàn dạo chơi trên cảnh tiên) là để an ủi người mới mất từ nay hết nợ trần gian lên hưởng cảnh tiên.

Điều 41 : Vì sao có tục bán mở hàng ? Bán mở hàng thế nào cho đắt khách ?

Trong phong tục ngày Tết, chúng tôi đã trình bày: đầu năm ai cũng muốn vận hội hanh thông, làm ăn suôi sẻ, làm quan có ngày khai ấn, kẻ sĩ có ngày khai bút, nhà nông có ngày khai canh, làm thợ có ngày khai công, người làm nghề buôn bán có ngày mở hàng. Theo tâm lý chung mọi việc khởi đầu đều khó khăn, mà "Đầu đi thì đuôi lọt!". Riêng trong nghề buôn bán lại càng bấp bênh, có ngày mua may bán đắt, có ngày ngồi suốt buổi chẳng ai ngó tới, có tháng lời lãi nhiều, lợi lộc lớn, có tháng thua lỗ mất cả chì lẫn chài, vì vậy không những chọn ngày mở hàng đầu năm, mà cả đầu tháng, đầu tuần, từng ngày còn phải để ý đến chuyện mở hàng: mở hàng vào lúc nào ? Bán cho ai "Nhẹ vía" để cả ngày bán đắt hàng ?

Thông thường muốn được đông khách đến mua thì thái độ người bán hàng phải niềm nở, vồn vã, ân cần, bán với giá hơn bình thường để cầu được đông khách và giữ được chữ Tín đứng hàng đầu. Song có người lại tưởng nhầm bán mở hàng phải bán cho đắt, người mua mặc cả chê đắt không mua bỏ đi, rốt cuộc ngồi lì suốt buổi không ai hỏi đến, thậm chí còn có thái độ và ma thuật bĩ ỏi cho là tại người mở hàng nặng vía, chửi rủa nguyền và "Đốt vía" người mở hàng. Người bán hàng như vậy không biết rằng: chính mình là người nặng vía nhất.

Ngày trước người ta muốn đi chợ sớm để được mau mở hàng có giá rẻ hơn chút ít, nhưng ngày nay nhiều người ngại mở hàng vì sợ vướng phải hạng người không biết mình bán hàng nặng vía lại đòi "Đốt vía" người mua mở hàng.

Đến đây ta có thể kết luận được: Bán mở hàng nên bán đắt hơn hay rẻ hơn giá bình thường ?

Chuyện vui:

"Mở hàng nhẹ vía " hay "Nợ như Chúa Chôm"

"Nợ như Chúa Chôm". Đó là thành ngữ phổ biến để chỉ người lăm nợ. Nhưng tại sao Chúa Chôm lại lăm nợ như vậy ? Truyền thuyết kể rằng: "Chôm" là hàng cùng dân ở miền Thanh Hoá, chẳng có gia tài điền sản hay nghề ngỗng gì, quanh năm chỉ có đánh dậm, mò cua, bắt ốc nuôi thân. "Chôm" tên thật là gì, quê quán ở đâu, bà con họ hàng thân thích có những ai ? Chẳng ai để ý đến.

Một con người "Tứ như Chúa Chôm" được. Nguyên do: có mấy lần sáng sớm, Chôm vào một quán nhỏ ăn lót dạ, tự nhiên những hôm đó chủ quán bán rất đắt hàng. Vì vậy, một đồn mười, mười đồn trăm, các chủ quán ai gặp Chôm, cũng có nài Chôm vào ăn quà lấy may. Ai được Chôm hôm nào chiếu cố vào ăn thì hôm ấy đều bán được đắt hàng. Nhưng Chôm làm gì có nhiều tiền để trả, người ta vui lòng mời Chôm ăn, bao giờ có tiền trả cũng được, mà không có cũng thôi, do đó trong khắp vùng không ai mắc nợ nhiều bằng Chôm.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi của vua Lê Cung Hoàng, dựng nên nhà Mạc. Đến nay 1532

Nguyễn Kim khởi nghĩa phò Lê chống Mạc, đi tìm hậu duệ tôn của vua Lê, tìm được Chôm, mặc dầu khổ rách áo ôm, nhưng có khí tướng đế vương (người ta còn đồn đại rằng: Chôm đi đâu cũng có đám mây che trên đầu, trời đang nắng gắt cũng trở nên âm mát...) Chôm được phò lên ngôi vua mở đầu thời Lê Trung Hưng đóng đô ở Thanh Hoá (tức Tây đô) để chống với nhà Mạc ở Hà Nội (tức Đông đô).

Sau khi lên làm vua, không có điều kiện gặt gũì quân chúng như trước, và cũng không nhớ nợ ai bao nhiêu mà trang trải nợ nần nữa, Chúa Chôm (thực ra là Vua Chôm) đành phải hạ lệnh đúc thật nhiều tiền, rồi Chôm đi đến đâu rải tiền ra đến đấy, cho công chúng ai nhanh tay, mạnh bước thì nhặt lấy. Vì thế nên mới có thành ngữ "Nợ như Chúa Chôm".

Điều 42 : Đạo hiếu là gì ?

Các bạn biết chữ Hán thấy rõ: Chữ "Hiếu" là chữ viết tắt của hai chữ "Lão" ở trên (lướt bớt phần dưới) và chữ "Tử" ở dưới. "Hiếu" tức là mối quan hệ cha trên, con dưới; suy rộng ra là đạo nghĩa của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Đọc bài "Đạo hiếu" của Nhất Thanh (Tr.331 cuốn "Đất lề quê thói"- NXB Đồng Tháp) cùng với một số bài nói về lễ Mừng lão, Yến lão, tôi rất nhất trí và không lặp lại, chỉ xin nói thêm vài lời.

Đạo hiếu xuyên suốt trong mọi phong tục của nhân dân ta, không thể không nói đến chữ hiếu khi viết về phong tục cổ truyền của ta. Lễ tế, lễ tang, lễ cưới, kể cả sinh đẻ, xây nhà dựng cửa, hội hè đình đám, việc nước, việc làng, thuần phong mỹ tục đã đành mà trong số những phong tục đã lỗi thời, ngày nay bị xếp vào loại đồi phong bại tục, ta cũng chắt lọc được một phần tinh hoa của đạo hiếu.

"Hiếu" là thiên kinh địa nghĩa, là gốc của mọi đức tính. Ca dao tục ngữ đã nói nhiều, ngay trong bài học vỡ lòng, trong "Luân lý giáo khoa thư" các em đã hiểu: "Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"... Những chân lý đó, ai không chấp nhận, song quan niệm về chữ "Hiếu" ngày nay cũng có phần khác thời xưa.

Tôi không dám lên mặt dạy đời, chỉ xin thuật lại một buổi tranh luận trong nội bộ gia đình tôi:

Trước hết tôi hỏi "Hiếu" là gì? Cháu nhanh nhẩu trả lời: "Hiếu" là hiếu với dân, Bác Hồ khuyên "Trung với nước, hiếu với dân". Đài báo cũng nhắc luôn: "Hiếu với dân, tức là cán bộ phải chăm lo cho dân, đừng ăn hôi lộ, đừng hách dịch với dân".

- "Việc hiếu" là gì ?

- "Việc hiếu" là việc ... là việc... là việc cán bộ chăm lo cho nhân dân mà không ăn của đút, không... Đến đây cháu lúng túng. Thằng con út tôi trả lời thay:

- "Việc hiếu" là việc đưa đám ma, vì hôm trước, đưa đám ma xong, ông hàng xóm đứng lên cảm ơn thân bằng cố hữu đã giúp gia đình lo xong việc hiếu....

Đến đây, được chú em tôi phụ họa thêm:

- Cháu nói có lý đấy anh ạ! "Việc hiếu" là việc đối với người chết, cho nên người ta thường nói "Hiếu", "Hy", tức là chỉ việc tang, việc cưới. Nhưng cháu ạ, việc hiếu phải ba năm chứ không phải đưa ma xong là xong đâu ! Đến như tiến sĩ Lý Trần Quán, một người tận trung tận hiếu cuối triều Lê, trước khi chết còn viết đôi câu đối "Tam niên chi hiếu dĩ hoàn. Thập phần chi trung vị tận" (Chữ "Hiếu" 3 năm đã xong, chữ "Trung" mười phần chưa trọn).

- Hiếu đôi với người chết, còn đôi với người sống thì sao? "Sự tử như sự sinh" kia mà ?

- Ô, anh muốn biết con anh có hiếu hay không, xin anh hãy ráng chờ sau khi anh chết sẽ rõ. Ca dao có câu "Khi sống thì chẳng cho ăn. Đến khi chết xuống làm văn tế ruồi". Thời xưa còn thế nữa là bây giờ. Nhưng anh cũng đừng lo ruồi ăn hết phần, vì thanh niên ngày nay có biết đọc văn nữa đâu mà tế ruồi.

Đến đây lại chuyển sang mục tranh cãi giữa tôi và chú em về quan niệm chữ "Hiếu" thời xưa và thời nay.

- Thời nay lớp trẻ chẳng biết "Chín chữ cù lao" là cái gì. Công ơn mang nặng đẻ đau, nuôi con khôn lớn tốn bao nhiêu tâm lực, đến nay chúng nó có lớn mà chẳng có khôn.

- Tôi phản nản - Đã thế còn hỗn láo, bướng bỉnh...

- Đó chẳng qua là cái món nợ đồng lần, mình nuôi con rồi nuôi cháu cũng thế. Lớp trẻ bây giờ nhiều người nói ngược: "Sinh ra ta, nuôi ta lớn lên, đó là trách nhiệm của các ông bà bà". Có đưa còn trách bố mẹ: "Sao người ta ăn sung mặc sướng, được chiều chuộng. Bố mình thì "Khất khe", "Ky bo' mà còn kể ơn huệ!" - Chú em tôi kể thêm.

Đối với những ông bố bà mẹ có những đứa con như vậy, quả thật là bất hạnh, song cũng phải khẳng định số người đó rất ít, và lại khi đến tuổi trưởng thành, được tiếp thu sự giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội và qua khảo nghiệm thực tế của cuộc đời, chúng sẽ thay đổi tính tình. Bố mẹ bao giờ cũng sẵn sàng tha thứ, nước mắt chảy xuôi là lẽ thường tình.

Bàn đến câu ca dao: "Cá không ăn muối cá uơn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư", rồi "Trứng khôn hơn vịt"... được dịp, con cả tôi xen vào:

- Con xin phép cha mẹ và chú, con cãi cha mẹ không phải trăm phần trăm con hư cả. Nếu cha mẹ nghĩ sai làm sai, con can ngăn thì đó có phải là bất hiếu đâu!

Ông chú gật gù tán thành:

- Cháu nói có lý. Câu "Con cãi cha mẹ trăm phần con hư" chỉ đúng khi đứa con còn thơ ấu, chứ khi đã trưởng thành có nhiều cô cậu còn khôn hơn cha mẹ. "Con hơn là nhà có phúc" mà ! Thời đại ngày nay, khoa học kỹ thuật tiến vùn vụt, tư duy chính trị, kinh tế bây giờ cũng đổi mới mà cánh già chúng ta thường hay thủ cựu, bảo thủ cố chấp. Ấu cũng là mâu thuẫn giữa hai thế hệ...

- Theo chú, câu tục ngữ "Có con tội sống, không có con tội chết" có đúng không ?

- Đúng thời xưa nhưng không đúng thời nay. Thời xưa có câu "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" (có 3 điều bất hiếu với cha mẹ, trong đó không có con là điều nặng nhất). Cha mẹ ông bà tuy đã qua đời nhưng không còn sống trong ta, nếu ta không có con thì sau khi ta chết, ta cũng làm tiêu tan nốt dòng máu của bao đời tổ tiên, ông cha lưu lại. Nhưng còn tội sống thì sao ? Có ít người cho rằng nuôi con chẳng qua chỉ mang thêm tội vạ. Đã vậy sao nhiều người ghét con lại thương cháu. Có lẽ họ nghĩ rằng chon họ đã không nối được nghiệp cha ông thì hy vọng cháu mình sẽ nối.

Trong cuốn "Một nghìn lẻ một đêm" một nhà thông thái đã trả lời đám đông: "Nỗi khổ nhất và dai dẳng nhất trên đời là có đứa con hư". Nhưng còn một mặt khác, mà là mặt tích cực và phổ biến "Con khôn nở mặt mẹ cha" "Một con một cửa", có ai từ. Gặp nhau người ta hỏi thăm nhau: "Mấy trai mấy gái rồi ?", chứ có hỏi: "Mấy cửa rồi ?" đâu. Còn như câu "Trẻ cậy cha, già cậy con" ngày nay liệu còn đúng không ?

Nhân nhắc đến những gương hiếu kính thời xưa được nhà vua ban biển vàng như thời vua Lê Huyền Tông cách đây gần ba trăm năm (1663-1671), ban biển đỏ với bốn chữ vàng "Hiếu hạnh khả phong" như thời vua Hàm Nghi cách đây hơn một trăm năm (1885-1888) chú em tôi thắc mắc có tính chất gợi ý: "Thời nay thiếu gì gương hiếu kính sao từ trung ương đến địa phương chưa thấy có hình thức khen thưởng biểu dương gì ?. Trong quyển "Nhị thập tứ hiếu" có Lục Tích người quận Cửu Chân mới 6 tuổi đến nhà họ Viên ăn tiệc xong dầu quả quýt mang về cho mẹ Quận Cửu Chân là đất Thanh Hoá ngày nay. Lục Tích cũng được liệt trong số "Thảo hai mươi bốn, thơm nghìn muôn thu", sao trong sử sách ta, không thấy nói đến.

Ông chú vừa dứt lời, cậu con trai thứ của tôi xen ngay :

- Tưởng ai nổi danh, chứ như Lục Tích giấy quýt về cho mẹ cũng đưa vào sử sách, thì ở nước ta giấy mực đâu mà thống kê cho hết, ở một vùng cũng đến hàng ngày hàng vạn người. Ngay như cháu đây, lúc nhỏ cùng đi ăn giỗ với chú ở nhà thờ họ, hẳn chí còn nhớ, lúc đó cháu mới bốn, năm tuổi, cháu còn nhớ chú xé sẵn cho cháu một tai lá chuối trước khi ăn cỗ, thế rồi phần giò, phần nem, chả, xôi, hoa quả của cháu, cháu đều gói cả lại mang về phần mẹ, phần em, mặc dầu cháu rất thèm, cháu hơn hẳn Lục Tích chứ chú!

Nghe con nhắc lại chuyện cũ, vợ tôi nhoẻn miệng cười gật đầu tán thưởng. Tôi liếc thấy vợ tôi còn rơm rớm nước mắt vì cảm động.

Cậu con trai thứ của tôi, bỗng quay lại phía chú, đột ngột hỏi:

- Vua ban bằng 'Hiếu hạnh' gì gì đó có đúng đối tượng không chú ? Hay lại nghe dưới 'tâu báo lên, chỉ phong cho bọn lăm tiền, khéo nịnh, để được ăn khao cho to ? Chú ạ, ngày xưa các cụ ngốc lắm" "Đức Đại thánh họ Ngu vua Thuần" thì đúng là không khôn: hiếu với cha mẹ đã đành một nhẽ, chứ với mẹ gì ghê cay nghiệt như kiêu mẹ con Cám, gặp phải cháu thì ăn đám chứ đừng hòng "Trăm cay đắng một niềm ngon ngọt". Đời nhà ai, có người chôn con nuôi mẹ như Hán Quách Cự mà cũng được "Thơm nghìn muôn thu". Đáng lý ra triều đình phải nghiêm trị tội giết người, hơn nữa lại là tội giết hại trẻ con.

Cuối cùng chú em tôi quay sang hỏi tôi:

- Theo ý anh, thế nào là "Có hiếu", thế nào là "Bất hiếu". Giữa hai đứa con, anh chọn đứa nào, một như cháu đây: Con nhà nghèo, mới 4, 5 tuổi đã biết giành phần ngon về biểu mẹ, một là đứa giàu sang, không đúng ngày giỗ cha cũng lấy cớ bịa ra ngày giỗ, cỗ bàn linh đình để khoản đãi, cầu cạnh những kẻ cao sang, làm ra vẻ người con chí hiếu, trong khi đó thì hắt hủi người mẹ quê mùa, lam lũ nghèo hèn như trong chuyện "Báo hiếu cha" của Nguyễn Công Hoan. Thế nào, giữa "Lục Tích nhà ta" mặc dầu có lúc còn hỗn láo bướng bỉnh và nhân vật "Chủ hăng ô tô con cọp" của Nguyễn Công Hoan, anh chọn đứa nào?

Dường như để tránh dung dưỡng cho những điều không phải, chú em tôi quay lại, nhỏ nhẹ bảo cháu:

- Cháu ạ, cháu có thể tranh luận với cha mẹ nhưng phải lễ độ, từ tốn, phải biết lựa lời, chọn lúc, tuyệt đối không được có thái độ nóng nảy, cáu gắt, hỗn láo, nhất là khi có khách, khi ra đường, giữa công chúng, hoặc trước mặt vợ con, đừng để ông bà trên bàn thờ quở mắng bố mẹ cháu rằng không biết dạy con; đừng để vợ con cháu, em út cháu khinh nhờn bố mẹ cháu, tất nhiên cũng khinh nhờn cả cháu. Sau này cháu sẽ rõ: có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.

Từ nãy đến giờ nhà tôi chỉ ngồi nghe, bây giờ mới lên tiếng: "Nghe cha con, chú cháu nhà ông nói thì ai cũng có lý "!

Xin mượn câu đó làm câu kết cho bài này.

Điều 43 : Tục khao lão

Bây giờ đến bậc ăn dung nhĩ,

Có rượu thì ông chống gậy ra.

(Nguyễn Khuyến)

Lên lão cũng phải khao. "Khao lão" không khó khăn như khao vị thứ đình trung. Lo đủ lệ là được, có mời thì mời phe giáp hay thôn xóm khắc đến, vì lên lão là quyền đương nhiên không phải cậu cạnh.

Những nhà giàu có thường nhân dịp bày tiệc mừng thọ tế lễ, ăn uống linh đình. Tế sống cha mẹ, có văn chúc thọ với ban tư văn hành lễ trợ tế. Cha mẹ ngồi phía trong, con trái, gái, dâu, rể, cháu chắt, phân thứ bậc trên dưới đứng hai bên, nam bên trái, nữ bên phải, làm lễ tế ba tuần rượu, có tấu nhạc trọng thể, vui vẻ. Tế sống cha mẹ mỗi lần hai lạy, khác tế thần, tế tổ mỗi lần bốn lạy. ở đất văn vật, bài văn tế chúc thọ thường là cả một công trình bút mực, có khi người trong vùng nô nức đến xem tế và nghe đọc văn.

Có đám mừng thọ mời bà con họ hàng làng tổng, tiệc tùng hát xướng hai ba bốn ngày.

"Phú quý sinh lễ nghĩa", có nhiều nhà làm lễ mừng thọ cha mẹ lên lão 70,80,90 tuổi...Không phải tục lệ bắt buộc, giàu có bày ra thết đãi mời mọi người đến chia vui với mình, đồng thời làm vui lòng cha mẹ, tưởng cũng là một tục hay, có thể khiến cho những kẻ nhẹ tình hiếu thảo, không lo phụng dưỡng cha mẹ cho được tuổi thọ như người, phải lấy làm suy nghĩ và hổ thẹn.

Điều 44 : Yên lão

"Yên" là tiệc rượu. Nhiều làng có tục yên lão, hàng năm hay hai ba năm một lần, thết tiệc mừng thọ các quan lão. Có thể nói đây là một thịnh điển thời thái bình, không phải là một hủ tục đã gây nên nhiều tệ đoan như tục ngôi thứ hương ẩm. "Sống lâu lên lão làng", tự nhiên có vinh dự tuổi thọ, không phải tranh dành mới có, chẳng phải có tiền mà mua được, có quyền thế mà tạo nên được.

Mỗi năm cứ đến dịp làng mở hội hoặc ngày đại lễ có định kỳ, các quan lão tụ hội ở chùa hay nơi công quán hay một đương cai, làng đem cờ quạt với phường bát âm đến rước ra đình. Những làng trù phú thường sắm đủ vông lọng rước lão, lão 100 tuổi đi vông điều che bốn lọng xanh, lão 90 tuổi đi vông điều hai lọng xanh, lão 80 tuổi vông xanh (đòn cong) một lọng, lão 70 vông xanh (đòn ông) một lọng. Trai tráng cầm cờ khiêng vông đều nón dẫu áo nẹp. Đám rước rất trọng thể.

Tại đình làng, nơi giữa thiết lập bàn thờ tiên lão, các quan lão ngồi hai gian bên theo thứ bậc tuổi, có làng yên cả lão bà thì gian trái lão ông ngồi, gian bên phải lão bà ngồi.

Tuỳ theo lệ làng, có nơi lão 90 tuổi hoặc lớn hơn nữa ngồi một mình chiếu nhất, có nơi chưa đến 60 tuổi đã là bậc cao niên nhất, cũng ngồi một mình chiếu nhất.

Tế lão cũng đủ nghi thức như tế thần, ba tuần rượu với văn tế tiên lão, văn chúc thọ quan lão, có ban tư văn hành lễ, phường bát âm tấu nhạc.

Lúc tế, quan lão ngồi trước những mâm cỗ đặt giữa chiếu, chỉ uống rượu suông không ăn, là thủ ý trang nhã, trịnh trọng đối với dân làng, ngồi chứng kiến cuộc lễ diễn hành và chăm chú nghe văn tế, văn chúc thọ. Những mâm cỗ kia sẽ được mang đến từng nhà biếu các cụ.

Cỗ yên lão thường là rất thịnh hậu cả về phẩm lẫn lượng, có nơi mỗi cỗ hai bánh dày, hai bánh chưng với những món giò, nem và nhiều thứ bánh khác làm rất công phu.

Chiếu nhất, một cụ ngồi thì được biếu cả một cỗ gọi là cỗ một, chiếu nhì, hai cụ ngồi là cỗ đôi thì được biếu mỗi cụ một nửa cỗ, những cỗ dưới là đồng hạng cứ bốn cụ một cỗ.

Từ ngàn xưa, những khi có việc làng, không hề có bóng phụ nữ nơi đình trung. Ngày yên, sự hiện diện của các lão bà đem lại cho dân làng một cảm giác đặc biệt vui vẻ đầm ấm.

Mỹ tục yên lão là do đạo hiếu mà ra, một đặc tính dân tộc, có ý nghĩa rất trọng hậu, trẻ vui đạo trẻ, già vui tuổi già, trái ngược hẳn với cái thảm cảnh ở mấy nước văn minh cường thịnh cứ đến tuổi già là bị liệt vào hạng người vô dụng, ăn hại xã hội, con cháu ít chăm nom, người đời lạnh nhạt.

Lúc văn niên, tóc bạc da mồi, với cuộc sống buồn tẻ nơi thôn dã năm tháng trôi, các cụ hẳn cũng cảm thấy sung sướng đã được cả làng tỏ tình quý trọng, quý trọng rất mực trong cuộc rước đón những buổi yên ẩm, con cháu các cụ thì được hãnh diện là gia đình có phúc mới được tuổi thọ, cho nên nhiều nhà, dù nghèo cũng ráng may sắm cho ông bà đi dự yên.

Cụ thì mũ ni nhung đen, áo vóc đại hồng, cụ thì khăn nhiễu tam giang, giày vắn hài, cụ thì áo đoạn huyền quần lụa bạch, có những cụ nhà bần hàn, quanh năm quần nâu áo vải lúc này cũng quần chúc bầu, áo the thâm, áo láng chéo go, dép mới thay quai... Y phục tùy hoàn cảnh mỗi nhà, không có lệ định nào, chỉ trừ màu vàng của nhà vua, quan dân đều không được mặc

Trước ngực, dưới vòng dây thao quàng cổ là túi gấm màu lam, màu huyền đựng trầu, thuốc, cối, chày...

Đám rước quan lão, y phục màu sắc như vậy với vòng lưng cò quạt, vừa gợi cảm. Những nhà từ mấy đời không hề có ông cha được dự, không khỏi bùi ngùi tiếc thương người đã khuất, không khỏi thêm muốn ước mong cho gia đình đời nay và đời sau.

Điều 45 : Tại sao những năm gần đây có phong trào khôi phục việc họ ?

Từ năm 1975 lại nay, nhất là những năm gần đây. Từ Bắc chí Nam đều có phong trào khôi phục việc họ, với nội dung: Diễn dịch, biên soạn, phổ biến gia phả, sửa sang tôn tạo tổ mộ, từ đường tổ chức tế tự, giỗ tổ hàng năm và gắn bó tình cảm gia tộc hơn trước. Đó là một phong trào tự phát, chưa có một văn bản chỉ thị nào của cơ quan trung ương địa phương, hay ngành văn hoá có hướng dẫn khuyến khích. Vậy nhân tố nào chỉ đạo, thúc đẩy phong trào lan rộng nhanh như vậy ?

Đây là quy luật phát triển xã hội khách quan.

Trong thời kỳ kháng chiến. Mọi người dân, trên cương vị của mình đều phải dồn toàn bộ tâm sức vào sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc, mọi người khi đó còn phải lo những vấn đề bức xúc nhất : Ăn ở, sống chết ... và những việc không thể đình hoãn được. Sau khi hoà bình, cuộc sống vật chất đã tương đối ổn định thì nhu cầu về đời sống tinh thần văn hoá lại nổi lên. Việc đi lại, thăm viếng nhau trong gia đình họ hàng thân thuộc, việc củng cố, gắn bó mối quan hệ gia tộc, việc thờ phụng tổ tiên, ông bà, cha mẹ từ ngàn xưa đã trở thành tâm linh của mọi người. Đây là một lĩnh vực quan trọng trong đời sống văn hoá và tư tưởng.

Dưới bất kỳ xã hội nào, dù xu hướng chính trị, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, tình cảm gia đình vẫn vậy. Tình gia tộc là khái niệm mở rộng của tình gia đình, máu thoảng hơn nước lã. Đó là tình cảm tự nhiên mọi người đều thừa nhận .

Vì vậy. Khôi phục việc họ là việc làm hợp với tâm tư của số đông nhân dân, một người đề xướng được trăm người hưởng ứng. Đó cũng là thuần phong mỹ tục.

Điều 46 : Quan hệ giữa họ hàng và làng xã như thế nào ?

Phục hồi việc họ lợi hay hại ?

Phục hồi việc họ là một cách đúng đắn, vô tư, tức là phát huy được thuần phong mỹ tục. Nếu cán bộ cơ sở biết khéo léo vận dụng đường lối, loại trừ được 3 chiều hướng tiêu cực sau đây thì càng có nhiều dòng họ vững mạnh càng có lợi cho phong trào chung:

- Ngăn ngừa một số phần tử lợi dụng tình cảm họ hàng thân thuộc để kéo bè, kéo cánh.
- Phục hồi việc họ, đồng thời nhân đó phục hồi luôn cả những thủ tục, mê tín dị đoan.
- Dựa vào thế có người nhà, người trong họ có chức có quyền để bóp méo luật pháp, làm ăn sai trái.

Ngoài ra, nếu tổ chức hội hè đình đám không đúng lúc, đúng chỗ gây lãng phí, nhiều thì giờ và tiền của, ảnh hưởng đến công việc, thời vụ sản xuất, thì nên khéo léo hướng dẫn hạn chế mặt tiêu cực.

Họ hàng thành đạt thì làng xã phồn vinh .

Trước Cách Mạng Tháng Tám, bộ máy hương lý có quyền điều hành những công việc về hành chính, pháp lý, trật tự trị an, còn những việc xây dựng nông thôn, chấn hưng phong hoá như làm đường sá, đào giếng, sửa sang đình chùa, hội hè ... hội đồng hào mục muốn huy động công sức, tiền của của dân phải dựa vào các họ, nên mỗi xã, thôn có một Hội đồng tộc biểu bao gồm những người có vai vế trong các họ. Chỉ những vị đó mới có khả năng vận động con cháu trong các họ ra làng xã làm những việc công ích.

Phục hồi việc họ, nếu được hướng dẫn đúng đắn sẽ có lợi nhiều mặt đối với phong trào địa phương:

- Phục hồi luân lý, đạo đức kỷ cương xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới.
- Góp phần trong việc giáo dục tư tưởng cha mẹ hiền từ, con trung hiếu, cháu thảo hiền, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Vận dụng kinh nghiệm của các họ thời xưa, có đặt bình điền, học điền, tổ chức lễ họ, hội tương tế. Vận động đặt các giải thưởng cho con cháu trong họ học khởi, lên lớp, lên cấp, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nêu cao ý thức tôn trọng người già, thương yêu giúp đỡ người cơ nhỡ, ốm đau, tàn tật ...

- Nếu khéo tổ chức, các họ còn có thể có tủ sách, câu lạc bộ văn hoá ...

Điều 47 : Ruộng « hương hỏa » có ý nghĩa gì ?

"Ruộng hương hỏa " là ruộng dành riêng giao cho tộc trưởng lo việc phụng thờ hương khói cho cha ông, tổ tiên. Ruộng hương hỏa lưu truyền từ đời này sang đời khác. Ruộng hương hỏa không được chia, không được bán. Luật phong kiến cấm bán ruộng hương hỏa. Chừng nào cánh cửa trưởng không còn người nối dõi tông đường hoặc đi biệt xứ xa quê, họ khuyết tộc trưởng thì người con trưởng hoặc đích tôn thừa trọng của cánh hai lên thay, tiếp tục hưởng ruộng hương hỏa và lo việc giỗ tết hương khói. Chừng nào toàn bộ con cháu trong họ đều phiêu cư bạt quán (con gái không được tính đến) thì người cuối cùng đang hưởng hương hỏa nếu có khó khăn đặc biệt làm đơn xin bán, lý trưởng nào làm sai luật lệ trên sẽ bị quan xử phạt, nếu trong họ có người thưa kiện.

Vì có ruộng hương hỏa nên việc tế tự được duy trì bền vững, dù họ lớn hay bé, thành đạt hay bình thường, dù tộc trưởng giàu hay nghèo, sang hay hèn, già hay trẻ (có khi mới chỉ là đứa bé con năm bảy tuổi), việc tế tự vẫn uy nghi đông đủ.

Điều 48 : Vai trò của tộc trưởng xưa và nay

Ngày xưa việc họ là cứ vào tộc trưởng. Họ lớn có tộc trưởng họ lớn; các chi có trưởng chi . Tộc trưởng có quyền lợi, nghĩa vụ rõ ràng. Ruộng hương hoả và tự điền có nhiều thì lễ to, nhà thờ họ lớn, tế khí đầy đủ và ngược lại. Khi vào tế lễ, tộc trưởng đầu còn trẻ tuổi vẫn là chủ tế, các ông chủ đầu cao tuổi vẫn là bồi tế. Nếu nhỏ quá thì một ông chủ kế trưởng thay thế, cũng như ông vua trẻ chưa thành niên có phụ chính đại thần.

Thời nay ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, không còn ruộng hương hoả, không còn chế độ thu tô như trước, quyền lợi của tộc trưởng hoặc người thay tộc trưởng, đối với tổ tiên và họ hàng cũng tùy thuộc vào nhận thức; tâm tư, trình độ hiểu biết, hoàn cảnh sinh sống của từng người, không có một chế độ quy định nào ràng buộc. Có nhiều họ, tộc trưởng ngu cư hoặc không thoát ly công tác ở phương xa cũng không giao (hoặc không giao được) việc họ cho ai. Trong hoàn cảnh đó, việc hương khói tế tự tổ tiên và quan hệ họ hàng bị phé khoáng.

Thê theo nguyện vọng, tâm tư, tình cảm "Uống nước nhớ nguồn", ngày giỗ ngày tết con cháu muốn dâng lên Tổ tiên bát nước, nén hương. Để bổ cứu tình trạng trên nhiều họ đã có sáng kiến thành lập một hội đồng gồm những người có uy tín, nhiệt tình trong họ để chăm lo việc họ. Chưa có một văn bản hay có một tiền lệ nào qui định đó là ban nghi lễ. là hội đồng gia tộc hay hội đồng tộc biểu ...

Trước mắt, họ nào mạnh hay yếu, thành đạt hay suy vi, tình cảm họ hàng gắn bó hay không, tác động tốt xấu tới phong trào chung, còn tùy thuộc vào nhiệt tình, khả năng tổ chức lãnh đạo của một số cá nhân, đóng vai trò chủ chốt, chứ chưa có một cơ chế nào bảo đảm sự bền vững lâu dài.

Trong thời kỳ kháng chiến con cháu tản mác, nhiều họ bị phé khoáng không còn cơ sở vật chất để chăm lo từ đường hương hoả. Từ sau hoà bình, thống nhất đất nước, một số họ được khôi phục nhưng vì " Duy ý chí ", nên phong trào loé lên một thời gian ngắn rồi lụi dần. Không còn ruộng hương hoả của tổ tiên để lại thì con cháu đóng góp tiền gửi vào quỹ tích kiệm để lấy lại hàng năm mà lo hương khói. Nhưng rồi do trượt giá, một vài yếu tố khách quan nữa tác động, hương khói cũng nguôi dần. Đó là nỗi lòng trăn trở nhất của những con cháu muốn kế tục sự nghiệp cha ông, muốn làm cho anh linh tổ tiên, cha ông, muốn cho dòng họ ngày càng thành đạt.

Điều 49 : Bàn thờ vọng là gì ? Cách lập bàn thờ vọng ?

Bàn thờ vọng ngày nay khá phổ biến, áp dụng cho con cháu sống xa quê, hướng vọng về quê, thờ cha mẹ ông bà tổ tiên, hương khói trong những ngày giỗ, tết. Ngày xưa, với nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp, người nông dân suốt đời không rời quê cha đất tổ, chuyển cư sang làng bên cạnh cũng đã gọi là biệt quán, ly hương, vì vậy bàn thờ vọng chỉ là hiện tượng cá biệt và tạm thời, chưa thành phong tục phổ biến.

"Vọng bái ", nghĩa là vái lạy từ xa. Ngày xưa, khi triều đình có những điển lễ lớn, các quan trong triều tập trung trước sân rồng làm lễ, các quan ở các tỉnh hoặc nơi biên ải, thiết lập hương án trước sân công đường, thắp hương, nén, hướng về kinh đô quỳ lạy Thiên tử. Khi nghe tin cha mẹ hoặc ông bà mất, con cháu chưa kịp về quê chịu tang, cũng thiết lập hương án ngoài sân, hướng về quê làm lễ tương tự. Các bàn thờ thiết lập như vậy chỉ có tính chất tạm thời, sau đó con cáo quan xin về cư tang ba năm (xem bài Lễ Cư tang). Các thiện nam tín nữ hàng năm đi trả hội đền thờ Đức Thánh Trần ở Vạn Kiếp, đức Thánh Mẫu ở Đền Sòng v.v... dần dần về sau, đường xá xa xôi, cách trở, đi lại khó khăn, cũng lập bàn thờ vọng như vậy. Nơi có nhiều tín đồ tập trung, dần dần hình thành tổ chức. Các thiện nam tín nữ quyên góp nhau cùng xây dựng tại chỗ một đền thờ khác, rồi cử người đến bàn thờ chính xin bát hương về thờ. những đền thờ đó gọi là vọng từ (thí dụ ở số nhà 35 phố Tôn Đức Thắng Hà Nội có "Sùng Sơn vọng từ" nghĩa là Đền thờ vọng của núi Sòng, thờ thánh Mẫu Liễu Hạnh).

Bàn thờ vọng ông bà cha mẹ chỉ được tập trung trong trường hợp sống xa quê. Những người con thứ, bất cứ giàu nghèo, sang hèn thế nào, nếu ở gần cánh cửa trưởng trên đất tổ phụ lưu lại, thì đến ngày giỗ, ngày tết, con thứ phải có phận sự hoặc góp lễ, hoặc đưa lễ đến nhà thờ hay nhà con trưởng làm lễ, cho dù cửa trưởng chỉ thuộc hàng cháu, thì chú hoặc ông chú vẫn phải thờ cúng ông bà tại nhà cửa trưởng. Do đó không có lệ lập bàn thờ vọng đối cửa thứ ngay ở quê nhà. Nếu cửa trưởng khuyết hoặc xa quê, thì người con thứ 2 thế trưởng được lập bàn thờ chính, còn bàn thờ ở nhà người anh cả ở xa quê lại là bàn thờ vọng.

Phong tục rất hay và rất có ý nghĩa. Bởi lẽ chữ Hiếu đi đôi với chữ Đệ. Khi sống cũng như đã mất, ông bà cha mẹ bao giờ cũng mong muốn anh chị em sống hòa thuận, một nhà đầm ấm. Thỉnh vong hồn về cầu cúng lễ bái, mà anh chị em ở gần nhau không sum họp, mỗi người cúng một nơi, thì đó là mầm mống của sự bất hoà, vong hồn làm sao mà thanh thản được.

Cách lập bàn thờ vọng:

Chưa phải là phong tục cổ truyền, chưa có nghi lễ nhất định, mà chỉ là kinh nghiệm truyền cho nhau khoảng đầu thế kỷ lại nay tùy hoàn cảnh thuận tiện mà vận dụng: Khi bắt đầu lập bàn thờ vọng phải về quê chính báo cáo gia tiên tại bàn thờ chính. Sau đó xin phép chuyển một lư hương phụ hoặc

mây nén hương đang cháy dở mang đến bàn thờ vọng rồi thắp tiếp. Nếu có nhà riêng, tương đối rộng rãi khang trang, thì bàn thờ đặt hẳn một phòng riêng chuyên để thờ cúng cho tôn nghiêm, hoặc kết hợp đặt ở phòng khách, nhưng cao hơn chỗ tiếp khách. Nếu đặt bàn thờ gia thần riêng, thì phải đặt thấp hơn bàn thờ gia thần một ít. Đặt hướng nào? - Hướng về quê chính, để khi người gia trưởng thắp hương vái lạy thuận hướng vái lạy về quê. Thí dụ người quê miền Trung sống ở Hà Nội thì đặt bàn thờ vọng phía Nam căn phòng hay ngoài sân, ngoài hiên. Không nên đặt bàn thờ trong buồng ngủ, trừ trường hợp nhà chật hẹp quá thì phải chịu. Không nên đặt cạnh chỗ ứ ế tạp, hoặc cạnh lối đi. Đối với những gia đình ở khu tập thể nhà tầng, nếu câu nệ quá thì không còn chỗ nào đặt được bàn thờ. Những người sống tập thể, chỉ đặt một lọ cắm hương đầu giường nằm của mình cũng đủ, miễn là có lòng thành kính, chẳng cần phải câu nệ hướng nào, cao thấp rộng hẹp ra sao.

Điều 50 : Hợp tự là gì ? Tại sao phải hợp tự ?

Hợp tự có nghĩa là : rước các tiên linh các đời vào thờ chung trong cùng một nhà thờ của đại tôn hay của từng tiểu chi.

Theo phong tục cổ truyền: Năm đời tống giỗ, hay "Ngũ đại mai thần chủ" (Đến 5 đời thì chôn thần chủ). Thực chất chỉ có bốn đời, tức là làm giỗ cha mẹ (đời 2), ông bà (đời 3), cụ ông cụ bà (hay cố 4 đời) và kỵ (hay can 5 đời). Cao hơn kỵ gọi chung là tiên tổ, thì không cúng giỗ nữa, mà rước chung tất cả thủy tổ, tiên tổ các đời vào chung một nhà thờ mỗi năm tế một lượt. Thần chủ con cúng cha mẹ, đề là Hiền khảo, Hiền tỷ, đến khi người con trưởng chết, cháu đích tôn cúng ông bà, đổi thần chủ là Hiền tổ khảo, Hiền tổ tỷ, đến lượt cháu trưởng mất, chất trưởng tiếp tục thờ cụ là Hiền Tăng tổ khảo (hoặc tỷ), chít (chiu) trưởng thờ kỵ là Hiền Cao tổ khảo (hoặc tỷ). Sau năm đời thì rước vào nhà thờ tổ rồi chôn thần chủ đó đi. Trong nhà thờ tổ chỉ để duy nhất có một ngôi thần chủ cao nhất (thủy tổ hoặc tiên tổ bậc cao nhất của nhà thờ chi đó) gọi là "Vĩnh thế thần chủ".

Gộp chung tất cả tiên tổ của nhiều đời lại để tế chung thay cho từng lễ giỗ, đó là hình thức hợp tự cổ truyền. Song trong phong tục đó còn có nhiều điều bất tiện: Chỉ con trưởng, cháu trưởng, chất trưởng v.v...nối dòng qua nhiều đời mới được thờ ở nhà thờ chính. Vì vậy con, cháu, chất những ông con thứ qua nhiều đời phải xây nhiều nhà thờ lớp con thứ, lớp cháu thứ, lớp chất thứ v.v...Nếu cứ thế tiếp tục mãi, thì có nơi số nhà thờ còn nhiều hơn cả số nhà ở của người dương trần. Chính vì lẽ trên, nên hồi đầu thế kỷ 20 đến trước CM Tháng 8-1945 ở nhiều nơi đã có phong trào tiến hành hợp tự vào các nhà thờ họ: Dầu cửa trưởng hay cửa thứ, sau khi mất, hết vòng tang, đều được rước linh vị vào thờ ở nhà thờ chung của họ. Linh vị xếp theo thứ tự trên dưới. Đến ngày giỗ người nào, thì đưa linh vị người đó vào hàng giữa theo thứ bậc, cúng xong lại xếp vào vị trí cũ. Việc hợp tự như vậy: trước là hợp với tâm linh, con cái ở dưới chân cha mẹ, cháu chất về với tổ tiên, tượng trưng sự đoàn tụ ở cõi âm, sau nữa thuận tiện cho việc chung sức, chung lòng xây dựng nhà thờ, mua sắm tế khí, quanh năm hương khói, gắn bó thêm mối tình ruột thịt trong nội thân. Song cũng có những gia đình, kinh tế dồi dào hơn, lại ở cách xa nhà thờ đi lại bất tiện, nên họ cúng riêng, tiện hơn, không hợp tự. Do đó, ngày nay nên vận động hợp tự, trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

Điều 51 : Gia phả là gia bảo có đúng không ?

Đúng và rất đúng với những người có ý thức tôn kính tổ tiên và quý trọng tình cảm họ hàng gia tộc. Gia phả là lịch sử của một dòng họ, một gia đình lớn. Thiết tưởng không cần phải nói nhiều về ý nghĩa mà mỗi cuốn gia phả của từng dòng họ đều đã nói rõ trong từng lời tựa. Đành rằng cái ăn, cái mặc để nuôi sống gia đình và bản thân là việc hàng đầu. Nhưng có thấy nỗi day dứt của những người có tâm huyết muốn truyền cho con cháu biết đời cha mình do ai sinh ra, từ đâu đến, tổ tiên công đức ra sao, ngạt vì gia phả đã mất; có thấy được nỗi niềm của những người trú ngụ ở phương xa không được cha ông truyền cho biết gốc gác của mình từ đâu, họ hàng là ai, khi đó mới thấy đầy đủ ý nghĩa của hai chữ "Gia phả-Gia bảo". Giọt nước rất quý đối với người sống trên sa mạc, còn đối với người sống ven sông, dễ gì mỗi lần "Uống nước" lại phải "Nhớ nguồn".

Thời trước họ nào cũng có gia phả, có họ từng nhà còn có gia phả. Nếu vì thủy, hỏa, đạo tặc để mất vàng bạc- của cải gì thì mất, chứ không để mất gia phả. Ngạt vì gia phả ngày xưa viết bằng chữ Hán, hơn nữa từng chi từng nhà chỉ nói phân trực hệ của chi mình, nhà mình, thảng hoặc mới có một cuốn gia phả ghi đời tiếp nối của chi anh, chi em, đến đời hai đời ba là cùng, do đó nếu một chi mất gia phả thì chi khác không thể bổ cứu. Hiện nay, do mất gia phả nên nhiều họ tuy cùng ở với nhau trong một địa phương vẫn không biết nhau, không nhận được quan hệ họ hàng.

Về một ý nghĩa khác, gia phả sở dĩ gọi là gia bảo vì đó là lịch sử của tổ tiên nhiều đời truyền lại, là điều tổ tiên muốn gửi gắm lại cho đời sau. Bất cứ họ nào, bất cứ con người nào trong họ, có tài năng lỗi lạc đến đâu, cá nhân cũng không thể viết được toàn bộ gia phả mà chỉ có kế thừa đời trước và truyền dẫn đời sau.

Gia phả các họ là các nguồn bổ sung tư liệu rất quý, rất dồi dào cho quốc sử, nếu các nhà sử học biết khai thác cũng có khả năng từ gia bảo trở thành quốc bảo.

Điều 52 : Gia phả hoàn chỉnh có những mục gì ?

Gia phả được coi là hoàn chỉnh trước hết phải là một gia phả được ghi chép rõ ràng, chữ nghĩa chân phương có ghi rõ tên người sao lục, biên soạn thuộc đời thứ mấy, năm nào, triều vua nào, căn cứ vào bản nào, tên người tục biên qua các đời cũng có cước chú rõ ràng. Đầu gia phả có lời tựa ghi được nguồn gốc xuất xứ của thủy tổ có cứ liệu thành văn hay truyền ngôn.

Mở đầu là thủy tổ, lần lượt đến tiên tổ các đời, nối dòng đến lớp con cháu mới sinh.

Đối với tiền nhân có các mục sau đây:

- Tên: Gồm tên húy, tên tự, biệt hiệu, thụy hiệu và tên gọi thông thường theo tập quán địa phương? Thuộc đời thứ mấy ?
- Con trai thứ mấy của ông nào? Bà nào ?
- Ngày tháng năm sinh (có người còn ghi được cả giờ sinh).
- Ngày, tháng, năm mất ? Thọ bao nhiêu tuổi ?
- Mộ táng tại đâu? (có người ghi được cả nguyên táng, cải táng, di táng tại đâu ? Vào tháng, năm nào ?).
- Học hành, thi cử, đậu đạt, chức vụ, địa vị lúc sinh thời và truy phong sau khi mất: Thi đậu học vị gì? Khoa nào? Triều vua nào? Nhận chức vị gì? năm nào? Được ban khen và hưởng tước lộc gì ? Sau khi mất được truy phong chức gì ? Tước gì ? (Đối với những vị hiển đạt thì mục này rất dài. Ví dụ trong Nghi Tiên Nguyễn gia thế phả, chỉ riêng Xuân quận công Nguyễn Nghiễm, mục này đã trên mười trang)
- Vợ: Chánh thất, kế thất, thứ thất...

- Họ tên, con gái thứ mấy của ông nào, bà nào ? Quê ở đâu ? Các mục ngày, tháng, năm sinh, ngày, tháng, năm mất, tuổi thọ, mộ, đều ghi từng người như trên.

- Nếu có thi đậu hoặc có chức tước, địa vị, được ban thưởng riêng thì ghi thêm.

- Con: Ghi theo thứ tự năm sinh, nếu nhiều vợ thì ghi rõ con bà nào ? Con gái thì cước chú kỹ: Con gái thứ mấy, đã lấy chồng thì ghi tên họ chồng, năm sinh, con ông bà nào, quê quán, đậu đạt, chức tước ? Sinh con mấy trai mấy gái, tên gì ? (Con gái có cước chú còn con trai không cần vì có mục riêng từng người thuộc đời sau).

- Những gương sáng, những tính cách, hành trạng đặc biệt, hoặc những công đức đối với làng xã, họ hàng, xóm giềng...

Ngoài những mục ghi trên, gia phả nhiều họ còn lưu lại nhiều sự tích đặc biệt của các vị tiên tổ, những đôi câu đối, những áng văn hay, những bài thuốc gia truyền...đó là những tài sản quý giá mà chúng ta dễ thất truyền, chưa biết khai thác.

Những nội dung ghi trên chỉ có tính chất gợi ý với các bậc huynh trưởng các họ, đang chăm lo công việc phổ biến và tục biên gia phả dành cho con cháu đời sau. Còn phần trên gia phả hoàn chỉnh hay sơ sài, các cụ còn giành lại cho ta được bao nhiêu biết bấy nhiêu, ai dám sáng tác thêm ? Tuy nhiên, nếu tìm được quốc sử, hoặc trong gia phả, thần phả khác những tư liệu liên quan thì có thể cước chú kỹ, giúp đời sau thêm sáng tỏ.

Điều 53 : Thọ mai gia lễ là gia lễ nước ta hay gia lễ Trung Quốc ?

"Thọ mai gia lễ" là gia lễ nước ta, có dựa theo Chu Công gia lễ tức gia lễ thời xưa của Trung Quốc nhưng không rập khuôn theo Tàu. Mặc dầu gia lễ từ triều Lê đến nay có nhiều chỗ đã lỗi thời nhưng khi đã trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân, nên đến nay trong Nam ngoài Bắc vẫn còn phổ biến áp dụng, nhất là tang lễ.

Tác giả của "Thọ mai gia lễ" là Hồ Sỹ Tân (1690-1760) hiệu Thọ Mai người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đậu Tiến sĩ năm 1721 (năm thứ 2 triều Bảo Thái), làm quan đến Hàn lâm Thị chế.

Trong "Thọ mai gia lễ" có trích dẫn một phần của Hồ Thượng thư gia lễ. Hồ Thượng thư tức Hồ Sỹ Dương (1621-1681) cũng người làng Hoàn Hậu, đậu tiến sĩ năm 1652 tức năm thứ 4 triều Khánh Đức, Thượng thư bộ Hình, tước Duệ Quận công.

Điều 54 : « Ba cha tám mẹ » là những ai ?

Theo "Thọ mai gia lễ":

Ba cha là:

1. Thân phụ: Cha sinh ra mình.
2. Kế phụ: Sau khi cha chết, mẹ lấy chồng khác, chồng mới của mẹ là kế phụ hay, bố dượng.
3. Dưỡng phụ: Bố nuôi.

Tám mẹ là:

1. Đích mẫu: Vợ cả của bố.
2. Kế mẫu: Khi còn nhỏ mẹ đã mất, cha lấy vợ khác để nuôi nấng mình.
3. Từ mẫu: Mẹ chết từ tấm bé, cha sai người vợ lẽ nuôi mình bú mớm.

4. Dưỡng mẫu: Mẹ nuôi, cha mẹ nghèo cho mình để người khác nuôi.
5. Xuất mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng bị cha ruồng rẫy.
6. Giá mẫu: là mẹ sinh ra mình, nhưng khi cha mất thì đi lấy chồng khác.
7. Thứ mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng là vợ lẽ của cha.
8. Nhũ mẫu: Mẹ vú, cho mình bú mớm từ khi còn tằm bé.

Trên đây là định nghĩa theo "Thọ mai gia lễ", chưa nói đến những người đã lấy vợ lấy chồng thì cha mẹ vợ, cha mẹ chồng cũng như cha mẹ mình. Vậy thì, còn ba loại nhạc phụ và tám loại nhạc mẫu. Tất cả phải 6 cha, 16 mẹ.

Điều 55 : Chúc thư là gì ?

"Chúc" là lời dặn dò, phó thác. "Chúc thư" hay "Di chúc" là lời dặn dò của người chủ gia đình, người lãnh đạo đất nước trước khi mất. Chúc thư, di chúc viết thành văn bản có giá trị hành chính, pháp lý. Nếu không biết chữ, hoặc yếu quá không viết được nữa thì nhờ người khác viết, đọc lại cho nghe rồi ký tên hoặc điểm chỉ vào dưới. Di chúc của nhà vua thì gọi là di chiếu.

Nội dung chính của chúc thư thường là việc chia gia tài. Nhà có bao nhiêu ruộng đất, nhà cửa, chia cho con trai con gái, ai được hưởng khoảnh nào, mấy mẫu, mấy sào ở đâu, còn lại bao nhiêu dành cho mẹ làm của dưỡng lão, giao người nào chăm nom. Nếu còn bao nhiêu nợ làng, nợ họ cũng giao phó cho con nào phải đòi, phải trả. Quy định giành bao nhiêu làm ruộng hương hỏa, giao cho con trưởng hoặc cháu đích tôn. Di chiếu của nhà vua giao cho ai là đại thần có mệnh phò thái tử lên ngôi. Nếu ngôi thái tử chưa định thì chuyển chỉ cho hoàng tử nào nối ngôi...

Thời nay, nam nữ bình quyền, nếu cha mất trước đã có mẹ nắm toàn bộ quyền hành. Thời trước, người mẹ, người vợ sau 3 năm tang chồng nếu muốn tái giá thì đi tay không, nếu ở lại nuôi con cũng không được nắm toàn quyền, còn phải lệ thuộc các ông chú, ông bác trong họ. Nếu còn có nợ thì phải trả hết.

Thế nên, có những gia đình giàu có nhưng vô phúc, bạc đức: Cha mẹ nằm xuống anh em đùn đẩy nhau, chưa lo việc chôn cất, chỉ chăm chú tranh giành tài sản, để thiên hạ xỉ vả. Vì vậy, khi còn khỏe, các cụ đã phải lo xa: Chia gia tài trước, định trách nhiệm sẵn, mua sắm bộ hậu sự (áo quan) có người còn dặn trước cả việc chôn cất, tang chế, cỗ bàn, đình đám.

Trích di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"...Suốt đời tôi hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ Cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân..."

Ngày 10-5-1969

Di chúc của Tam nguyên Yên Đổ:

"Kém hai tuổi xuân đầy chín chục

Số thầy sinh phải lúc dương cùng

Đức thầy đã mông mòng mong

Tuổi thầy lại sống hơn ông cụ thầy

Học chẳng có rằng hay chi cả

Cưỡi đầu người kẻ đã ba phen

Tuổi là tuổi của gia tiên

Cho nên thầy được hưởng niên lâu ngày.

Ấy thừa trước ông mày chẳng đố

Hoá bây giờ cho bố làm nên

Ơn vua chữa chút báo đền

Cúi trông hổ đất, ngừng lên thẹn trời

Sống không để tiếng đời ca thán

Chết được về quê quán hương thôn

Mới hay trăm sự vương tròn

Sống lâu đã trải chết chôn chờ gì?

Đồ khâm niệm chớ nề xấu tốt

Kín chân tay đầu gót thời thôi

Cổ đừng to lắm con ơi

Hễ ai chạy lại con mời người ăn

Tê đừng có viết văn mà đọc

Trướng đôi đừng găm vóc làm chi

Mình tinh con cũng bỏ đi

Mời quan đề chủ con thì không nên

Môn sinh chớ bỏ tiền đat giấy

Bạn của thầy cũng vậy mà thôi

Khách quen chớ viết thiệp mời

Ai đưa lễ phúng con thời chớ thu

Chẳng qua nợ để cho người sống

Chết đi rồi còn ngóng vào đâu

Lại mang cái tiếng to đầu

Khi nay bày biện, khi sau chê bàn

Cờ biến của vua ban ngày trước

Khi đưa thầy con rước đầu tiên

Lại thuê một lũ phường kèn

Vừa đi vừa thổi mỗi bên dăm thằng

Việc tống táng nhưng nhăng qua quýt

Cúng cho thầy một chút rượu hoa

Đề vào mấy chữ trong bia,

Rằng: "Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu"

Điều 56 : « Cư tang » là gì ?

Thời xưa, dầu làm quan đến chức gì, theo phép nước, hễ cha mẹ mất đều phải về cư tang 3 năm trừ trường hợp đang bận việc quân nơi biên ải hay đi sứ nước ngoài. Lệ này không quy định đối với binh lính và nhà lại. Nếu ai vì tham quyền cố vị, giấu diếm không tâu báo để về cư tang, bị đàn hặc vì tội bất hiếu, sẽ bị triều đình xử phạt biếm truất. Trong thời gian cư tang, lệnh vua không đến cửa.

Ba năm cư tang là ba năm chịu đựng gian khổ, nhẩn nhục, không dự mọi cuộc vui, không dự lễ cưới, lễ mừng, không uống rượu (ngoài chén rượu cúng cha mẹ), không nghe nhạc vui, không ngủ với vợ hoặc nàng hầu, trừ trường hợp chưa có con trai để nối dõi tông đường, ngoài ra ai sinh con trong thời kỳ này cũng bị coi là bất hiếu. Không được mặc gấm vóc, nhung lụa, không đội mũ đi hia, thường đi chân không, cùng lắm chỉ đi guốc mộc hoặc giày cỏ.

Dầu làm đến tể tướng trong triều, khi khách đến viếng cha mẹ mình, bất kể sang hay hèn cũng phải cung kính chào mời và lạy tạ (hai lạy hay ba vái dài). Khi ra đường, không sinh sự với bất cứ người nào. Ở trong nhà, đối với kẻ ăn người ở cũng không được to tiếng.

Ba năm sầu muộn, tự nghiêm khắc với chính mình, rộng lượng với kẻ dưới, cung kính với khách bạn, để tỏ lòng thành kính với cha mẹ.

Thời nay không còn lệ cư tang, nhất là các cán bộ chủ chốt càng không có điều kiện nghỉ việc thời gian dài, nhưng biết qua lệ cư tang của ông cha ta ngày xưa, hậu sinh có thể học được điều gì trong thái độ ứng xử ?

Điều 57 : Vì sao có tục đội mũ gai, đai chuối và chống gậy ?

Tục đội mũ rơm quấn thật to quanh đầu, thắt lưng bằng dây gai, dây chuối ngày nay đã lỗi thời, nhiều nơi đã bãi bỏ, còn tục chống gậy chỉ áp dụng đối với con trai tang cha (gậy tre) tang mẹ (gậy vông), vẫn còn ở nhiều địa phương.

Nguyên do: Đời xưa, đường đi lại còn hẹp, có khi còn phải leo núi cao, người mất được chôn cất ở nơi xa khu dân cư, trong rừng núi, có nơi chôn ở triền núi đá có nhiều hang động. Đã có trường hợp, người con vì quá thương xót cha mẹ, khóc lóc thảm thiết, đến nỗi không kìm được sinh mạng của mình, đập đầu vào vách đá, khi leo núi đi về vì thương cảm quá mất cả thăng bằng ngã lăn xuống vực. Để tránh tình trạng trùng tang thảm hại đó, người ta mới đặt ra lệ phải quấn quanh đầu những vật liệu mềm, xốp để nếu va vấp đỡ gây tổn thương và đặt ra lệ phải chống gậy để đi đứng an toàn hơn. Vật liệu dễ kiếm nhất, giàu nghèo ai cũng có thể tự liệu được và ở đâu cũng có thể kiếm được để làm chất đệm, đó là rơm, lá chuối, dây gai, dây đay. Xuất phát từ kinh nghiệm thực tế của một số người, dần dần trở thành phong tục phổ biến.

Vì ngày thường đi lao động ở đồng ruộng, núi rừng hoặc đi đứng đều mặc quần áo gọn bó vào người, đến khi có tang tế phải mặc áo dài rộng, dễ vướng gai góc nên phải có dây đai, tục đó cũng xuất xứ từ việc tránh nạn trùng tang.

Điều 58 : « Năm hạng tang phục » là gì ?

Theo "Thọ mai gia lễ", có năm hạng tang phục tùy theo quan hệ huyết thống và nghĩa tình phân biệt thân sơ:

1.Đại tang: Trảm thôi và tề thôi.

- Quần áo sờ gấu gọi là trảm thôi: Con để tang cha.
- Quần áo không sờ gấu gọi là tề thôi: Con để tang mẹ, vợ để tang chồng khi cha chưa mất.
- Thời hạn: 3 năm, đời sau giảm bớt còn 2 năm 3 tháng (sau lễ giỗ đại tường 2 năm, thêm 3 tháng dư ai).
- áo xô, khăn xô có hai giải sau lưng (gọi là khăn ngang).

Nếu cha mẹ đều đã mất thì hai giải bằng nhau, nếu còn mẹ hoặc còn cha thì hai giải dài ngắn lệch nhau.

- Con trai chống gậy: Tang cha gậy tre, tang mẹ gậy vông, mũ rơm quần đùi, dây chuối, dây đai thắt lưng.

Thời nay, nhiều nơi đã bãi bỏ những tang phục này. ở thành phố nhiều nhà dùng băng đen theo tang chế châu Âu, theo ý chúng tôi, tiện hơn.

- Con trai, con gái, con dâu đều để tang cha mẹ. (Kể cả đích mẫu, kế mẫu, dưỡng mẫu, từ mẫu và dưỡng phụ).
- Vợ để tang chồng.

- Nếu con trưởng mất trước thì cháu đích tôn để tang ông bà nội cũng đại tang thay cha.
2. Cơ niên: Để tang một năm. Từ niên cơ trở xuống dùng khăn tròn, vải trắng, không gậy.
- Cháu nội để tang ông bà nội.
 - Con riêng của vợ để tang bố dượng nếu bố dượng có công nuôi và ở cùng, nếu không ở cùng thì không tang; trước có ở cùng sau thôi thì để tang 3 tháng.
 - Con để tang mẹ đẻ ra mình nhưng bị bố rẫy (xuất mẫu), hoặc cha chết, mẹ lấy chồng khác (giả mẫu).
 - Chồng để tang vợ cả có gậy, nếu cha mẹ còn sống thì không gậy.
 - Cháu để tang bác trai bác gái, chú, thím và cô ruột.
 - Anh chị em ruột để tang cho nhau (cùng cha khác mẹ cũng tang một năm, cùng mẹ khác cha thì tang 5 tháng).
 - Cha mẹ để tang con trai, con gái và con dâu cả, kể cả con đi làm con nuôi nhà người.
 - Chú, bác, thím cô ruột để tang cho cháu (con anh em ruột).
 - Ông bà nội để tang cho cháu trưởng (đích tôn).
 - Đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu tang các con chồng, thứ mẫu tang con mình và con chồng

như nhau đều một năm. Tang con dâu cả cũng một năm.

- Con dâu để tang dì ghẻ của chồng (tức vợ lẽ cha chồng).
- Rể để tang cha mẹ vợ (vợ chết đã lấy vợ khác cũng vậy).
- Nàng hầu để tang cha mẹ chồng, vợ cả của chồng, các con chồng cũng như con mình (các họ hàng bàng thân bên nhà chồng đều không tang).

3. Đại công: để tang 9 tháng.

- Anh chị em con chú con bác ruột để tang cho nhau.
- Cha mẹ để tang con dâu thứ hoặc con gái đã lấy chồng.
- Chú, bác thím ruột để tang cháu (con gái đã xuất giá, con dâu của anh em ruột).
- Cháu dâu để tang ông bà của chồng, chú, bác, thím ruột, hoặc cô ruột của chồng.
- Mẹ để tang con dâu thứ và con gái riêng của chồng.
- Con gái đã xuất giá để tang bác trai, bác gái, chú thím, cô ruột.

4. Tiểu công: Để tang 5 tháng.

- Chắt để tang cụ. (Hoàng tang: Chít khăn vàng)

- Cháu đẻ tang anh chị em ruột của ông nội (ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô).
- Con đẻ tang vợ lẽ, nàng hầu của cha (nếu cha giao cho nuôi mình thì đẻ tang 3 năm như mẹ đẻ).
- Cháu đẻ tang đường bá thúc phụ mẫu và đường cô (anh chị em con chú bác ruột của cha).
- Anh chị em con chú, bác ruột đẻ tang cho vợ của nhau.
- Anh chị em chung mẹ khác cha đẻ tang cho nhau (vợ con của anh chị em ấy thì không tang).
- Chú bác ruột đẻ tang cho cháu dâu (con dâu của anh em ruột).
- Ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô đẻ tang cho cháu (tức là cháu nội của anh em ruột).
- Ông bà nội đẻ tang cho vợ cháu đích tôn hoặc cháu gái xuất giá.
- Cháu ngoại đẻ tang ông bà ngoại và cậu ruột, dì ruột (anh chị em ruột của mẹ, kể cả đối với anh chị em ruột của đích mẫu, thứ mẫu, kế mẫu).
- Cháu dâu đẻ tang cô ruột của chồng.
- Chị dâu, em dâu đẻ tang anh chị em ruột của chồng và con của những người đó (tức là cháu gọi bằng bác, bằng thím).

5. Ty ma Phục: Tang 3 tháng.

- Chít để tang can (ky) nội (ngũ đại : Hồng tang chít khăn đỏ).
- Chắt để tang cụ nhà bác, nhà chú (tằng tổ bá thúc phụ mẫu và tằng tổ cô, tức là anh em ruột với cụ nội).
- Cháu để tang bà cô đã lấy chồng (chị em ruột với ông nội).
- Cháu để tang cô bá (chị em con chú bác ruột với bố).
- Con để tang bố dượng (nếu trước có ở cùng, sau mới về bên nội).
- Con để tang nàng hầu của cha.
- Con để tang bà vú (cho bú mớm).
- Cháu để tang tộc bá thúc phụ mẫu (anh em cháu chú, cháu bác với cha).
- Chồng để tang vợ lẽ nàng hầu.
- Anh chị em họ nội 5 đời để tang cho nhau.
- Bố mẹ vợ để tang con rể.

- Ông bà ngoại để tang cháu ngoại và cháu dâu ngoại.
- Ông của chồng để tang cháu dâu.
- Cụ để tang cho chất nội.
- Cháu để tang vợ cậu, chồng cô, chồng dì có cùng ở một nhà.
- Anh chị em con cô ruột và bạn con dì ruột để tang cho nhau.
- Cậu ruột để tang vợ của cháu trai
- Cháu dâu để tang ông bà ngoại của chồng, cậu ruột, dì ruột chồng
- Cháu dâu để tang các ông bà anh chị em ruột với ông nội chồng.
- Chắt dâu để tang cụ nội của chồng.
- Cụ để tang chắt nội trai gái.
- Ông bà để tang các cháu gái của con nhà chú, nhà bác.

Tang bên cha mẹ nuôi:

1. Kỵ bên cha nuôi thì 3 tháng, cụ bên cha nuôi thì 5 tháng, ông bà thì một năm.

2. Cha mẹ nuôi thì áo bằng gấu, hoặc sổ gấu 3 năm có cả gậy.
3. Từ ông bà trở lên nếu mình thừa trọng cũng sổ gấu 3 năm.
4. Ông bà sinh ra mẹ nuôi thì 5 tháng, còn thì đều không có.

Tang họ nhà mình (Đã là con nuôi người khác, để tang bên họ của mình):

1. Ông bà sinh ra cha thì 9 tháng.
2. Cha mẹ sinh ra mình thì 1 năm có gậy.
3. Bác trai bác gái, chú, thím và cô là anh chị em ruột với cha thì đều 9 tháng. Cô đã giá thì 5 tháng.
4. Anh chị em ruột thì 9 tháng, chị dâu, em dâu thì 3 tháng, chị em đã xuất giá thì 5 tháng.
5. Ông bà sinh ra mẹ thì 3 tháng.

Xét trong lễ nói rằng: Con gái đã xuất giá thì các tang có giáng, song đi lấy chồng, hoặc phải chồng rẫy bỏ, hoặc chồng chết, con lại chẳng có, lại trở về nhà cũng như chưa lấy chồng, tang chẳng có giáng

Nếu đương để tang cha mẹ được một năm mà chồng rẫy bỏ thì phải tang cha mẹ 3 năm, hoặc để tang cha mẹ được 1 năm đã trừ phục đoạn thì chẳng được để lại 3 năm, dù phải chồng đẩy trước, sau mới để tang cha mẹ chưa đủ 1 năm mà chồng mới gọi về thì chẳng nên về vội phải nên để trọn 3 năm.

Trường phục: có ba loại:

1. Trưởng trường: Từ 16-19 tuổi
2. Trung trường: Từ 12-15 tuổi
3. Hạ trường: Từ 8-11 tuổi

(Đều lấy thứ tự giáng một bậc).

Ví dụ: Giai đã lấy vợ, gái đã lấy chồng, dẫu còn trẻ cũng không thể gọi là trường được, nhưng vốn mình phải tang 1 năm trưởng trường giáng xuống 9 tháng, trung trường giáng xuống 7 tháng, hạ trường giáng xuống 5 tháng.

Như vốn tang 9 tháng, trưởng trường giáng 7 tháng, trung trường giáng 5 tháng, hạ trường giáng 3 tháng, các trường hợp khác đều như thế mà suy.

Điều 59 : Cha mẹ có để tang con không ?

Tang phục là thể hiện tình nghĩa, có phân biệt thân sơ "Họ đương 3 tháng, láng giềng 3 ngày", thể hiện lòng thương xót giữa kẻ mất người còn. Vì thế, chẳng những thân thích mà người ngoài đến phúng viếng cũng nên đeo băng tang. Theo "Thọ mai gia lễ" thì chẳng những cha mẹ để tang con mà ông bà và cụ kỵ cũng để tang hàng cháu, hàng chắt.

"Thọ mai gia lễ" quy định như vậy nhưng một số địa phương Bắc bộ quan niệm "Phụ bất báo tử" (cha không lay con), Con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, là bất hiếu, con chưa kịp báo hiếu cha mẹ đã chôn nợ đời, chẳng những cha mẹ không để tang con mà khi khâm liệm con còn phải quấn trên đầu tử thi một vòng khăn trắng. Nếu là đàn bà mà tứ thân phụ mẫu còn cả thì phải quấn đến hai vòng, có nghĩa là ở dưới cõi âm cũng để tang báo hiếu sẵn cho cha mẹ đang ở trên dương trần.

Điều 60 : Tại sao cha mẹ không đưa tang con ?

Tử biệt sinh ly, ai không thương xót, nhưng theo quy luật tự nhiên, cha mẹ già yếu từ trần, con báo hiếu cha, mẹ, đưa tang bố mẹ là chuyện thường tình. Con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, nhiều trường hợp chết non, gây nhiều nỗi đau thương cho bố mẹ. Giờ phút hạ huyệt là giờ phút xúc động đến cực điểm, có nhiều ông bố bà mẹ đã bị ngất lịm đi. Đã có nhiều trường hợp mẹ chết luôn bên huyệt chôn con. Hơn nữa, ngày xưa, phương tiện và thuốc thang cấp cứu khó khăn, không cho cha mẹ đưa tang con để vơi bớt nỗi đau buồn và để tránh nạn trùng tang là đúng. Chẳng những cha mẹ mà các ông già bà cả trong nội thân, sức khỏe đã tàn cũng không được dự đưa tang, sợ vướng đến sức khỏe.

Điều 61 : Đám tang trong ngày tết, liệu tính ra sao ?

Ngày Tết Nguyên Đán là ngày vui của toàn dân tộc, ngày mở đầu cho vận hội hanh thông của cả một năm, có ý nghĩa rất thiêng liêng. Gia đình phải tạm gác mối sầu riêng để hoà chung với niềm vui toàn dân tộc. Vì vậy có tục lệ cất khăn tang trong ba ngày Tết. Nhà có đại tang kiêng không đi chúc tết, mừng tuổi bà con, xóm giềng, ngược lại bà con xóm giềng lại cần đến chúc Tết và an ủi gia đình bất hạnh.

Trường hợp gia đình có người chết vào ngày 30 hoặc mừng một Tết thì sao? Trường hợp này hiếm nhưng không phải không có. Nếu ngày 30 tháng chạp mà gia đình có thể định liệu được thì nên chôn cất cho kịp trong ngày đó, nếu để sang năm mới thì có nhiều điều bất tiện. Đa số các gia đình kiêng để sang ngày mừng một đầu năm. trường hợp chết đúng ngày mừng một Tết thì chưa phát tang vội nhưng phải chuẩn bị mọi thứ để sáng mừng hai làm lễ phát tang.

Điều 62 : Lễ cưới đã chuẩn bị sẵn vấp phải lễ tang, tính sao đây ?

Đó là trường hợp "Ưu hỷ trùng phùng". Vui và buồn dồn vào một lúc. "Sinh hữu hạn, tử vô kỳ", cuộc đời thì có hạn nhưng ai biết trước chết vào lúc nào. Theo lễ nghi thì khi trong nhà còn tang, trên đầu còn có vành khăn trắng, nhất là đại tang thì tránh mọi cuộc vui. Nhưng lễ cưới đã chuẩn bị sẵn, nếu quá câu nệ thì quả gay go cho cả hai gia đình, nhiều trường hợp tình duyên đôi lứa dở dang, nhất là các gia đình cả đôi bên đều ông già bà cả, có khi đợi đến bảy, tám năm sau chưa hết tang. Vì vậy tục lệ xưa cũng có khoản "trừ hao" : "Cưới bên tang, tức là cưới chạy tang". Khi đó người chết nằm tạm trên giường, đắp chăn chiếu lại, chưa nhập quan, hoặc gia đình có thể tự làm thủ tục khâm liệm, nhập quan nhưng chưa làm lễ thành phục. Theo nghi lễ, nếu chưa thành phục thì trong nhà chưa ai được khóc. Hàng xóm tuy có biết nhưng gia đình chưa phát tang thì chưa đến viếng, trừ thân nhân ruột thịt và những người lân cận tối lửa tắt đèn có nhau, coi như người nhà.

Trong khi đó, cả hai gia đình chuẩn bị gấp đám cưới cũng làm đủ lễ đưa dâu, đón dâu, yết cáo gia tiên, lễ tơ hồng... nhưng lễ vật rất đơn sơ, thành phần giản lược, bó hẹp trong phạm vi gia đình và một vài thân nhân. Khách, bạn đã mời cũng miễn, sẽ thông cảm sau. Công việc cưới, gả xong xuôi mới bắt đầu phát tang. Cô dâu chú rể mới, trở thành thành viên của gia đình, chịu tang chế như mọi con cháu khác. Nếu hai gia đình thông cảm cho nhau, có thể trong một ngày, từ sáng đến trưa cưới dâu, chiều tối phát tang cũng xong.

Trường hợp nhà có đám cưới mà hàng xóm lân cận có đám tang thì sao ?

Người biết phép lịch và lòng nhân ái không bao giờ cười đùa vui vẻ trước cảnh buồn thảm của người khác. Gia đình có giáo dục, hiểu biết không bao giờ cho phép con cháu nô đùa âm ỹ hoặc mở băng nhạc inh ỏi khi hàng xóm có việc buồn. Trong trường hợp trên, vẫn tiến hành lễ cưới bình thường nhưng không nên đốt pháo, mở băng nhạc và ca hát âm ỹ, tránh tình trạng kẻ khóc người cười. Trường hợp có quốc tang cũng như vậy.

Điều 63 : Người đi dự đám tang nên như thế nào ?

Dù thân hay sơ, đã đến dự đám tang phải nghiêm túc, biểu lộ lòng thành kính đối với người đã khuất, tình ưu ái đối với tang quyến. Thật là bất lịch nếu bô bô cười nói, đùa giỡn trong lúc tang chủ đau buồn.

Ở nông thôn, nhiều nơi còn tục lệ cỗ bàn ăn uống linh đình trong đám tang, thực không hợp tình, hợp cảnh chút nào.

Đành rằng việc ăn uống là không tránh khỏi, nhưng chỉ nên hạn chế trong số người đến giúp việc và thân nhân ở xa về. Đối với bà con, làng xóm, khách, bạn thì tang lễ không phải là dịp để "Trả nợ miệng". Có vui vẻ gì trong lúc tang gia bối rối.

Nếu như chưa bỏ được thủ tục rượu chè đình đám thì trong lễ tang, mọi người cũng nên tự kiềm chế mình, giúp được việc gì thì tận tình giúp đỡ, không tiện về nhà ăn cơm thì cũng không nên hạch sách, trách móc. Thói cũ "Ma chê, cưới trách" có hay ho gì !

Cũng cần lưu ý các bạn trẻ : Khi đi dự đám tang không nên ăn mặc loè loẹt, hở hang, lố lăng, như vậy rất không hợp cảnh sẽ gây khó chịu cho nhiều người.

Điều 64 : Đi đường gặp đám tang nên như thế nào ?

Hồi mới tiếp quản thủ đô (1954) chúng tôi đã chứng kiến nhiều đám tang rất nghiêm túc, trật tự. Mọi người đi đường đều tự giác tuân thủ kỷ cương xã hội, trật tự giao thông.

Nếu gặp đám tang ngược chiều, không ai bảo ai, dù vội đến đâu cũng đều xuống xe, kể cả người đi xe máy, xích lô đều ngả mũ nón, dắt bộ qua đám tang rồi mới lên xe. Ô tô thì chậm lại, không bóp còi.

Nếu đi cùng chiều, không tiện xuống xe thì đi chậm lại và ngả mũ.

Thân nhân đi tiễn đưa đều tự giác đi có hàng lối, trật tự. Lái xe đám tang ăn mặc theo lễ phục, tác phong cử chỉ rất nghiêm trang.

Điều 65 : Người sắp chết có dấu hiệu gì báo trước ?

Thật kỳ lạ, xưa nay đã ai chết hai lần đâu mà biết trước rút kinh nghiệm, thế nhưng, có những cụ cao tuổi có kinh nghiệm "Tri thiên mệnh", biết trước được ngày mất của mình, mặc dầu ngày hôm trước vẫn khoẻ mạnh, thậm chí có người còn tính trước được giờ mất, đánh điện cho con cháu xa về. Trong trường hợp đó gia đình phần nào đã chủ động chuẩn bị tang lễ, nhưng những trường hợp đó rất ít.

Đối với những người già yếu, có những dấu hiệu gì báo trước giờ hấp hối mà ta có thể quan sát được ?

- Xem thần sắc : chủ yếu xem hai đáy mắt còn tinh anh không hay đã đục mờ.
- Sờ chân tay xem còn nóng hay đã lạnh, người sắp chết thường lạnh từ đầu đến chân. Có người còn nhận biết mình đã chết đến đâu.
- Mạch rất trầm, có khi người còn sống nhưng không bắt mạch được nữa. Đối với người suy tim, sờ tưởng như tim đã ngừng đập, nhưng vì đập yếu nên không phát hiện được.
- Để một ít bông vào lỗ mũi mà bông không còn động đập tức là đã tắt thở.

Có người đau ốm lâu dài, bỗng nhiên mạnh khoẻ trở lại rất tinh táo, nhiều khi đó là dấu hiệu của ngọn đèn hết dầu loé sáng lên để rồi tắt ngấm. Các cụ già thường bỏ ăn, hoặc là rất muốn ăn nhưng ăn được rất ít trước khi mất.

Cũng có trường hợp, mệnh đã tuyệt nhưng có lẽ vì nuôi tiếc con cháu ở xa chưa gặp được, hoặc do được bổ tâm hồi dương với hy vọng trong muôn một có thể qua khỏi hoặc kéo thêm ít giờ để tránh ngày xấu như trùng tang, trùng phục... thì có thể kéo dài thêm chút ít.

Điều 66 : Trong giờ phút thân nhân hấp hối, người nhà cần phải làm gì ?

- Dời người sắp mất sang phòng chính tẩm, đầu hướng về phía Đông.
- Hỏi xem có dặn dò trời trăng gì không
- Đặt thụy hiệu (tức tên hèm) rồi hỏi người đó có đồng ý không.
- Luôn luôn có người túc trực bên cạnh.
- Người có theo tôn giáo thì làm lễ cầu nguyện theo phép của từng tôn giáo.
- Chuẩn bị mọi thứ để tắm gội (làm lễ mộc dục) và khâm liệm (lễ nhập quan).

Điều 67 : Khi thân nhân mất, gia đình cần phải làm những gì ?

Chúng tôi chỉ nêu lên những việc làm đối những trường hợp người già yếu, mất tại nhà, theo phong tục cổ truyền. Trường hợp mất tại bệnh viện hoặc mất dọc đường, quán trọ, chết vì tai nạn, gươm súng, xe cộ, rắn độc, thủy hỏa tai, chưa đúng kỳ đáng chết... không đủ điều kiện để thực hiện toàn bộ thao tác và nghi lễ, vậy nên châm chước, tùy nghi vận dụng:

1. Lễ mộc dục : (tắm gội)

Lúc tắm gội cho người vừa chết thường vừa để sẵn một con dao nhỏ, một vuông vải (khăn), một cái lược, một cái thìa, một ít đất ở ông đồ rau, một nồi nước ngũ vị hương và một nồi nước nóng khác. lúc tắm, vây màn cho kín, tang chủ quỳ xuống khóc, người hộ việc cũng quỳ rồi cáo từ rằng; "nay xin tắm gội để sạch bụi trần", xong phục xuống, đứng dậy. Cha thì con trai vào tắm, mẹ thì con gái vào tắm. Lấy vuông vải đắp vào ngũ vị, lau mặt, lau mình cho sạch rồi lấy lược chải tóc lấy sợi vải buộc tóc, lấy khăn khác lau hai tay hai chân, lại lấy dao cắt móng tay móng chân, mặc quần áo cho chỉnh. Móng tay móng chân gói lại trên để trên, dưới để dưới, để vào trong quan tài; dao, lược thìa và nước đem đi chôn; rước thi thể đặt lên giường.

2. Sau lễ mộc dục thời gian chưa nhập quan:

Đắp chăn hoặc chiếu, buông màn, đặt một chiếc ghế con phía trên đầu, trên đó đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng một đôi đũa trên bát cơm và thắp hương. Có địa phương còn có tục để thêm một con dao trên bụng, (có lẽ để trừ tà ma hay quỷ nhập tràng).

3. Lễ phạn hàm:

Lễ này theo tục xưa, bỏ gạo và tiền vào miệng tránh tà ma ác quỷ đến cướp đoạt, để tiền vong hồn đi đường xa được siêu thoát. Lễ này ngày nay nhiều nơi đã bỏ, có nơi thay thế bằng may một cái túi, trong túi đựng một ít tiền gạo và một vài đồ lặt vặt mà khi sống, người đó hay dùng đến.

Theo "Thọ mai gia lễ", lễ này được tiến hành như sau:

Lấy ít gạo nếp xát cho sạch, ba đồng tiền mài cho sáng (nhà giàu thì dùng vàng hoặc viên ngọc trai).

Tang chủ vào khóc quỳ, người chấp sự cũng quỳ, cáo từ rằng: " nay xin phạn hàm, phục duy hâm nạp". Người chấp sự lần lượt xướng "Sơ phạn hàm, tái phạn hàm, tam phạn hàm". Tang chủ ba lần, mỗi lần xúc một ít gạo và một đồng tiền tra vào mồm bên phải, rồi đến bên trái, cuối cùng vào giữa. Xong, bóp mồm lại, phủ mặt như cũ.

4. Lễ khâm liệm nhập quan:

Các con vào, con trai bên trái, con gái bên phải. Người chấp sự xướng. Tụ lập (đứng gần vào),

cử ai (khóc cả lên), quỳ. Chắp sớ cũng quỳ mà cáo từ rằng "Nay được giờ lành, xin rước nhập quan". "Cần cáo" xong lại xướng: phủ phục (lễ xuống), hưng (dậy), bình thân (đứng thẳng).

Sau đó các con cháu tránh ra hai bên, người giúp việc quay và đều cầm tạ quan nâng lên để đưa người vào cho êm ái, đặt cho chính giữa quan tài, nếu có hở chỗ nào cần lấy áo cũ của người vừa mất bỏ khuyết cho đầy đủ, rồi gấp dưới lên đầu trước, bên trái gấp trước, bên phải gấp sau, trên đầu gấp sau cùng, sớ nẹp đóng lại. Chú ý: Những quần áo của người đang sống, hoặc quần áo mà người đang sống có mặc chung thì không được bỏ vào áo quan.

Đồ khâm niệm: nhà giàu dùng vóc nhiều, tơ, lụa; nhà thường dùng vải trắng may làm đại liệm (1 mảnh dọc, 5 mảnh ngang) hoặc tiểu liệm (1 mảnh dọc 3 mảnh ngang). Ngày trước, quy định đại liệm hay tiểu liệm vì khổ vải nhỏ. Ngày nay, dùng vải khổ rộng, miễn kín chân, tay, đầu, gót là được.

"Tục ta nhiều người tin theo thầy phù thủy, trong quan tài thường có mảnh ván đục sao Bắc Đẩu thất tinh. Trước khi nhập quan thường chọn giờ, tránh tuổi rồi dùng bùa nọ bùa kia dán ở trong, ngoài quan tài. Có người cho là chết phải giờ sấu thì bỏ cỗ bài tổ tôm hoặc quyền lịch hoặc tàu lá gồi để trấn át ma quỷ" (Trích "Việt Nam phong tục" - Phan Kế Bính - tr.31)

Mọi việc xong thì sơn gấn quan tài cho kỹ càng, đặt chính giữa gian giữa, hoặc nhà còn người tôn hơn thì đặt sang gian cạnh.

5. Lễ thiết linh: (Sau khi nhập quan)

Là lễ thiết lập linh vị, đặt bàn thờ tang.

Khi chưa chôn cất thì lấy lễ thờ người sống mà lễ, nên mỗi lần lạy chỉ lạy hai lạy, trong linh vị và khăn vắn dùng chữ "Cố phụ", "Cố mẫu" thay cho "Hiên thảo", "Hiên tễ".

6. Lễ thành phục:

Tức là con cháu mặc đồ tang để cúng tế và đáp lễ khi khách đến viếng. Trước khi thành phục, nếu có khách đến thì người chủ tang chưa ra tiếp mà người hộ tang thay mặt tiếp khách và thông cảm với khách.

Sau lễ thành phục mới chính thức phát tang. Sau đó thân bằng cố hữu, làng xã mới đến phúng viếng.

Điều 68 : Tại sao có tục hú hồn trước khi nhập quan ?

Vì đã có những trường hợp bị choáng, ngất, bất tỉnh nhân sự. Người ta dùng mọi thủ thuật để kích thích thì hồi tỉnh, trong đó có thuật hú hồn hú vía. Cũng có trường hợp đã tắt thở, tưởng là đã chết rồi nhưng sau một thời gian bỗng nhiên sống lại. Do đó với một hy vọng dầu mỏng manh, mặc dầu trong muôn một, người sống tiếc thương muốn cứu vãn... nên cầm chiếc áo quần của người đã tắt thở, leo lên mái nhà chỗ cao nhất hú "Ba hồn bảy vía ông" hoặc "Ba hồn chín vía bà" về nhập xác. Hú ba lần không được thì cũng đành lòng chịu khâm liệm mà tin rằng như vậy hồn đồ vật vương, biết tìm đường về nhà (Khâm liệm xong vẫn chưa dỡ đóng chốt áo quan). Đây là một phong tục chủ yếu để thoả mãn tâm linh.

Điều 69 : Trường hợp chết đã cứng lạnh, người co rúm không bỏ lọt áo quan thì làm thế nào ?

Theo kinh nghiệm dân gian: Hơ lửa và nắn dần cho thẳng ra, hoặc dùng cồn, rượu xoa bóp, nếu vẫn còn cứng lại thì có thuật dùng hai chiếc đũa cả để hai bên mép áo quan rồi cho thi hài lọt xuống dần, khi thi hài đã lọt vào áo quan rồi thì phải cắt bỏ những dây buộc chân, buộc tay, buộc vai, buộc hông để người chết có thể nằm thoải mái.

Điều 70 : Người xưa dùng những vật liệu gì lót vào áo quan ?

Trong các ngôi mộ cổ khai quật được, ngoài các đồ trang sức của người chết, phía trong áo quan thường có lót lá chuối, giấy bản, chè búp, bông nếp hoặc khăn vóc áo nhiễu... Trong quan, ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng. Các thứ đó đều là những chất hút ẩm và ngăn giữ khí hôi hám khỏi bốc ra ngoài, nhất là thời xưa chết xong chưa mấy ai đã chôn ngay, còn phải sắm đủ lễ vật, tế khí, còn phải xa gần phúng viếng linh đình, còn phải chọn ngày, chọn đất mới làm lễ an táng.

Điều 71 : Tại sao trước khi khâm niệm, nhập quan có tục đưa người chết nằm xuống chiếc chiếu giải dưới đất ?

Theo Phan Kế Bính : "Lấy nghĩa, người ta bởi đất sinh thì chết lại về với đất".

Chúng tôi cho rằng tục đó phát sinh từ kinh nghiệm thực tế dễ dễ thao tác. Và chẳng, trong cơ thể người chết còn có điện trường sinh học, làm như vậy khả năng tích điện âm trong cơ thể người chết mới được giải thoát, đó là một phương thuật phòng xa hiện tượng "Quý nhập tràng".

Điều 72 : Sau lễ thành phục trước lễ an táng phải làm gì ?

Thời nay đơn giản, để giữ vệ sinh không nên để quá 24 giờ. Thời xưa, có những nhà giàu sang để năm bảy hôm trong nhà, chờ con cháu về đông đủ, để họ hàng, làng xã, hàng tổng hàng huyện đến phúng viếng; để dựng rạp trước sân, dựng nhà trạm dọc đường từ nhà đến mộ để chuẩn bị mọi thứ khi tế và cỗ bàn thết đãi linh đình; để thầy cúng chọn ngày, thầy địa lý chọn đất an táng, phân kim lập hướng hẳn hoi. Có nhà còn sắm đủ trong quan ngoài quách, quần tằm trong vườn, vài tháng sau mới làm lễ an táng.

Trong thời gian chưa chôn có "Lễ triều tịch điện" : Buổi sáng dậy bùng khăn lược vào linh sàng, các con quỳ khóc ba tiếng rồi quần màn lên cáo từ rằng: "Ngày đã sáng rồi xin rước linh bạch ra linh toạ". Sau đó rước hồn bạch ra đặt vào ý, vắt màn, dọn chăn gối, chiều tối lại rước linh bạch vào, đắp chăn thả chiếu, màn xuống. Thờ như lúc sống, chỉ lạy hai lạy (chỉ sau khi an táng, làm lễ thành phang xong mới lạy bốn lạy theo nghi lễ người chết).

Các buổi tối trước khi chưa chôn, có "Lễ chúc thực" (Tròng bó đuốc trước sân): phường bát âm tấu nhạc, con cháu thay nhau túc trực bên linh cữu, trong nhà ngoài sân đèn đuốc sáng trưng.

Khi thân bằng cố hữu đến phúng điếu, người chủ tang và người chủ phụ đứng cạnh linh toạ và ngoảnh mặt về phía khách, lễ khách lạy hai lạy thì chủ lễ tạ lại một lạy. Khách vái cha mẹ mình ba vái thì vái tạ một vái. Trách nhiệm tiếp trà, nước, cỗ bàn thuộc về người hộ tang.

Nếu có người con trai nào đi vắng chưa kịp về thì để mũ, khăn xô và gậy cạnh hương án.

Trước khi làm lễ chuyển cữu để chuẩn bị phát dẫn thì áo quan vẫn trở đầu vào trong, coi như lễ người sống, đọc văn cũng chưa dùng chữ "Hiển thảo" (cha) "Hiển tử" (mẹ) mà con dùng chữ "Cố phụ" (cha), "Cố mẫu" (mẹ)

ở thành phố ngày nay đã có nhà ướp lạnh, ở nông thôn để dăm bảy ngày trong nhà, phải làm sao cho khỏi nhiễm uế khí ? - Điều quan trọng nhất là người trị tang phải có kinh nghiệm : áo quan vỏ dày, gỗ tốt, trám thật kín, không để một khe hở nào. Đáy áo quan lót những chất chống ẩm như lá chuối, giấy bản, than, vôi, bông nếp... Các khe hở của áo quan được bịt kín trước bằng sơn tạc, nhựa đường, dán giấy tráng kim. Nếu để lâu phải có trong quan ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng rang khô nóng. Phủ trên thi hài có các thứ hương vị để khử uế khí.

Trước ngày an táng còn có thêm tục "Lễ yết cáo tổ tiên", nếu không đưa được linh cữu, phần lớn các gia đình rước hồn bạch đến nhà thờ họ. Hồn bạch chỉ được đặt phía trước bàn thờ, để ở dưới, không được đưa lên bàn thờ tổ. Nội dung: Báo cáo với gia tiên có thân phụ hoặc thân mẫu về chầu tổ. Xong lại rước hồn bạch về nhà mình, đặt lại trên linh toạ.

Điều 73 : Những người điều hành công việc trong tang lễ

Trong lúc tang gia bối rối không có người chủ đạo điều hành, công việc sẽ rất lúng túng và phạm nhiều sai sót.

Khi thân nhân sắp từ trần, việc đầu tiên tang gia phải mời được người hộ tang. Người hộ tang phải là người thân thích gần gũi, có tuổi tác, kinh nghiệm, tháo vát, có uy tín trong họ. Người hộ tang thay mặt tang chủ điều hành mọi công việc, đối nội đối ngoại.

Nếu người hộ tang biết cúng lễ thì kiêm luôn, nếu không thì mời người chấp sự, Người chấp sự lo việc hướng dẫn về mặt nghi lễ từ mộc dục, khâm liệm, thiết linh, thành phục đến an táng. Thành phần và tế ngu (lễ 3 ngày sau khi chôn). Người chấp sự thường là người có văn hoá (chữ Hán, chữ Quốc ngữ) nên có thể kiêm luôn cả việc tư vấn (viết văn cúng tế, bài vị, long triệu, đối, trướng, cáo phó...).

Người thu lễ: Sau khi thành phục cho đến hết 3 ngày sau khi an táng phải có người thu lễ. Người đó chuyên túc trực ở nhà ngoài, hễ có khách đến phúng viếng thì tiếp khách nhận lễ đặt lên bàn thờ, báo cho thân chủ ra bái tạ. Người thu lễ phải ghi đầy đủ danh sách người đến viếng và số lễ vật, để sau này tang chủ biết mà tạ ơn. Người thu lễ kiểm tra lễ vật sau khi khách đã cúng lễ xong ra về. Vì vậy phải chọn người thân tín của tang gia.

Người chấp hiệu: Thông thường các ban hành lễ đã có người chấp hiệu chuyên trách. Người chấp hiệu là chỉ huy đám phu kiệu đưa quan tài từ nhà ra xe tang hoặc đại dư (tuy không có xe nhưng khiêng kiệu hay xe gọi là đại dư), điều khiển việc đi đứng, nâng lên hạ xuống, sang trái sang phải, bằng hiệu lệnh hai thanh gỗ ngắn cầm tay, cho đến lúc hạ huyệt, tháo giây đòn mà chén rượu, đĩa dầu lạc đặt trên nắp áo quan không sánh ra ngoài. Người chấp hiệu ngồi trên đại dư ở phía sau, hoặc đi bộ giật lùi trước quan tài để điều khiển.

Nếu gia đình nào tự thu xếp để con cháu kiêng áo quan thì phải chú ý chọn người chấp hiệu nhiều kinh nghiệm.

Chủ tang và chủ phụ: Là con trai trưởng và con dâu trưởng. Nếu tang cha mà mẹ còn sống thì mẹ là chủ phụ. Nếu cháu đích tôn thừa trọng (thay thế cha đã mất, khi làm lễ tang ông bà) thì cháu đích tôn là chủ tang, các ông chú đứng hai bên chỉ là bồi tế vợ của người cháu là chủ phụ khi bà chồng và mẹ chồng đã mất, còn các bà thím chỉ là phụ. Nếu cháu đích tôn còn bé quá, chưa chống gậy lễ tạ được thì chú thứ hai thay thế, nhưng vẫn phải nhân danh cháu mà bái lễ và bái tạ.

Những tục nghi lễ ngày xưa khá phức tạp, ngày nay đã được cải tiến, một số tục lệ lạc hậu, lỗi thời đã bị nhiều vùng bãi bỏ, ví dụ tục lăn đường, đuổi tà ma ác quỷ. Lệ tục chung vận dụng vào từng địa phương, từng hoàn cảnh cụ thể khác nhau, ngày xưa đã vậy, huống hồ ngày nay. Có gia đình con đàn cháu lữ, của ăn của để, sung túc đề huề, có gia đình đơn bạc nghèo nàn nên phải tùy nghi châm trước.

Điều 74 : Lễ an táng tiến hành như thế nào ?

Tùy từng địa phương, từng tôn giáo, mỗi nơi nghi lễ phong tục một khác. Thời trước có thôn ấp cử những người trai tráng trong làng xóm ra khiêng vác chôn cất. Nơi có hội tư văn, thì hội tư văn đứng ra lo liệu điều hành công việc theo hương ước định sẵn. Hiện nay ở nông thôn có các hội trợ tang, thành phố thị xã có ban quản lý nghĩa trang, một số chi hội trọng thọ các phường xã hoạt động, đứng ra lo liệu chu đáo.

Lễ an táng tiến hành tùy theo hoàn cảnh từng nhà, "Giàu làm kép, hẹp làm đơn". ở đây chỉ nói phần tang gia cần làm gì:

- Khi có người thân mất, tang chủ cần đến báo gấp, để cùng bàn bạc theo quy ước đã định.
- Thời xưa, tang chủ có khoản tiền thưởng cho người chấp hiệu và những phu kiệu. Nếu từ khi đưa áo quan lên kiệu, đi đến huyệt mà chén rượu, đĩa dầu lạc để trên áo quan không sóng sánh ra ngoài thì tang chủ đưa tiền thưởng rất hậu.
- Thân nhân, theo thứ tự nhân sơ quy định, tang phục theo gia lễ, đều xếp hàng đi theo sau linh cữu. Thời xưa có cái bạt bằng vải trắng che trên đầu gọi là bạch mạc. Người con trưởng đi trước hoặc kèm sau xe quan tài theo tục "Cha đưa mẹ đón".
- Hạ huyệt xong, tất cả người đi đưa đều đi vòng quanh mộ một vòng, mỗi người ném xuống một hòn đất.
- Đắp mộ xong, mọi người đứng vòng quanh mộ, người hộ tang, người chấp sự tiến hành lễ thành phần.
- Nghi thức chung như trên, nhiều nơi còn có tục riêng như cầu kinh, yểm bùa, nhót con gà, cài cây lá chứa, dựng cây nêu, đóng cửa mả, đốt hình nhân... rắc vàng khâu dọc đường, cắm hương ở các mộ xung quanh, mời người qua đường ăn trầu hút thuốc, đãi người đắp mộ...

Điều 75 : Hơi lạnh ở xác chết, cách phòng chống ?

Hơi lạnh hay âm khí, tà khí có ở xác người chết không ?

Chưa ai đo nhiệt độ cụ thể trong thi thể người chết nhưng nhiều người đã công nhận rằng, theo cảm giác thì người mới chết lạnh hơn nhiều so với nhiệt độ bình thường của con người cũng như của môi trường xung quanh.

Hiện tượng đó được giải thích như sau: Con người đang ở nhiệt độ bình thường (37°C), tự nhiên mất nhiệt thì nhiệt độ không chỉ hạ xuống tới hoà đồng với nhiệt độ môi trường mà còn tụt xuống thấp hơn, sau đó một thời gian nhiệt độ mới nhích dần lên tới thể ổn định.

Dân gian công nhận hiện tượng hơi lạnh ở nhà người chết mới chết là hiện tượng có thực, hiện tượng vương phải hơi lạnh bị ốm cũng là hiện tượng phổ biến, nhất là đối với những người bị các chứng kinh niên như phong thấp, huyết áp cao, tâm thần... còn đối với những thanh niên mạnh khoẻ thì không mấy ai bị ảnh hưởng.

Có thuyết cho rằng: Những người đồng khí huyết (con cái với cha mẹ, anh chị em ruột hoặc gần huyết thống) thì không bị nhiễm hơi lạnh, không có phản ứng gì kể cả khi ôm ấp thi hài và khâm liệm. Tuy nhiên, để phòng xa, người ta vẫn kiêng không cho các bậc cao lão, phụ nữ có thai sắp đến ngày sinh hoặc sản phụ hài nhi đến dự khâm liệm, an táng và cải táng.

Có người hấp thụ phải hơi lạnh thì phản ứng tức thì. Có người trực tiếp khâm liệm, nhiễm hơi lạnh, bản thân khoẻ mạnh không việc gì, nhưng để phòng ngừa cho người ở nhà nên khi vào nhà có người già, ốm yếu, trẻ sơ sinh vẫn phải xông khói rồi mới vào. Những người hàng xóm xung quanh nhà có tang lễ, nếu có cụ già trẻ nhỏ ốm yếu thường đặt sẵn ở cửa ra vào một lò than đốt vỏ bưởi và quả bồ kết để trừ uế khí. Những người nghi bị chó dại cắn, gia đình thường tuyệt đối cách ly đám tang và nơi nghĩa trang, e rằng vương phải hơi lạnh chưa kịp chạy chữa đã phát bệnh.

Điều 76 : Tại sao, tại sao và tại sao ?

- Tại sao có tục đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng đôi đũa trên bát cơm, cài quả trứng vào giữa hai chiếc đũa rồi thắp hương đặt lên trên đầu người chết suốt trong thời gian chưa nhập quan?
- Tại sao người ta cắm một cái cọc bằng kim loại suốt chân giường người chết ?
- Tại sao khi chưa nhập quan, người ta luôn luôn thắp hương nền (nếu không có nền thì thắp ngọn đèn dầu) cho đến khi hạ huyệt không để tắt hương đèn?
- Tại sao hai bên hương án, phía gần kê áo quan, người ta đặt hai cây chuối con ?
- Tại sao có tục dựng bó đuốc to ở giữa sân vào ban đêm trước lễ an táng (nếu để qua đêm), con cháu và thân nhân túc trực quanh linh cữu (lễ "Chức thực" ban đêm, nghĩa là "lễ trông bó đuốc" ?)
- Tại sao có tục kiêng ngăn người nhà không được đứng cạnh thi hài mà khóc, tránh nhỏ nước mắt vào thi hài?
- Tại sao sau lễ nhập quan phải đốt lỗ hung (lỗ đào ở chính giữa giường người mới chết nằm khi chưa nhập quan. Chất đốt có thể dùng trấu, than , củi hoặc giẻ rách...).
- Tại sao lễ tang là việc buồn lại đốt pháo ? (Tục này chỉ có ở thành phố đối với người già).
- Tại sao phải nhót mèo khi nhà có người mới chết ?
- Tại sao khi người chết trong nhà, người ta phải treo lên mái nhà dỡ một vài viên ngói, hoặc lá tranh (đối với nhà bịt nóc và ít cửa)?

Những câu hỏi trên cùng có chung một câu trả lời: Đó là kinh nghiệm dân gian, dùng phép thuật điều hoà khí âm dương, thu hút tà khí để phòng chống hơi lạnh và phòng xa hiện tượng "Quỷ nhập tràng". Xuất phát từ kinh nghiệm, dần dần bắt trước nhau trở thành phong tục.

Dùng khói lửa, ánh sáng mặt trời (đốt hương, nến, đèn, đuốc, than, trấu, dỡ mái nhà, mở rộng cửa, đào lỗ hung, đốt pháo...) để triệt tiêu hơi lạnh. Dùng bát cơm, quả trứng, cây chuối... để thu hút hơi lạnh (nếu bỏ đôi quả trứng, có nhiều lòng đỏ đã trở nên xanh thẫm giống như những quả trứng dùng để đánh gió.). Nhót mèo để phòng mèo nhảy qua xác chết, kiêng khóc nhỏ nước mắt vào thi hài hoặc cắm cọc kim loại dưới giường người chết, dỡ mái nhà... là những thuật triệt tiêu luồng điện âm dương hút nhau.

Ngoài ra, những người đến dự lễ tang, nhất dự khâm liệm còn có những thuật khác để phòng chống hơi lạnh như ngâm gừng sống, uống nước lá nhót, ăn trầu và xông khói vỏ bưởi, bồ kết trước và sau khi đến lễ tang.

Điều 77 : Hiện tượng « quỷ nhập tràng »

Đó là hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy. Hiện tượng này rất hiếm nhưng đã xảy ra, do đó trong phong tục đã có sự kiêng cử để phòng xa, gọi là "Quỷ nhập tràng" nhưng thực ra không có ma quỷ nào nhập vào xác chết. Nguyên nhân: Do điện âm tích tụ trong thi thể người mới chết chưa kịp thoát ra hết, gặp phải luồng điện dương cực mạnh cuốn hút.

Xác chết tự nhiên bật dậy là do sự cuốn hút bởi một ngoại lực có cảm ứng điện trường. Vì vậy theo quan niệm dân gian, khi trong nhà có người mới chết kiêng cử nhất là không để cho con mèo bắt thần nhảy qua xác chết (người ta phải canh giữ, phải nhốt mèo lại). Đã có trường hợp, chén rượu hắt văng vào xác chết, giọt nước mắt có hơi ấm nhỏ vào xác chết cũng tạo thành luồng khí, có thể cuốn hút xác chết bật dậy nhưng ngã xuống ngay tức thì. Hiện tượng xác chết đuổi theo người sống: Xác chết không thể bước đi được mà do hơi nóng của người sống cuốn hút, hoặc trường hợp có luồng không khí đối lưu cân bằng khi xác chết ở tư thế đứng song song với người sống. Việc dỡ ngói hay tranh trên mái nhà để ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào cũng nhằm triệt tiêu hiện tượng cuốn hút đó.

Điều 78 : Lễ 3 ngày tính từ sau khi mất hay sau khi chôn cất ?

Tục này không thống nhất, có nơi tính ba ngày sau khi mất, có nơi tính ba ngày sau khi chôn. Xét trong điển lễ thì không có "lễ ba ngày" mà chỉ có "lễ tế ngu" gồm có "sơ ngu", "tái ngu", "tam ngu". "ngu" nghĩa là "yên", tức là ba lần tế lễ cho yên hồn phách, theo "Thọ mai gia lễ" thì khi chôn xong, rước linh vị về đến nhà tế sơ ngu. Làm sơ ngu xong gặp ngày nhu, (tức là ất, kỷ, tân, quý) làm lễ tái ngu, gặp ngày cương (tức là ngày giáp, bính, mậu, canh, nhâm) làm lễ tam ngu. Phan Kế Bính cũng dẫn giải như trên.

Dần dần về sau người ta giảm lược, kiêm cả ba lễ luôn, chỉ làm lễ tam ngu, vì thế nên gọi là lễ ba ngày. Vậy là tính ba ngày từ sau khi chôn, theo tục gọi là lễ mở cửa mả. Ngày đó con cháu ra sửa lại mồ mả, đắp cỏ, khơi rãnh thoát nước... Ngu là tế ngu, tế chỉ tế người chết, tế thần. Theo phong tục cũ thì ít khi chết xong chôn ngay, thường còn để năm bảy ngày trong nhà. Khi chưa chôn làm lễ triêu tịch điện, tức cúng cơm hàng ngày vẫn theo lễ thờ người sống. Vậy tế ngu phải tính từ sau khi chôn.

Còn có một lập luận khác: Có ba điều không yên khiến phải làm lễ tế ngu:

- Đang sống hoạt động nay mọi hoạt động bỗng nhiên đình chỉ.
- Đang nhìn thấy bóng dáng, khi đã nhập quan không nhìn thấy bóng dáng nữa.

- Đang ở trên dương thế, nay xác về cõi âm, hồn vất vưởng lìa khỏi xác. Âm dương hoàn toàn cách biệt từ sau lễ thành phần. Sơ ngu, tái ngu, tam ngu là tế để làm cho yên hồn phách, vậy phải tế sau khi mất, sau khi lễ nhập quan và sau khi lễ thành phần xong.

Thời này cũng có trường hợp sau khi chết 4-5 ngày còn để trong nhà lạnh chưa chôn nên không thể làm lễ ba ngày trước lễ an táng.

Điều 79 : Tại sao có lễ cúng cơm trong 100 ngày ?

Gia đình Việt Nam nhà nào cũng vậy, mỗi ngày có hai bữa cơm là giờ phút đầm ấm nhất. Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc cho vui vẻ, đầm ấm. Con cháu cầm bát cơm lên, trước hết mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ rồi mới bắt đầu mới dám ăn. Có nơi xới bát cơm lần thứ hai còn mời nữa. Nếu có khách, trước khi buông bát đĩa đứng dậy còn phải xin phép và mời khách tiếp tục xới cơm. Cuộc sống gia đình đang vui vẻ, êm đẹp như vậy, vắng mặt trong bữa cơm còn nhắc, hưởng chi vĩnh viễn đi xa. Do đó, trước bữa ăn người thân dâng lên bàn thờ một bát cơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì cúng thứ đấy, thường là tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm, đĩa muối cũng xong. Thắp hương xong, dựng đôi đũa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khăn vải xong cũng rót chén nước.

Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thỏa nguyện tâm linh, "Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương".

Nhưng tại sao lại cúng 100 ngày ?

- Cũng tùy địa phương, có nơi chỉ cúng 49 ngày (tức là lễ chung thất). Theo thuyết của Phật giáo: qua 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm ty (tức 1 tuần, nhưng không phải tuần lễ theo dương lịch); sau 7 tuần vong hồn đã siêu thoát. Có nơi cúng hết 100 ngày (tức lễ tốt khốc nghĩa là thôi khóc). Theo giải thích của các cụ ngày xưa thì thời gian này âm hồn vẫn còn phảng phất luân quần trong nhà chưa đi xa.

Chúng tôi cho rằng, phong tục này có căn cứ khoa học: Theo thuyết Thần giao cách cảm, ngoài điện trường vật lý đã được ứng dụng trong thực tiễn, còn có điện trường sinh học. Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dầu ở cách xa nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Các nhà khoa học đã vận dụng những phát triển đó để giải thích về điềm, về giấc mơ, về những biểu hiện tâm, sinh lý bất thường khi thân nhân (có thể cách nhau rất xa về không gian) có cùng tần số điện trường sinh học có sự biến bất thường. Người ta bảo chết là hết. Nhưng, chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm chí người sống. Sau khi chết, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, thần kinh cảm giác ngừng hoạt động, vỏ não chưa bị huỷ, xung quanh hiện trường phát từ não vẫn chưa ngừng phát sóng. Lớp đất dày không ngăn được sóng điện vật lý hay sóng điện sinh học. Cá thể sống có tần số điện trường sinh học tương ứng vẫn tiếp nhận được tín hiệu, do đó hiện tượng báo mộng chưa hẳn là vu vơ, không đáng tin. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng âm hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

Điều 80 : Làm lễ chung thất (49 ngày) và tốt khốc (100 ngày), có phải chọn ngày không ?

Theo "Thọ mai gia lễ", thì cứ đúng ngày quy định trong gia lễ mà làm, không có sự chuyển dịch tùy tiện theo lời thầy lễ hay thầy bói nào cả. Chỉ trừ ngày làm lễ an táng và ngày làm lễ trừ phục (hết tang) trong gia lễ có ghi chọn ngày lành. Người ta không ai có thể chọn ngày chết, vậy nên từ xưa tới nay, hàng năm cứ đến ngày mất thì làm giỗ, dù cho có những năm, ngày đó rất xấu, có cả trùng phục,

trùng tang, sát chủ, quả tú, cô thân.v.v... theo gia lễ: Lễ chung thất, Tốt khốc, Tiều tường, Đại tường cứ theo đúng ngày mà làm lễ.

Con cháu ở xa nhớ ngày về làm lễ, thân nhân ở chỗ khác sắm sửa lễ đúng ngày tới dự, chẳng lẽ đến nơi thấy hương lạnh khói tàn, gạt nước mắt lủi thủi ra về hay sao? người chủ sự báo lại rằng: theo lời thầy lễ đã lễ xong xuôi đâu đấy rồi, hoặc đợi thêm vài ngày nữa, được chăng? Xin lưu ý tang tế theo ngày định sẵn, thân bằng, cố hữu ai lưu luyến đến thăm viếng, không đợi thiệp mời như lễ mừng, lễ cưới, không chuyện "Hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo" (mời thì đến, không thì thôi).

Điều 81 : Lễ nào là lễ trọng ?

Đây là câu hỏi phổ biến của nhiều gia đình:

- Trong một năm có nhiều lễ giỗ: Giỗ cha, mẹ ,ông , bà, cụ , kỵ .v.v...thì giỗ nào quan trọng hơn cả ?
- Sau khi an táng xong, có lễ ba ngày , 49 ngày, 100 ngày, lễ giỗ đầu, lễ giỗ thứ hai.v.v... lễ nào là lễ chính ?

Đáp: Thời xưa chưa thấy ghi trong điển lễ, nhưng thời nay lại là vấn đề rất thiết thực, vì nhà nào cũng vậy con cháu nội ngoại công tác cư trú phân tán mỗi người một nơi, không mấy gia đình không có người đi xa, trong một năm chỉ có điều kiện tụ hội gia đình một hoặc hai lần nhân ngày lễ trọng của gia đình, hoàn cảnh kinh tế eo hẹp, muốn mời bà con khách bạn trước là tới dự lễ gia tiên cùng thoả nguyện tâm linh, sau là để tỏ tình thân hiếu, không thể rải ra nhiều lần, vậy phải xác định tập trung vào lễ chính.

Về lễ giỗ thì phong tục các nơi nói chung đều thống nhất lấy giỗ cha mẹ là chính (chú ý cha mẹ của người tôn trưởng nhất trong nhà) còn lễ tang thì phong tục mỗi nơi một khác. Có nơi chú trọng lễ 49 ngày là chính, có nơi lễ 100 ngày là chính, có nơi làm lễ 3 ngày xong xuôi tốt đẹp là được, bởi lễ trong khi tang gia bối rối, việc thù đáp đối với thân bằng cố hữu và những người đến hộ tang có thể còn nhiều khiếm khuyết nên lấy lễ ba ngày làm lễ trọng, để nhân lễ này tang gia tạ ơn những người săn sóc cha mẹ mình khi đau yếu và giúp đỡ gia đình lo xong phần an táng. Có nơi coi trọng lễ giỗ đầu (gọi là "Tiểu tường") có nơi coi trọng lễ giỗ thứ hai (gọi là "Đại tường", còn gọi là "giỗ hết"). Có lập luận cho rằng: Đã gọi là "Tiểu tường". Xét theo lễ nghi thì ngày nay kết hợp đại tường và đàm tế có nhiều nghi tiết phức tạp hơn tiểu tường (xem phần: "Cách tiến hành đàm tế").

Tóm lại: Hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh sinh hoạt thời xưa thời nay khác nhau, đây là vấn đề thiết thực, nhất là đối với những gia đình còn nhiều khó khăn về kinh tế và con cháu làm ăn xa nên tùy theo phong tục từng nơi. Hoàn cảnh cụ thể từng nhà mà thoả ước với nhau, có điều kiện thì hội tụ gia đình, ai ở xa nhớ ngày nhớ tháng làm lễ tưởng niệm cũng được.

Điều 82 : Khi hết tang làm lễ trừ phục (đàm tế) như thế nào ?

Sau hai năm chọn một ngày tốt trong vòng ba tháng dư ai, để làm lễ trừ phục. Trừ phục gồm 3 lễ:

1. Lễ sửa mộ: Đắp sửa mộ thành mộ tròn.

2. Lễ đàm tế: Cất khăn tang. Huỷ đốt các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính. Bỏ bàn thờ tang. Thu cất các bức trướng, câu đối viếng.

3. Lễ rước linh vị vào chính điện và yết cáo tổ tiên: Chép sẵn linh vị mới, phủ giấy hay vải đỏ, khi đàm tế ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung (nếu có) đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới.

Trường hợp nhà con thứ không thờ gia tiên bậc cao hơn thì vẫn để nguyên bàn thờ như cũ, không phải chuyển bàn thờ mà chỉ cần yết cáo gia thần và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ.

Điều 83 : Vì sao có tục đốt vàng mã ?

Theo quan niệm của người đời xưa, người chết cũng cần ăn uống, nhà cửa, quần áo, hút thuốc, ăn trầu, cũng cần tiền xe, cần tiền đi lại và mọi khoản chi dùng như khi còn sống...

Người chết cũng được chia một phần gia tài. ở Sơn La, Lai Châu, nhiều nơi còn dựng các nhà mồ, trong nhà mồ cũng có đầy đủ các nồi đồng, mâm gỗ, ấm đất, bát đĩa, dao rựa, chăn chiếu quần áo, mũ nón...đủ tiện nghi cho một cá nhân. Người chết cũng được chia cả trâu, lợn, gà, thóc, gạo... Sau ba năm, tang chủ làm lễ khấn vái và ra mồ xin lại những đồ vật còn dùng được, và súc vật còn sống, kể cả súc vật vừa mới đẻ ra...

Từ việc cúng tế bằng đồ thật, dần dần mới sinh ra lễ đốt vàng mã, tức là thay thế bằng các đồ vật làm bằng tre, gỗ, rơm, rạ, đất sét hoặc giấy tượng trưng, nhưng kích thước thu nhỏ lại để người cõi âm mang đi, nhờ có "Phép thiêng biến ít thành nhiều". áo quần của người chết mặc khi còn sống, để lại nhà mồ sau ba năm mục nát, không nỡ dùng vào việc khác, người ta đốt đi dần dần sinh ra được thay thế bằng quần áo giấy. Vì vậy mới có câu tục ngữ "Đi theo ma mặc áo giấy".

Điều 84 : « Chiêu hồn nạp táng » là gì ?

Trong gia phả các họ rất chú trọng mục: Mộ táng ở đâu. Trong mục này có một số trường hợp ghi chú: "Chiêu hồn nạp táng" là gì?

Đó là những ngôi mộ không có tử thi, hài cốt, mộ người chết trận, chết đuối hay do thú dữ vồ... không tìm được tử thi. Thân nhân làm hình nhân và làm lễ an táng theo như lễ an táng thông thường.

Được nghe các cụ kể lại rằng: chất liệu làm hình nhân, có địa phương dùng cây núc nác (còn gọi là sò đo thuyền, mộc hồ điệp, nam hoàng bá, bạch ngọc nhi). Núc nác là loại gỗ mềm và xốp, dễ tạo hình, chôn dưới đất lâu hoai, lại dễ kiếm vì mọc ở nhiều nơi. Có địa phương dùng bùn lấy ở giữa dòng sông, có địa phương dùng mùn đào ở giữa ngã tư đường cái.

Hình nhân được đẽo gọt hoặc nhào nặn thô sơ, có đầu mình chân tay là được (vì đa số không phải là nghệ nhân). Kích thước của hình nhân khoảng 30-40 cm chiều dài. Thi hài tượng trưng đó cũng được khâm liệm, đưa vào áo quan làm bằng gỗ vàng tâm, kích thước nhỏ bé, hoặc đưa vào tiểu sành. Trên hình nhân có phủ lên linh vị viết trên giấy kim tuyến, nội dung giống như linh vị đặt ở bàn thờ. Trước khi làm lễ an táng có mời thầy cúng làm bùa ấn phù phép đề vong hồn nhập vào hình nhân.

Lễ an táng và các lễ các lễ khác cũng tiến hành như tang lễ thông thường.

Điều 85 : « Hình nhân thể mạng » là gì ?

Ở nước ta chưa có "Tục tuần táng" nhưng đời trước có tục đốt hình nhân thể mạng, vốn xuất xứ từ tục tuần táng, nhân đạo hơn so với tuần táng.

Để vua chúa xuống dưới âm cung có người hầu hạ, tục ta không chôn người sống mà dùng hình nộm làm bằng tre nứa, quấn bằng rơm rạ hoặc nhào nặn bằng đất sét, ngoài dán giấy làm quần áo rồi vẽ mặt mũi, sau đó khi tế lễ xong thì đốt hình nhân đó cùng với vàng mã. Nếu lễ thủy thần, long vương, hà bá thì làm thuyền bằng giấy kết trên thân cây chuối rồi đặt hình nhân vào thuyền và thả trôi sông. Có người nghe theo lời bói toán nhằm nhĩ sắp đến vận hạn bị hung thần quỷ dữ bắt, phải nhờ thầy cúng làm lễ, đốt hình nhân thể mạng. Có người vì mối thù nhưng yếu thế không trả thù được bèn nghĩ cách làm hình nhân rồi đề tên họ, huý, hiệu của kẻ thù vào trước ngực hình nhân, cắm ở ngã ba, ngã tư đường cái, thắp hương cắm lên đầu hình nhân để nhờ thần linh bắt tội người đó.

Đây là một tập tục chứa đầy tính chất mê tín, dị đoan đã bị đả phá, bãi bỏ từ đầu thế kỷ. Chính quyền phong kiến đã ra lệnh cấm hủ tục này. Kẻ nào cố tình vi phạm, nếu phát hiện được sẽ bị phạt nặng. Địa phương nào để những tục đó xảy ra, nếu phát hiện được thì lý trưởng nơi đó bị cách chức. Thế mà ngày nay, chúng tôi thấy hủ tục này lại có cơ phát triển, cho nên việc bài trừ hủ tục nhằm nhĩ này là cần thiết, phù hợp với việc xây dựng nền văn hoá mới.

Điều 86 : Tại sao phải cải táng và khi nào không nên cải táng ?

Chúng tôi xin trích "Việt Nam Phong tục" của Phan Kế Bính trang 39

"...Người mất, sau ba năm đoạn tang rồi hoặc một vài năm nữa thì con cái lo việc cải táng

Trước hôm cải táng làm lễ cáo từ đường. Đến hôm cải táng, lại làm lễ khấn thổ công chỗ để mả mới táng.

Trước hết khai mả, nhặt lấy xương xếp vào một cái tiểu sành, rảy nước vang vào rồi che đậy thật kín, không cho ánh sáng mặt trời lọt vào được. Nhà phú quý thì dùng quan quách liệm như khi hung táng.

Đoạn, đem cải táng sang đất khác. Còn quan tài cũ nát thì bỏ đi, tốt thì đem về dùng hoặc làm cầu, hoặc làm chuồng trâu chuồng ngựa, để trâu ngựa đứng cho khỏi sâu chân.

Tục lại tin rằng: Hễ ai đau tức thì lấy mảnh ván thộ (mảnh ván quan tài nát) đốt lên, để găm giường mà nằm thì khỏi đau tức.

Cải táng có nhiều có.

Một là vì nhà nghèo, khi cha mẹ mất, không tiền lo liệu, mua tạm một cỗ ván xấu, đợi xong ba năm thì cải táng, kéo sợ ván hư nát thì hại đến di hài.

Hai là vì chỗ đất mỗi kiến, nước lụt thì cải táng.

Ba là vì, các nhà địa lý, thấy chỗ mả vô cớ mà sụt đất hoặc cây cối ở trên mả tự nhiên khô héo, hoặc trong nhà có kẻ dâm loạn điên cuồng, hoặc trong nhà đau ốm lung củng, hoặc trong nhà có kẻ nghịch ngợm, sinh ra kiện tụng lôi thôi, thì cho là tại đất mà cải táng.

Bốn là, những người muốn cầu công danh phú quý, nhờ thầy địa lý tìm chỗ cát địa mà cải táng. Lại có người thầy nhà khác phát đạt, đem mả nhà mình táng gần vào chỗ mả nhà kia, để cầu được hưởng dư huệ.

Trong khi cải táng, tục lại có ba điều là tường thuy (tức là mả phát tốt đẹp) mà không cải táng.

Một là, khi đào đất thấy có con rắn vàng thì cho là long xà khí vật. Hai là, khi mở quan tài ra thấy có dây tơ hồng quấn quýt thì cho là đất kết. Ba là, hơi đất chỗ đó ẩm áp, trong huyết khô ráo không có nước hay là nước đóng giọt lại như sữa đều là tốt. Khi nào gặp như thế thì phải lập tức lấp lại ngay.

Điều 87 : « Thiên táng » là gì ?

Ngày xưa có người đi làm ăn ở xa nhà, dọc đường chẳng may bị cảm nắng. Cảm gió mà chết đột ngột, có người cùng đi hoặc người qua đường nhận ra, chỉ kịp đánh dấu chỗ người chết nằm xuống, chưa kịp chôn cất, đến nhà báo cho tang quyến. Khi người nhà đến nơi thì mối đã vùi lấp hết tử thi. Thân nhân cho rằng đó là huyết đất tốt, trời đã dành cho và chôn giùm nên gọi là "thiên táng", tương lai gia đình sẽ phát đạt, vậy cứ để nguyên mà vun cao lên. Không cải táng. Những ngôi mộ thiên táng như vậy, thường ở ven đường cái. Ngày nay dọc đường quốc lộ, lác đác còn nhìn thấy có những ngôi mộ cỏ đắp đất, gọi là thảo mộ. Trải qua hàng trăm năm mưa gió dập vùi, nhưng vẫn được tôn cao, trong số đó phần lớn là những ngôi mộ vô thừa nhận vì chết dọc đường, người nhà không tìm thấy. Mộ vẫn được đắp cao, không ngót hương khói, do những cư dân chung quanh và khách buôn bán đi qua về lại chăm sóc thờ cúng vì tin rằng những âm hồn đó rất thiêng, phù hộ độ trì cho khoẻ mạnh, làm ăn nên nổi.

Điều 88 : « Đất dưỡng thi » là gì ?

Có những ngôi mộ cổ do kỹ thuật ướp xác, trải qua hàng trăm năm da thịt vẫn còn nguyên không hoại. Nhưng còn có những ngôi mộ lâu đời da thịt vẫn nguyên do chôn vào đất dưỡng thi.

"Đất dưỡng thi" là loại đất gì, gồm những yếu tố hoá học nào, nhiệt độ và độ ẩm ra sao, có những đặc điểm gì để tìm ra đất dưỡng thi thì chưa ai rõ, hoặc giả xưa kia có thầy am hiểu thuật phong thủy đã tìm ra, ngày nay đã thất truyền hoặc giả do ngẫu nhiên, tình cờ gặp mà không biết. Chỉ biết rằng đó là một môi trường trong đó cả vi khuẩn hiếu khí và yếm khí đều bị huỷ diệt.

Hy vọng trong tương lai, khoa học phát triển hoặc sẽ có nhiều người để tâm nghiên cứu, điều bí ẩn của đất dưỡng thi sẽ được khám phá.

Điều 89 : Tại sao kiêng không đắp mộ trong vòng tang ?

Theo phong tục, sau ba ngày an táng là làm lễ mở cửa mả. Trong buổi đó, sửa sang mộ cao ráo, đắp cỏ xung quanh làm rãnh thoát nước, chặt bỏ cây bụi chung quanh để phòng rễ mọc lan, xuyên vào mộ, chọc thủng áo quan. Kể từ ngày đó, con cháu đến viếng thăm, thắp hương chỉ lấy đất chung quanh đắp bổ sung vào những chỗ đất bị sụt lở, không được trèo lên mộ, không được động thổ, cuốc vào.

Xét ra tục kiêng ấy rất có lý: Trong ba năm đó áo quan và thi thể đang trong thời kỳ tan rữa, đã xảy ra những trường hợp do không biết để phòng mà mộ mả bị sập. Sập mả, động mả mặc dù là hiện tượng tự nhiên cũng gây cho tang gia nhiều điều lo lắng.

Điều 90 : Tại sao khi cải táng phải cất mộ ban đêm hoặc sáng sớm khi mặt trời chưa mọc, hoặc nếu làm ban ngày phải có lán che ?

Có lý luận cho rằng, âm dương cách biệt nên phải kiêng không để mặt trời trực tiếp dội vào. Nhưng theo chúng tôi, xuất phát từ kinh nghiệm thực tế, có nhiều trường hợp, gặp đất dưỡng thi, hoặc ba điều tường thuy (tức mộ kết phát) không nên cải táng, phải lấp lại ngay. Trong trường hợp thi thể sau nhiều năm vẫn còn nguyên vẹn, nếu để ánh nắng mặt trời trực tiếp dội vào thì rửa ra ngay và teo lại. Vì vậy, để phòng xa nên kiêng ánh mặt trời, lâu ngày trở thành phong tục chung ?

Thấy gì qua 60 ngôi mộ có xác ướp ở Việt Nam ?

Theo thống kê của các nhà khảo cổ học, cho đến nay trên địa bàn của 15 tỉnh và thành phố ở nước ta đã có gần 60 mộ có xác ướp được khai quật. trong số gần 60 người mà các nhà khảo cổ "tìm gặp" đó có mặt hầu hết những nhân vật có vị trí cao quý nhất của xã hội đương thời: Từ vua cho đến các quan thượng thư, đại tư đồ, hoạn quan, bà chúa, cung tần mỹ nữ... ngôi mộ có niên đại sớm nhất được phát hiện ở Cẩm Bình- Hải Hưng vào thế kỷ thứ 15. Ngôi mộ có niên đại muộn nhất được chôn vào đầu thế kỷ này. nhưng nhiều nhất và được xử lý kỹ thuật tốt nhất chỉ có các mộ chôn trong 3 thế kỷ 16, 17, và 18. Đó cũng là thời kỳ bùng nổ của loại hình thức táng này. Cấu trúc của mộ xác ướp rất thống nhất về các nguyên tắc cơ bản: Ngoài cùng là gò mộ đắp đất, trong cùng gò có một quách hợp chất màu xám rắn chắc làm bằng vôi, cát mật, giấy gió, dầu thông. Để cho quách thêm vững chắc người ta thường đổ nắp có hình vòm cung trùn ra ngoài thành quách. Bên trong quách hợp chất, thường có thêm lớp quách gộc. Quách gộc có thể cách quách hợp chất 5 cm. khoảng trống ấy có thể dùng làm vật liệu hút ẩm hoặc giữa hai lớp không có khoảng cách do khi đổ hợp chất, quách gỗ được coi như một mặt của lớp pha.

Bên trong quách gỗ là quan tài được đóng liền thành một khối ngoài có sơn phủ kín. Quách trong đều được làm bằng gỗ thơm (Ngọc am).

Trên mặt quách thường có một tấm minh tinh bằng dụ đồ thêu tên họ của người quá cố bằng kim tuyến.

Cách sắp xếp trong lòng quan tài cũng tuân theo một quy tắc chặt chẽ. Đóng quan thường có một lớp chèn dày khoảng 4,5cm. Trên lớp chèn có một tấm ván mỏng có khoét rỉ ra chảy xuống lớp chèn dưới đáy quan. ở loại hình táng thức này, người quá cố thường mặc rất nhiều quần áo. Bà Phạm Thị Nguyên Chân mặc tới 35 áo, 18 váy. Thi thể còn được bọc lại bằng hai lớp vải liệm: tiểu liệm và đại liệm. Ngoài mỗi lớp vải liệm còn có dây lụa buộc chặt chẽ.

Để tăng độ hút ẩm và cho thi thể khỏi bị xô dịch, người ta còn dùng rất nhiều gói bông chèn dưới lòng quan. Có mộ đã dùng tới 49 chiếc gói bông.

Đồ tùy táng trong loại hình táng thức này rất nghèo nàn, thường trong mộ chỉ thấy các trái gôm nhỏ đựng móng chân, móng tay, răng rụng, trầu không, thuốc lá, hộp phấn, quạt giấy, đôi khi còn có

thêm cuốn sách Kinh.

Tuyệt đại bộ phận các mộ xác ướp thời Lê -Trịnh đã được khai quật, không tìm thấy bất kỳ một đồ từng táng nào quý giá như vàng, bạc, ngọc, ngà.

Ở những mộ chưa bị phá hoại, kỹ thuật chôn cất rất cẩn thận thì xác và đồ từng táng vẫn còn được bảo quản nguyên vẹn. Thi thể tuy có bị mất nước teo đét lại, nhưng màu da không bị đen, các khớp chân tay còn mềm mại, phần lông không bị rụng hổng. Điều đáng chú ý là, khi khám nghiệm tử thi, các nhà nhân chủng học và y học không tìm thấy bất kỳ một dấu vết mổ xẻ nào trên thân thể. Như vậy là, ruột và óc người chết đã không bị mổ lấy ra như kỹ thuật ướp xác của người Ai Cập thời cổ.

Nguyên nhân nào đã làm cho xác và đồ từng táng không bị tiêu hủy? Sau nhiều năm nghiên cứu, các nhà khảo cổ, nhân chủng học và y học hiện đại đã đi đến kết luận là, có hai nguyên nhân cơ bản:

Một là, mộ được chôn cất trong môi trường kín tuyệt đối. Không có hiện tượng trao đổi bên trong và bên ngoài. Quan, quách (hai lớp) đã đóng vai trò chủ đạo trong yêu cầu kỹ thuật này. Ngoài ra, còn cần phải hạn chế tới mức tối đa không gian trống trong lòng mộ.

Hai là, dầu thơm cũng là một yếu tố quyết định. Dầu thơm đã làm sạch vi khuẩn, dầu trộn với hợp chất, đổ vào lòng quan, quan tài thơm... đã ngăn không cho vi khuẩn, kể cả các vi khuẩn yếm khí tiếp tục hoạt động huỷ hoại xác.

Ngoài ra các phương pháp chống ẩm bằng chè, quần áo, tấm liệm, gói bông cũng đã góp thêm mặt yếu tố gìn giữ xác.

Những kết quả khoa học đào tìm được và các giám định khoa học vừa được trình bày cho thấy: Mộ xác ướp Việt Nam không có gì là bí ẩn cả. mộ xác ướp, một di sản văn hoá cần được bảo vệ

(Hoàng Linh- Trích "Du lịch Việt Nam" số 43)

Về ngôi mộ xác ướp mới phát hiện ở Cát Hanh.

Tháng 8 năm 1984, một ngôi mộ xác ướp được phát hiện trên cánh đồng Mả Vôi thuộc xã Cát Hanh huyện Phù Cát, tỉnh Nghĩa Bình.

Ngôi mộ được táng theo lối trong quan ngoài quách. Quách được xây dựng bằng một hợp chất gồm vôi sống, cát và một số chất kết dính như nhiều ngôi mộ đã phát hiện thời Lê Trịnh và thời Nguyễn. Quan tài bằng gỗ, mặt ngoài trát một lớp ngấn thấm rất kín. Quan tài có chân và nắp là một nửa thân gỗ còn nguyên lớp vỏ bào không nhẵn.

Thi hài chôn trong mộ là một phụ nữ khoảng 60 tuổi, cao 154,5 cm, chân trái bị gãy và liền lại khi còn sống nên ngắn hơn chân phải 3,1cm. Thi thể hầu như còn nguyên vẹn và các khớp xương, nhất là xương sống và các khớp vai còn có thể cử động rất mềm dẻo.

Y trang phục của người chết gồm ba lớp áo mặc, khăn nhiều đội đầu, đội hài da, một chiếc áo dài

màu đen kê dưới tay phải. Vải liệm gồm 7 súc đặt theo chiều dài và súc đặt theo chiều ngang.

Đáy quan tài có một lớp trấu và lúa không sấy, chất gạo còn khá tốt. Giữa nắp quan tài và xác là một lớp là chuối khô. Giấy bản chèn cũng buộc bằng dây chuối khô. Đặc biệt, quan tài chứa một dung dịch ngâm giữ xác có màu nâu trong. Thành phần hoá học của dung dịch chưa xác định được, nhưng không có thủy ngân (Hg) arsenic (as) và tinh dầu thông.

Căn cứ vào gia phả của dòng họ và sự ghi nhận của thân nhân thì chủ ngôi mộ là bà Nguyễn Thị Trọng, vợ thứ ba của ông Lê Văn Thế.

Ngôi mộ ướp xác này là một tư liệu khoa học có giá trị về nhiều phương diện:

- Đây là ngôi mộ ướp xác đầu tiên tìm thấy từ một tỉnh xa nhất về phía nam.

- So với những ngôi mộ ướp xác được phát hiện ở các tỉnh phía Bắc, ngôi mộ này có những đặc điểm riêng cần nghiên cứu như: Nắp quan tài là một nửa thân cây để nguyên vỏ, thi hài ngâm trong dung dịch giữ xác...

- Những di vật trong ngôi mộ phản ánh nghi thức mai táng y trang phục các nghề thủ công, phong tục tập quán và lối sống xã hội đương thời.

- Chủ nhân của ngôi mộ thuộc gia đình Tây Sơn và có quan hệ mật thiết với Tây Sơn nên những di vật đó cũng là những chứng tích về đời sống văn hoá xã hội, kinh tế thời bấy giờ.

(Trích "Quang Trung Nguyễn Huệ- con người và sự nghiệp"- Phan Huy Lê.)

Điều 91 : Ma trời hay ma chơi ?

Tiếng khu Tư gọi là "ma trời", Bắc bộ gọi là "ma chơi". Chúng tôi chưa rõ biến âm hay xuất xứ của ngôn từ ám chỉ loại ma đó "chơi voi", "chơi đùa với trần thế" hay "chêu chọc cho xấu hổ". Nguyễn Du trong " Văn chiêu hồn thập loại chúng sinh" câu:

Lập loè ngọn lửa ma chơi

Tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương.

Nguyễn Văn Thành trong "Văn tế trận vong tướng sĩ" có câu:

Hồn chiến sĩ biết đâu miền minh mạc,

Mịt mù gió lốc thổi dẫu tha hương.

Mặt chinh nhân khôn vẽ nét gian nan,

Lập loè lửa chơi soi chùng cổ độ.

Chúng tôi đã nhìn thấy ma trời và nghe nhiều người kể chuyện ma trời đuổi. Đó là ngọn lửa lập loè yếu nhạt, bập bùng lan toả theo chiều gió, chốc lại biến mất rồi từ chỗ cũ, chốc chốc lại lập loè ngọn lửa xanh nhạt, loáng thoáng bay lên. Theo các cụ già giải thích thì đó là oan hồn của những người chết trận, của những nắm xương vô thừa nhận không người chôn cất, vất vưởng trên bãi chiến trường, trong bãi tha ma, hoặc trên cánh đồng không mông quạnh. Khoa học đã giải thích, chứng minh hiện tượng đó là do chất lân tinh (P) từ trong xương cốt người và xúc vật toả ra gặp ôxy trong khí trời bốc cháy thành ngọn lửa xanh nhạt, ban ngày cũng có nhưng không nhìn thấy.

Tuy được khoa học giải thích rõ không phải là ma, nhưng canh khuya thanh vắng, đi một mình giữa chốn hoang vu mà bị ma chơi đuổi thì cũng thần hồn nát thần tính, có người đâm hoảng loạn mà ốm, phải cúng bái mãi mới lành, có lẽ khỏi bệnh là do tác động tâm lý. Sở dĩ có hiện tượng tưởng là ma trời đuổi là vì khi ta chạy đã tạo nên một luồng không khí cuốn hút ngọn lửa ấy vờn theo.

Điều 92 : Tục « bái vật » là gì ?

Quan niệm cổ xưa không riêng ta mà nhiều dân tộc trên thế giới cho rằng mọi vật do tạo hoá sinh ra đều có linh hồn. Mỗi loại vật, kết cả khoáng vật, thực vật cũng có cuộc sống riêng của nó. Lúc đó người ta chưa phân biệt thế giới hữu sinh và vô sinh. Con người chưa thể lý giải nổi những yếu tố thiên nhiên xung quanh chi phối mình như thế nào nên các vật như hòn đá, thân cây, con vật có quan hệ mật thiết với họ đều được họ tôn thờ như thần linh. Trong ngôn ngữ nhiều nước ở châu Âu (như tiếng Pháp) mọi vật trong tạo hoá hữu hình hay vô hình, cụ thể hay trừu tượng đều mang khái niệm âm dương, đều có giống đực giống cái. Đó là chứng cứ xuất xứ tục bái vật hiện tồn tại ở nhiều dân tộc trên thế giới và một vài dân tộc ở miền núi nước ta.

Ở ta, hòn đá trên chùa, cây đa đầu đình, giếng nước, cửa rừng cũng được nhân dân thờ cúng, coi đó là một biểu tượng, nơi ẩn hiện của một vị thiên thần hoặc nhân thần nào đó. Người ta "Sợ thần sợ cả cây đa" mà cúng cây đa, đó không thuộc vào tục bái vật. Cũng như người ta lễ Phật, thờ Chúa, quỳ trước tượng Phật, tượng Chúa, Lễ Thần, quỳ trước long ngai của Thần, những Thần đó có thần hiệu rõ ràng, chứ không phải lạy khúc gỗ hòn đá như tục bái vật.

Xưa, xa xưa, ta có tục bái vật không? Ngày nay chỉ còn lại vài dấu vết trong phong tục. Thí dụ, bình vôi là bà chúa trong nhà, chưa ai định danh là bà chúa gì, nhưng bình vôi tượng trưng cho uy quyền chúa nhà, nhà nào cũng có bình vôi. Khi con dâu về nhà, mẹ chồng tạm lánh ra ngõ cũng mang bình vôi theo, có nghĩa là tạm lánh nhưng luôn nắm giữ uy quyền. Khi lỡ làm vỡ bình vôi thì đem mảnh bình còn lại cất ở chỗ uy nghiêm hoặc đưa lên đình chùa, không vứt ở chỗ ô uế.

Gỗ chò là loại gỗ quý, gỗ thiêng chỉ được dùng để xây dựng đình chùa, nhà thờ. Nhân dân không ai được dùng gỗ chò làm nhà riêng. Ngày xưa trong đám cưới theo lối cũ về xuôi, nếu có gỗ chò, các cụ còn mặc áo thụng ra lạy, lạy gốc chứ đã phải lạy thần đâu!

Còn như tục kiêng vứt chân hương vào thùng rác hoặc chỗ dơ bẩn, kiêng dùng giấy có chữ Nho vào việc uế tạo người ta cũng thận trọng cất đi, đó là vì ý thức tôn sùng thần linh, cụ thể là đức Khổng Tử, chứ không phải là sợ hồn của chân hương hay tờ giấy. Đó không phải là tục bái vật.

Điều 93 : Lễ giỗ cúng vào ngày nào ?

Lễ cúng giỗ vào đúng ngày mất hay trước ngày mất một ngày ? Có người cho rằng phải cúng vào ngày đang còn sống (tức là trước ngày mất), có người lại cho rằng "trẻ dôi ra, già rút lại", vậy nên chết trẻ thì cúng giỗ đúng ngày chết, còn người già thì cúng trước một ngày. Vậy có câu hỏi: "Người trung niên chết thì cúng vào ngày nào"?

Ngày giỗ theo âm Hán là huý nhật hay kỵ nhật, tức là lễ kỷ niệm ngày mất của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, cũng có nghĩa là ngày kiêng kỵ.

Nguyên ngày trước, "Lễ Giỗ" gọi là "Lễ chính kỵ": chiều hôm trước lễ chính kỵ có "Lễ tiên thường" (Nghĩa là nếm trước), con cháu sắm sanh một ít lễ vật, dâng lên mời gia tiên nếm trước.

Ngày xưa, những nhà phú hữu mời thông gia, bà con làng xóm đến mời ăn giỗ cả hai lễ tiên thường và chính kỵ. Dần dần vì khách đông phải chia ra hai lượt; lại có những nhà hàng xóm mời cả hai vợ chồng nên luân phiên nhau, người đi lễ tiên thường, người đi lễ chính kỵ, ở nông thôn tùy theo thời vụ, muốn "Vừa được buổi cày vừa hay bữa giỗ", buổi chiều đi làm đồng về, sang hàng xóm ăn giỗ tiện hơn nên có nơi lễ tiên thường đông hơn là lễ chính kỵ. Dần dần hoặc vì bận việc hoặc vì kinh tế eo hẹp hoặc vì thiếu người phục dịch, người ta giản lược đi, chỉ mời khách một lần nhưng hương hoa, trầu rượu vẫn cúng cả hai lễ. Một vài nhà làm, những người khác thấy thuận tiện bắt chước, dần dần trở thành tục của địa phương. Việc cúng ngày sống (tức lễ tiên thường vào chiều hôm trước, nguyên xưa chỉ cúng vào buổi chiều vì buổi sáng còn phải mua sắm nấu nướng và ra khấn ở mộ yết cáo với thổ thần, long mạch xin phép cho gia tiên về nhà dự lễ giỗ). Cúng ngày sống hay cúng ngày chết, hay nói cách khác lễ tiên thường hay lễ chính kỵ, lễ nào là lễ quan trọng hơn, chẳng qua đó là cách biện hộ cho phong tục từng nơi.

Kết luận: Nếu vận dụng đúng phong tục cổ truyền phổ biến trong cả nước thì trước ngày chết (lễ tiên thường) phải cúng chiều, cúng đúng ngày chết (lễ chính kỵ) phải cúng buổi sáng kể cả chiều hôm đó mới chết.

Điều 94 : Mấy đời tổng giỗ ?

Theo gia lễ: "Ngũ đại mai thần chủ", hễ đến năm đời thì lại đem chôn thần chủ của cao tổ đi mà nhắc lần tăng tổ khảo lên bậc trên rồi đem ông mới mất mà thế vào thuận chủ ông khảo.

Theo nghĩa cửu tộc (9 đời): Cao, tăng, tổ, phụ (4 đời trên); thân mình và tử, tôn, tăng tôn, huyền tôn (4 đời dưới mình).

Như vậy là có 4 đời làm giỗ (cao , tăng, tổ, phụ) tức là kỵ (hay can), cụ (hay cố), ông bà, cha mẹ.

Từ "Cao" trở lên gọi chung là tiên tổ thì không cúng giỗ nữa mà nhập chung vào kỳ xuân tế, hoặc phụ tế vào ngày giỗ của thủy tổ.

Điều 95 : Chết yếu có cúng giỗ không ?

Có hai trường hợp:

- Những người chết đã đến tuổi thành thân, thần nhân nhưng khi chết chưa có vợ hoặc mới có con gái, chưa có con trai, hoặc đã có con trai nhưng ít lâu sau con trai cũng chết, trở thành pháp tử (không có con trai nối giòng). Những người đó có cúng giỗ. Người lo việc giỗ chạp là người cháu (con trai của anh hoặc em ruột) được lập làm thừa tự. Người cháu thừa tự được hưởng một phần hoặc toàn bộ gia tài của người đã khuất. Sau khi người thừa tự mất thì con cháu người thừa tự đó tiếp tự.
- Những người chưa đến tuổi thành thân (dưới 16 hoặc dưới 18 tuổi, tùy theo tục lệ địa phương) sau khi hết lễ tang yết cáo với tổ tiên xin phụ thờ theo tiên tổ (gọi chung trong các bài văn cúng các bậc tiên gia là: Phụ vị thương vong tòng tự, không đặt linh vị từng vong hồn). Những người đó không có lễ giỗ riêng, ai có cúng giỗ chỉ là ngoại lệ. Có những gia đình bữa nào cũng xới thêm một bát cơm, một đôi đũa đặt bên cạnh mâm, coi như người thân còn sống trong gia đình. Điều này không có trong gia lễ nhưng thuộc vào tâm linh, niềm tưởng vọng đối với thân nhân đã khuất.

Điều 96 : Cúng giỗ mừng ngày sinh ?

Theo tập quán lâu đời, dân ta lấy ngày giỗ (ngày mất) làm trọng, cho nên ngày đó, ngoài việc thăm phần mộ, tùy gia cảnh và tùy vị trí người đã khuất mà cúng giỗ. Đây cũng là dịp thăm người thân trong gia đình, trong chi họ, dòng họ, họp mặt để tưởng nhớ người đã khuất và bàn việc người sống giữ gìn gia phong. Vào dịp đó người ta thường tổ chức ăn uống, nên mới gọi là ăn giỗ, thì cũng gọi là "trước cúng sau ăn", có mất đi đâu, cũng là để cho cuộc họp mặt thêm đậm đà ấm cúng, kéo dài thời gian sinh hoạt, kể chuyện tâm tình, chuyện làm ăn. Mà việc chi phí cũng không dồn lên đầu một ai vì ngoài phần do hương hỏa mà có, mỗi người đều đóng góp bằng tiền mặt hoặc hiện vật, nên mới có từ "góp giỗ", với ý nghĩa trên- "Uống nước nhớ nguồn"- việc đó có thể xếp vào loại thuần phong mỹ tục, nếu như người ta loại bỏ được những hủ tục có tính chất mê tín dị đoan, nếu như không bị lợi dụng một cơ hội cho bọn hãnh tiến khoe của bằng mâm cao cỗ đầy, sơn hào hải vị, cho những ông tham nhũng dựa vào chức quyền nhận lễ giỗ hậu hĩ, một thứ đút lót trá hình.

Chính vì thế theo phong tục đó mà nhà nước ta đã giữ gìn việc tổ chức trang nghiêm ngày giỗ của các vị anh hùng dân tộc có công dựng nước và giữ nước như ngày giỗ tổ Hùng Vương, hội đền Kiếp Bạc... Cho nên, theo tôi, giữ gìn tục lệ đó theo ý nghĩa trong sáng của nó không có gì phải bàn.

Thế còn ngày sinh ?

Phương tây có tập quán mừng ngày sinh là chính.

Tôn giáo Đông Tây cũng coi trọng ngày sinh, Phật giáo có ngày "Bụt sinh Bụt đẻ" (Phật Đản 8-4 Âm Lịch), Ki tô giáo có ngày Chúa giáng sinh (Nô- en 25-12 Dương lịch). Do giao lưu văn hóa, giao tiếp quốc tế, Nhà nước ta đã tiếp nhận tập quán quốc tế đó nên đã tổ chức trọng thể ngày sinh Bác Hồ, Mừng thọ các nhà lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước.

Từ khi ra đời, các hội thọ hàng năm thường tổ chức mừng thọ cho các cụ vào những năm chẵn 70, 75, 80... Một số đoàn thể cũng tổ chức mừng thọ cho hội viên của mình. Việc tổ chức mừng thọ có tính chất đại trà, không đúng ngày đó không thể thay thế cho việc mừng thọ đúng ngày sinh, ấm cúng trong gia đình. Cho nên, tôi nghĩ rằng các gia đình chúng ta nên tổ chức mừng ngày sinh cho mọi thành viên trong gia đình, đặc biệt lưu ý đến ông bà già là những người đang cảm thấy cô đơn. Hiện nay rất nhiều gia đình đã tổ chức mừng ngày sinh con, thường là hai cháu, nay thêm hai vợ chồng, một năm bốn lần mừng ngày sinh, dư dật thì có mâm cơm thịnh soạn, tặng phẩm thơm tất, thiếu thốn thì bữa cơm tươi hơn thường ngày, quà tặng giản đơn. Người còn cha mẹ nếu ở chung thì thêm hai lần ăn mừng ngày sinh, cũng từng tiệm như trên. Nếu ở riêng thì đồng quà tấm bánh vừa với túi tiền tặng cha mẹ, cốt thể hiện tấm lòng ưu ái, tặng thêm sự ấm cúng trong gia đình, giúp tuổi già đỡ cảm thấy cô đơn. Mừng ngày sinh một cách giản dị như vậy thiết tưởng cũng không phải cái gì cao xa ngoài tầm tay của những gia đình còn thiếu thốn. Cũng cần thêm một lý do nữa khiến ta coi trọng ngày sinh là bản thân người đó được hưởng khi còn sống, dù là một món ăn tươi còn hơn mâm cao cỗ đầy cúng vái khi sang thế giới bên kia. ở chỗ này có thể nhắc đến một lời chê bai của người xưa:

Khi sống thì chẳng cho ăn

Đến khi chết xuống làm văn tế ruồi

(Đặng Văn Phủng - Trích "Hà nội mới chủ nhật ", số 119)

Lời bàn thêm của tác giả:

Chúng tôi trích dẫn bài trên của ông Đặng Văn Phủng và có lời bàn thêm sau đây:

Lễ giỗ được xếp vào loại thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Mừng ngày sinh là phong tục Âu Tây có ý nghĩa hay. Theo phân tích của ông Phủng thì kỷ niệm ngày sinh hay hơn là giỗ. Ngặt vì mấy ai nhớ đến ngày sinh của bản thân mình. Trước năm 1945 cũng chưa dễ mấy ai biết chính xác, trừ một số ít con công chức cũ ăn lương phải có giấy khai sinh chính thức hoặc ai còn may mắn giữ được lá sổ tử vi, ngược lại hầu hết các gia đình còn ghi nhớ ngày giỗ của cha mẹ, ông bà. cụ kỵ. Dầu cho khi cha mẹ còn sống, con cháu đã được tổ chức kỷ niệm ngày sinh, nhưng nhớ đến ngày ông bà cha mẹ qua đời, mà trên bàn thờ hương tàn khói lạnh cũng cảm thấy áy náy trong lòng.

Vì vậy ở nước ta, nhà nào tổ chức kỷ niệm ngày sinh càng hay, nhưng chưa có nhà nào bỏ được lễ giỗ.

Điều 97 : Tết nguyên đán có từ bao giờ ?

Nguồn gốc Tết Nguyên Đán, hay nói ngắn hơn là Tết có từ đời Ngũ Đế, Tam Vương.

Đời Tam Vương, nhà Hạ, chuộng màu đen, nên chọn tháng đầu năm, tức tháng Giêng, nhằm tháng Dần.

Nhà Thương, thích màu trắng, lấy tháng Sửu (con trâu), tháng chạp làm tháng đầu năm.

Qua nhà Chu (1050-256 trước công nguyên), ưa sắc đỏ, chọn tháng Tý (con chuột), tháng mười một làm tháng Tết.

Các vua chúa nói trên, theo ngày giờ, lúc mới tạo thiên lập địa: nghĩa là giờ Tý thì có trời, giờ Sửu thì có đất, giờ Dần sinh loài người mà đặt ra ngày tết khác nhau.

Đến đời Đông Chu, Không Phu Tử ra đời, đổi ngày tết vào một tháng nhất định: tháng Dần.

Mãi đến đời Tần (thế kỷ III trước Công nguyên), Tần Thủy Hoàng lại đổi qua tháng Hợi (con lợn), tức tháng Mười.

Cho đến khi nhà Hán trị vì, Hán Vũ Đế (140 trước Công nguyên) lại đặt ngày Tết vào tháng Dần (tức tháng Giêng) như đời nhà Hạ, và từ đó về sau, trải qua bao nhiêu thời đại, không còn nhà vua nào thay đổi về tháng Tết nữa.

Đến đời Đông Phương Sóc, ông cho rằng ngày tạo thiên lập địa có thêm giống Gà, ngày thứ hai có thêm Chó, ngày thứ ba có Lợn, ngày thứ tư sinh Dê, ngày thứ năm sinh Trâu, ngày thứ sáu sinh Ngựa, ngày thứ bảy sinh loài Người và ngày thứ tám mới sinh ra ngũ cốc.

Vì thế, ngày Tết thường được kể từ ngày mùng Một cho đến hết ngày mùng bảy.

* (Trích bài "Tết Nguyên Đán" của Nguyễn Đình Khang)

Điều 98 : Ngày tết có những phong tục gì ?

Dân tộc ta có nhiều ngày Tết. Tết là cách nói tắt hai chữ lễ tiết. Có Tiết Thương Nguyên, Trung Nguyên, Hạ Nguyên, Thanh Minh, Đoan Ngọ, Trung Thu... Ngày tết nêu ở đây tức là nói tắt Lễ tiết Nguyên Đán (ngày đầu năm).

Ngày Tết, dân tộc ta có nhiều phong tục hay, đáng được gọi là thuần phong như khai bút, khai canh, hái lộc, chúc tết, du xuân, mừng thọ... Từ trẻ đến già ai ai cũng biết, không nhắc thì thanh thiếu niên cũng mua cho được cành hoa bánh pháo, nghèo cũng có chiếc bánh chưng, chai rượu. Vì vậy xin miễn liệt kê dài dòng, để trao đổi một vài phong tục đáng được duy trì phát triển.

Tổng cự nghênh tân: cuối năm quét dọn sạch sẽ nhà cửa, sân ngõ, vứt bỏ những thứ rác rưởi, cùng làng xóm dọn dẹp nhà thờ, đình chùa, đường sá phong quang, tắm giặt, cắt tóc, may sắm quần áo mới, trang trí bàn thờ, lau chùi bàn ghế ẩm chén và mọi thứ thức ăn vật dụng.

Nhiều gia đình nhắc nhở, dặn dò con cháu từ phút giao thừa trở đi không quấy khóc, không nghịch ngợm, cãi cọ nhau, không nói tục chửi bậy, không vứt rác viết vẽ bừa bãi. Cha mẹ, anh chị cũng không quở mắng, tra phạt con em, đối với ai cũng tay bắt mặt mừng, vui vẻ niềm nở dầu lạ dầu quen.

Đối với bà con xóm giềng dù trong năm cũ có điều gì không hay không phải, điều nặng tiếng nhẹ hay xích mích gì đều xúi xoa hết. Dầu có thực lòng hay không nhưng không để bụng, cũng không ai nói khích bác hoặc bóng gió, ác ý gì trong những ngày đầu năm. Dầu mới gặp nhau ít phút trước, nhưng sau phút giao thừa coi như mới gặp, người ta chúc nhau những điều tốt lành.

Hái lộc, xông nhà, chúc tết, mừng tuổi: ai cũng hy vọng một năm mới tài lộc dồi dào, làm ăn thịnh vượng, mạnh khỏe tiến bộ, thành đạt hơn năm cũ. Lộc tự nhiên đến, đi hái lộc (chỉ là một cành non ở đình chùa, ở chốn tôn nghiêm mang về nhà), tự mình xông nhà hoặc dặn trước người "Nhẹ vía" mà mình thích đến xông nhà. Bạn nào vinh dự được người khác mời đến xông thì nên chú ý, chớ có sai hện sẽ xúi quẩy cả năm đối với gia đình người ta và cả đối với bạn. ở thành thị thời trước, sáng mùng một, có một số người nghèo gánh một gánh nước đến các gia đình giàu có lân cận và chúc họ "Lộc phước dồi dào". Những người này được thưởng tiền rất hậu. Nhiều người không tin tục xông nhà nhưng cũng phải dè dặt, chưa dám đến nhà ai sớm, sợ trong năm mới gia đình người ta xảy ra chuyện gì không hay đổ tại mình "Nặng vía". Chính vì vậy, đáng lẽ sáng mùng một đông vui lại hoá ít khách, trừ những nhà đã tự xông nhà, vì tục xông nhà chỉ tính người đầu tiên đến nhà, từ người thứ hai trở đi không tính.

Sau giao thừa có tục mừng tuổi chúc Tết. Trước hết con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ. Ông bà cha mẹ cùng chuẩn bị một ít tiền để mừng tuổi cho con cháu trong nhà và con cháu hàng xóm láng giềng, bạn bè thân thích. Lời chúc có ca có kệ hân hoan nhưng xem người ta thích nhất điều gì thì chúc điều đó, chúc sức khỏe là phổ biến nhất. Chú ý tránh phạm tên húy gia tiên, tránh nhắc tới lỗi lầm sai phạm cũ, xưng hô hợp với lứa tuổi và quan hệ thân thuộc. Chúc Tết nhưng người trong năm cũ gặp rủi ro tai hoạ thì động viên nhau "Của đi thay người", "Tai qua nạn khỏi", nghĩa là ngay trong cái hoạ cũng

tìm thấy cái phúc, hướng về sự tốt lành. Kể cả đối với người phạm tội vẫn với thái độ nhẹ nhàng, khoan dung. Nhưng, nhìn chung trong những ngày đầu năm, người ta kiêng không nói tới điều rủi ro hoặc xấu xa.

Quanh năm làm ăn vất vả, ít có điều kiện qua lại thăm hỏi nhau, nhân ngày Tết đến chúc mừng nhau, gắn bó tình cảm thật là đậm đà ý vị; hoặc điều thuốc miếng trầu, hoặc chén trà ly rượu, chẳng tốn kém là bao. Hiếm một nơi, nhiều người còn quá câu nệ, công thức ruộm rà, không chủ động được kế hoạch. Nhiều vùng nông thôn, lễ đến chúc Tết nhau nhất thiết phải nâng ly rượu, ném vài món thức ăn gì đó chủ mời vui lòng, năm mới từ chối sợ bị giong cả năm.

Quà Tết, lễ Tết: Bình thường qua lại hỏi thăm nhau có khi cũng có quà, biểu lộ mối ân tình, nhưng phong tục ta đi lễ Tết vẫn có ý nghĩa hơn, nhất là đi trước Tết càng quý. Loại trừ động cơ hồi lộ quan trên để cầu danh cầu lợi thì việc biếu quà Tết, tỏ ân nghĩa tình cảm là điều đáng quý. Học trò tết thầy giáo, bệnh nhân tết thầy thuốc, con rể tết bố mẹ vợ... quà biếu, quà Tết đó không đánh giá theo giá thị trường. Nhưng cũng đừng nên gò bó, câu nệ sẽ hạn chế tình cảm: Không có quà, ngại không dám đến. Dân tộc ta tuy nghèo nhưng vẫn trọng nghĩa tình, "Lời chào cao hơn mâm cỗ".

Lễ mừng thọ: ở các nước Tây Âu thường mừng thọ vào dịp kỷ niệm ngày sinh, ở ta ngày xưa ít ai nhớ chính xác ngày sinh tháng đẻ nên vào dịp đầu xuân thường tổ chức mừng thọ lục tuần, thập tuần, cửu tuần... tính theo tuổi mụ. Ngày tết ngày Xuân cũng là dịp mọi người đang rảnh rỗi, con cháu tụ tập đông vui.

Cũng vào dịp đầu xuân, người có chức tước khai ấn, học trò sĩ phu khai bút, nhà nông khai canh, thợ thủ công khai công, người buôn bán mở hàng lấy ngày: Sĩ, Nông, Công, thương "Tứ dân bách nghệ" của dân tộc ta vốn cần cù, ai cũng muốn năm mới vận hội hành thôn làm ăn suôn sẻ, đầu xuân chọn ngày tốt đẹp, bắt tay lao động sớm, tránh tình trạng cờ bạc, rượu chè, hội hè đình đám, vui chơi quá đà. Sau ngày mùng một, dù có mãi vui tết, hoặc còn kế hoạch du xuân, đón khách, cũng chọn ngày "Khai nghề", "Làm lấy ngày". Nếu như mùng một là ngày tốt thì chiều mùng một đã bắt đầu. Riêng khai bút thì giao thừa xong, chọn giờ hoàng đạo bắt đầu không kể mùng một là ngày tốt hay xấu. Người thợ thủ công nếu chưa ai thuê mướn đầu năm thì cũng tự làm cho gia đình mình một sản phẩm, dụng cụ gì đó (nguyên vật liệu đã chuẩn bị sẵn). Người buôn bán, vì ai cũng chọn ngày tốt nên phiên chợ đầu xuân vẫn đông, mặc dầu người bán chỉ bán lấy lệ, người đi chợ phần lớn là đi chơi xuân.

Cờ bạc: Ngày xưa các gia đình có nề nếp quanh năm cấm đoán con cháu không được cờ bạc rượu chè nhưng trong dịp tết, nhất là tối 28, 29; gia đình quây quần bên nồi bánh chưng thì ông bố cho phép vui chơi, có cả trẻ con người lớn những nhà hàng xóm, những gia đình thân cận cùng vui. Tam cúc, cơ gánh, cờ nhảy, cờ tướng, kiệu, chắn, tổ tôm... ai thích trò nào chơi trò ấy. Để lễ khai hạ, tiễn đưa gia tiên, coi như hết Tết thì xé bộ tam cúc, thu bàn cờ tướng, cất bộ tổ tôm hoặc đốt luôn khi hoá vàng.

Tóm lại, ngày Tết là ngày tiêu biểu cho truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Giá như phát huy thuần phong mỹ tục đó, từ gia đình ra xã hội, ai ai cũng đối xử với nhau trên thuận dưới hoà, kính già yêu trẻ... thì đất nước quê hương sẽ tươi đẹp, giàu mạnh, bộ máy pháp luật bớt đi bao nhiêu khó khăn.

Điều 99 : Vì sao có tục kiêng hót rác đổ đi trong 3 ngày tết ?

Trong "Sưu thần ký" có chuyện người lái buôn tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một con hàu tên là Như Nguyệt, đem về nhà được vài năm thì giàu to. Một hôm, nhân ngày mùng một Tết, Âu Minh đánh nó, nó chui vào đồng rác mà biến mất, từ đó nhà Âu Minh lại nghèo đi. Kể từ đó kiêng không dám hót rác ngày Tết.

Tục kiêng hót rác ba ngày Tết nên ngày 30, đầu bận rộn đến đâu cũng phải dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ và những ngày Tết thì mọi người phải hết sức giữ gìn nhà cửa không vứt rác bừa bãi.

Điều 100 : Tại sao cúng giao thừa ngoài trời ?

Dân tộc nào cũng coi phút giao thừa là thiêng liêng. Các cụ ta quan niệm: Mỗi năm Thiên đình lại thay toàn bộ quan quân trông nom công việc dưới hạ giới, đứng đầu là một ngài có vị trí như quan toàn quyền. Năm nào quan toàn quyền giỏi giang anh minh, liêm khiết thì hạ giới được nhờ như: Được mùa, ít thiên tai, không có chiến tranh, bệnh tật... Trái lại, gặp phải ông lười biếng kém cỏi, tham lam... thì hạ giới chịu mọi thứ khổ. Và các cụ hình dung phút giao thừa là lúc bàn giao, các quan quân quản hạ giới hết hạn kéo về trời và quan quân mới được cử thì ào ạt kéo xuống hạ giới tiếp quản thiên hạ.

Các cụ cũng hình dung phút ấy ngang trời quân đi, quân về đầy không trung tấp nập, vội vã (nhưng mắt trần ta không nhìn thấy được), thậm chí có quan, quân còn chưa kịp ăn uống gì.

Nhưng phút ấy, các gia đình đưa xôi gà, bánh trái, hoa quả, toàn đồ ăn nguội ra ngoài trời cúng, với lòng thành tiễn đưa người nhà trời đã cai quản mình năm cũ và đón người nhà trời mới xuống làm nhiệm vụ cai quản hạ giới năm tới. Vì việc bàn giao, tiếp quản công việc hết sức khẩn trương nên các vị không thể vào trong nhà khề khà mâm bát mà chỉ có thể dùng vài giây ăn vội vàng hoặc mang theo, thậm chí chỉ chứng kiến lòng thành của chủ nhà. Ví cứ tưởng tượng thêm thắt các hình ảnh nhà trời theo mình như vậy nên nhiều nhà có cửa đua nhau cúng giao thừa rất to và nghĩ cách làm mâm cúng giao thừa nổi lên bởi những của ngon vật lạ, trang trí cầu kỳ để các quan chú ý, quan tâm đến chủ hảo tâm mà phù hộ cho họ với những ưu ái đặc biệt.

Biết thấu tâm lý của người giàu, các cụ ta đã có nhiều câu chuyện răn đời để người ta hiểu rằng: Các quan mặc dầu phút bàn giao bận rộn khẩn trương nhưng vì là... người nhà trời nên có tài thấu hiểu ngay "Ruột gan" của gia chủ. Nếu có ý cầu lợi, mua chuộc, đút lót, các vị chỉ nhìn dấu hiệu ở khói hương, lửa đèn là biết ngay, và lập tức các vị đồng thẳng, không thèm ngó ngang gì đến vật cúng giao thừa của các nhà cầu lợi ấy. Trái lại, những nhà chân chất, thật thà, sống bằng lao động, ăn ở tử tế thì có khi chỉ cần chén rượu, nén hương (như thổ công đánh tín hiệu qua hương đèn), các vị có chức trách biết ngay mà vui vẻ thưởng thức, dốc lòng phù hộ.

Điều 101 : Tại sao có tết « Hàn Thực » ?

Theo phong tục cổ truyền, ngày mùng 3 tháng 3 tức Tết Hàn Thực, ta làm bánh chay. Tết này có xuất xứ từ bên Trung Quốc, làm giỗ ông Giời Tử Thôi, một hiền sĩ có công phò Tần Văn Công, bị chết cháy ở núi Diên Sơn. Cũng như ngày mùng năm tháng năm tết Đoan Dương cũng xuất xứ từ bên Trung Quốc làm giỗ ông Khuất Nguyên bị chết trôi ở sông Mịch La. Ngày nay người Trung Quốc đã bỏ lễ đó mà ta còn giữ mãi.

Đành rằng dân ta theo tục đó nhưng khi cúng chỉ cúng gia tiên nhà mình, chẳng nhắc gì tới ông Giời Tử Thôi hay Khuất Nguyên nữa.

Ở nước ta có bao nhiêu lương thần, dũng tướng, hiền sĩ có công huân với dân với nước mà chẳng được kỷ niệm trọng thể bằng hai ông người nước ngoài nói trên. Ngày 10 tháng 3, sao bao nhiêu đời nay vẫn không chuyển đổi được để mọi nhà, mọi làng xã làm giỗ tổ Hùng Vương có ý nghĩa hơn không! Thật đúng như câu tục ngữ "Mồ cha không khóc, khóc tổ mối"!

Điều 102 : Tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) có những phong tục gì ?

Ở nước ta, Tết Đoan Ngọ được coi trọng, xếp vào hàng thứ hai sau Tết Nguyên Đán. Vì vậy các cụ thường nói "Mùng 5 ngày Tết". Học trò tết thầy, còn rể tết bố mẹ vợ... quanh năm cũng chỉ tập trung vào hai lễ Tết đó.

Tết Đoan Dương còn nhiều tục lưu truyền đến nay; sáng sớm cho trẻ ăn hoa quả, rượu nếp, trứng luộc, bôi hồng hoàng vào thóp đầu, vào ngực, vào rốn để giết sâu bọ. Người lớn thì giết sâu bọ bằng cách uống rượu (hoà ít tam thân đơn) hoặc ăn rượu nếp. Trẻ em giết sâu bọ xong khi còn ngồi trên giường, rồi rửa mặt mũi, chân tay xong bắt đầu nhuộm móng tay móng chân, đeo chỉ ngũ sắc. Em gái đến độ tuổi xâu lỗ tai cũng chọn ngày này mà xâu. Vì là đoan ngo nên lễ cúng gia tiên phải cúng vào giờ ngo (buổi trưa). Tục hái thuốc mùng năm cũng bắt đầu từ giờ ngo, đó là giờ có dương khí tốt nhất trong cả năm, lá cây cỏ thu hái được trong giờ đó có tác dụng chữa bệnh tốt, nhất là các chứng ngoại cảm, các chứng âm hư. Người ta hái bất kỳ loại lá gì có sẵn trong vườn, trong vùng, miễn sao đủ trăm loại, nhiều ít không kể. Tuy vậy, nhân dân ta quen dùng thảo mộc chữa các chứng bệnh, biết phân biệt loại có độc, chẳng hạn lá ngón, cà độc dược, lá sắn... dẫu người nặng đầu óc mê tín cũng chẳng dám hái. Ngược lại, các cây cỏ chữa bệnh thông thường có tác dụng trừ phong ích khí thì hái nhiều hơn như ích mẫu, ngải cứu, sả, tử tô, kinh giới, lá tre, lá bưởi, cam, chanh, quýt, mít, muỗm, hành, tỏi, gừng, chè, ôi, trầu không, sài đất, sống đời, bồ công anh, sen, vông, lạc tiên, nhọ nồi...

Điều 103 : Có ngày tốt hay xấu không ?

Viết về phong tục cổ truyền mà cổ tình làng tránh vấn đề này, ắt không thoả mãn yêu cầu của số đông bạn đọc, vì lễ cưới, lễ tang, xây nhà dựng cửa, khai trương, xuất hành... còn nhiều người, nhiều nơi chú trọng ngày lành. Đó là một thực tế. Ngặt vì có một số người bài bác hẳn, cho là gieo rắc mê tín dị đoan; một số khác lại quá mê tín, nhất là việc lớn việc nhỏ, việc gì cũng chọn ngày, từ việc mua con lợn, làm cái chuồng gà, cắt tóc cho con, đi khám bệnh... mọi điều may rủi đều đổ lỗi cho việc không chọn ngày, chọn giờ. Một số đông khác tuy bản thân không tin nhưng chiều ý số đông, làm ngoa để cho vợ con đi tìm thầy lễ, thầy cúng định ngày giờ xét thấy không ảnh hưởng gì nhiều, hơn nữa, để tránh tình trạng sau này lỡ xảy ra sự gì không lành lại đổ lỗi cho mình "Báng". Thế tất một năm, năm mười năm, đối với một người đã đành, đối với cả nhà, cả chi họ làm sao hoàn toàn không gặp sự rủi ro!. ngày tốt, ngày xấu về khí hậu thời tiết thì dự báo của cơ quan khí tượng là đáng tin cậy nhất. Khoa học đã dự báo được hàng trăm năm những hiện tượng thiên nhiên như nhật thực, nguyệt thực, sao chổi, sao băng... chính xác đến từng giờ phút. Nhưng tác động của tự nhiên sẽ tạo nên hậu quả xấu đối với từng người, từng việc, từng vùng ra sao, đó còn là điều bí ẩn. thời xưa, các bậc trí giả tranh cãi nhiều vẫn chưa ngã ngũ nên ai tin cứ tin, ai không tin thì tùy "Linh tại ngã, bất linh tại ngã" (cho rằng thiêng cũng đã tự mình ra, cho rằng không thiêng, cũng tự mình ra), "Vô sư vô sách, quỷ thần bất trách" (không biết vì không có thầy, không có sách, quỷ thần cũng không trách).

Thực tế, có ngày mọi việc mọi điều đều thành công, nhiều điều may mắn tự nhiên đưa tới; có ngày vất vả sớm chiều mà chẳng được việc gì, còn gặp tai nạn bất ngờ. Phép duy vật biện chứng giải thích đó là qui luật tất nhiên và ngẫu nhiên. Trong tất nhiên có yếu tố ngẫu nhiên, trong ngẫu nhiên cũng có yếu tố tất nhiên. Lý luận thì như vậy nhưng có bạn đọc cũng muốn biết cụ thể trong tháng này, ngày nào tốt, ngày nào xấu, ngày nào tốt cho việc làm nhà, cưới vợ, tang lễ phải chánh giờ nào...Đa số bà con ta vẫn nghĩ "có thờ có thiêng, có kiêng có lành", nhất là khi điều khiêng đó không ảnh hưởng gì mấy tới công việc cũng như kinh tế...

Thời xưa, mặc dầu có người tin, có người không tin, toà Khâm thiên giám ban hành "Hiệp kỷ lịch", mà số người biết chữ Hán khá nhiều nên phần đông các gia đình cứ dựa vào đó mà tự chọn ngày giờ. Thời nay, rải rác ở các làng xã, còn sót lại một vài người còn biết chữ Hán nhưng sách vở cũ hầu như không còn, các gia đình muốn xem ngày giờ để định liệu những công việc lớn đành mất công tốn của tìm thầy. Khốn nỗi, mỗi thầy phán một cách, chẳng biết tin ai. Đã có trường hợp, bốn ông bà thông gia vì việc chọn ngày tốt xấu, tuổi hợp tuổi xung, tranh cãi nhau phải chia tay để lại mối hận tình. Gần đây trên thị trường xuất hiện cuốn sách viết về cách xem ngày tính giờ. Cũng có tác giả có kiến thức, có tư liệu, viết rất thận trọng, nhưng ngược lại có người viết rất cẩu thả, dựa theo thị hiệu thương trường, vô căn cứ với động cơ kiếm tiền bất chính. Có cuốn sách tốt xấu, thực hư lẫn lộn, không có tên nhà xuất bản, không có tên tác giả, không ghi xuất xứ của tư liệu...Cùng một ngày, cuốn này, ghi nên xuất hành, cưới hỏi, cuốn khác ghi kỵ xuất hành, cưới hỏi, làm người xem rất hoang mang. "Sư nói sư phải, vãi nói vãi hay", biết tin vào đâu? Biết tìm ai mà hỏi?

Để đáp ứng nhu cầu của một số bạn đọc, chúng tôi xin trích dẫn một số tư liệu khoa học và toàn văn bài "Xem ngày kén giờ" của học giả Phan Kế Bính đăng trong cuốn "Việt Nam phong tục" xuất bản

năm 1915, tái bản năm 1990 tại nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh và chúng tôi xin có phần chủ giải (cũng bằng những câu hỏi). Nhưng trước khi xem nên nhắc lại các bạn: "Khi gia đình có việc hệ trọng, cần nhiều người tham dự thì càng thận trọng càng hay, nhưng chớ quá câu nệ nhiều khi nhờ việc. Mỗi người một thuyết, mỗi thầy một sách, rối rắm quá, có khi cả tháng không chọn được ngày tốt. Xem như trong cuốn "Ngọc hạp kỷ yếu" không có một ngày nào hoàn toàn tốt, hoặc hoàn toàn xấu đối với mọi người, mọi việc, mọi địa phương.

Có ngày tốt ngày xấu không?

Có những bạn đọc hỏi: Chúng ta đã từng phê phán và sẽ tiếp tục phê phán mọi loại thầy bói, mê tín dị đoan, bịp bợm. Nhưng gần đây lại thấy nhiều người bảo: Khoa học có thể tính toán để biết trước ngày tốt, ngày xấu, thực hư ra sao?

Thầy bói là người hành nghề mê tín, biết nắm tâm lý. "Bắt mạch" đối tượng (qua nét mặt, lời nói, chi tiết trình bày và những câu thăm dò...). Nhưng bài viết này không nói về họ mà chỉ điếm qua những điều khoa học dự tính để biết trước ngày lành, tháng tốt... của mỗi người.

Nhịp sinh học - đặc điểm của sự sống: Nghiên cứu mọi cơ thể sống đều thấy hoạt động của chúng không phải lúc nào cũng giống lúc nào mà có khi mạnh khi yếu, khi nhanh khi chậm... Những thay đổi đó nhiều khi xảy ra rất đều đặn và liên tiếp thành chu kỳ, còn gọi là nhịp sinh học: Có nhịp ngày đêm, nhịp tháng (liên quan đến âm lịch) nhịp mùa xuân, hạ, thu, đông... Các nhịp sinh học có tính di truyền. Pháp hiện ra các nhịp sinh học người ta nhận thấy các quá trình sinh lý trong cơ thể có thể biến đổi theo thời gian. Sự biến cố đó có tính chất chu kỳ và tuần hoàn (lặp đi lặp lại khá đều đặn).

Nghiên cứu về sự chết và tỷ lệ chết của con người, thấy có nhiều biến đổi tùy thuộc vào nguyên nhân gây chết. Thí dụ: Vào khoảng 3-4 giờ sáng áp suất máu thấp nhất, não được cung cấp lượng máu ít nhất nên người bệnh hay bị chết nhất. Các cơn động kinh thường có giờ. Bệnh nhân hen cũng thường lên cơn hen về đêm vào khoảng 2-4 giờ sáng (trùng với thời gian bài tiết cóc- ti-cô-ít ra nước tiểu xuống tới mức thấp nhất). Cơn hen về đêm nặng hơn cơn hen ban ngày. Những biến đổi có tính chất chu kỳ hàng năm thì có nguy cơ chết về đau tim cao nhất là vào tháng giêng đối với một số nước ở bán cầu phía Bắc. Cao điểm hàng năm của các vụ tự tử ở bang Min-ne-so-ta cũng như ở Pháp là vào tháng 6. Hai nhà khoa học An-đơ-lô-ơ và Mét đã phân tích 3620 trường hợp tai nạn lao động và thấy làm ca đêm ít tai nạn hơn làm ca sáng và chiều.

Ngày vận hạn của mỗi người: Trên cơ sở tính toán ảnh hưởng của các yết tố vũ trụ lên trái đất và bằng phương pháp tâm sinh lý học thực nghiệm, người ta đã rút ra kết luận là từ khi ra đời, cuộc sống của mỗi người diễn ra phù hợp với ba chu kỳ riêng biệt: Chu kỳ thể lực: 23 ngày, chu kỳ tình cảm 28 ngày, chu kỳ trí tuệ 33 ngày. Mỗi chu kỳ gồm hai bán chu kỳ dương và âm. Bán chu kỳ dương (1/2 số ngày của đầu chu kỳ) được đặc trưng bằng sự tăng cường khả năng lao động. Còn bán chu kỳ âm (1/2 số ngày cuối chu kỳ) thì các hiện tượng đều ngược lại. Cả ba chu kỳ trên đều chuyển tiếp từ bán chu kỳ dương sang bán chu kỳ âm. Ngày trùng với điểm chuyển tiếp này là ngày xấu nhất của mỗi chu kỳ. Thực tế đã chứng minh: Đối với chu kỳ tình cảm, vô có. Đối với chu kỳ trí tuệ, đó là ngày đăng trí, khả năng tư duy kém. Đặc biệt đối với chu kỳ thể lực, đó là ngày thường xảy ra tai nạn lao động. Đối với hai chu kỳ, số ngày chuyển tiếp trùng nhau chỉ xảy ra một lần trong một năm. Ngày trùng hợp đó của ba chu kỳ là ngày xấu nhất, có thể coi là ngày "Vận hạn" của mỗi người.

Nếu biết ngày, tháng, năm sinh của mỗi người, nhờ máy tính điện tử có thể dễ dàng xác định được các chu kỳ, điểm chuyển tiếp và sự trùng hợp điểm chuyển tiếp giữa các chu kỳ.

Công ty giao thông của Nhật Bản Omi Reilvei đã áp dụng thành tựu vào bảo vệ an toàn giao thông. Họ đã xác định các chu kỳ, các điểm chuyển tiếp giữa các chu kỳ của từng người lái và báo cho lái xe biết trước những "ngày xấu" để họ phòng tránh. Nhờ đó số tai nạn giao thông ở Nhật Bản đã giảm đi rất nhiều, đặc biệt vào đầu năm áp dụng (1969-1970) số tai nạn giao thông đã giảm hẳn 50%.

Theo Cup-ria-nô-vích (Liên Xô cũ) thì giả thuyết về nhịp tháng của các quá trình sinh học xác định ba trạng thái của cơ thể, không chỉ áp dụng ở Nhật Bản mà còn được áp dụng ở nhiều nước Tây Âu vào công tác an toàn, giao thông nói riêng, an toàn lao động nói chung.

Các vấn đề trên đây không phải là "thầy bói nói mò" mà dựa vào một dữ kiện thực tế nhất định. Nó cũng phù hợp với nhận thức về mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố địa vật lý vũ trụ với các quá trình hoạt động chức năng của cơ thể.

(Bác sĩ Vũ Định- Trích báo "Hà nội mới chủ nhật" số 73)

Vua Trần Minh Tông với việc chọn ngày làm lễ an táng mẹ.

Năm 1332 Thuận thánh Bảo từ Hoàng Thái Hậu mất. Con là Thượng Hoàng Minh Tông lúc đó đã nhường ngôi cho con là Hiến Tông. Thượng hoàng sai các quan chọn ngày chôn cất. Có người tâu rằng: "Chôn năm nay tất hại người tể chủ". Thượng hoàng hỏi : "Người biết sang năm ta nhất định chết à ?". Người ấy trả lời không biết. Thượng hoàng lại hỏi: "Nếu sang năm trở đi ta chắc chắn không chết thì hoán việc chôn mẫu hậu cũng được, nếu sang năm ta chết thì lo xong việc chôn cất mẫu hậu chẳng hơn là chết mà chưa lo được việc đó ư? Lễ cát, lễ hung phải chọn ngày là vì coi trọng việc đó thôi, chứ đâu phải câu nệ họa phúc như các nhà âm dương".

Rốt cuộc vẫn cử hành lễ an táng.

Điều 104 : Xem ngày kén giờ

Việc cưới xin, việc làm nhà cửa, việc vui mừng khai hạ, việc xuất hành đi xa, việc khai trương cửa hàng, cửa hiệu, việc gieo mạ cấy lúa, việc tế tự, việc thương biểu, việc nhập học, việc xuất quân, việc an táng... việc gì thường cũng bắt đầu làm việc gì, hoặc động thổ hoặc xuất hành, hoặc khai bút, khai ấn... lại cần xem ngày lành. Đến những việc vụn vặt như cạo đầu xỏ tai cho trẻ thơ, việc tắm gội, may áo... cũng có người cẩn thận quá trong kén ngày.

Kén thì phải xem đến lịch. Sách lịch do toà khâm thiên giám soạn ra. Mỗi năm về ngày mồng một tháng chạp, Hoàng Đế ngự điện khai trào, các quan Khâm thiên giám cung tiến Hiệp Kỷ Lịch, rồi khâm mạng vua mà ban lịch khắc nơi...

... Ban lịch trọng thể nhất là để cho thiên hạ biết chính xác nhất tiết khí, tháng thiếu tháng đủ, ngày tốt ngày xấu, để tuân hành được đều nhau.

Đại để ngày nào có nhiều sao cát tinh như thiên đức, nguyệt đức, thiên ân, thiên hỷ... hoặc là ngày trực khai, trực kiến, trực bình, trực mãn thì là ngày tốt. Ngày nào có những sao hung tính như sao trùng tang, trùng phục, thiên hình, nguyệt phá thì là ngày xấu.

Kiên nhất là ngày sát chủ, ngày thụ tử, việc gì cũng phải tránh. Mỗi tháng có ba ngày là ngày năm, mười bốn, hai mươi ba, gọi là ngày nguyệt kỵ, việc gì cũng nên kiêng và nhất là nên kiêng nhập phòng. Trong một năm lại có mười ba ngày gọi là ngày Dương công kỵ nhật, hết thấy việc gì cũng phải tránh những ngày ấy.

Những ngày ấy là:

Ngày 13 tháng giêng – Ngày 11 tháng hai

Ngày 9 tháng ba – Ngày 7 tháng tư

Ngày 5 tháng năm – Ngày 3 tháng sáu

Ngày 8, 29 tháng bảy – Ngày 27 tháng tám

Ngày 25 tháng chín – Ngày 23 tháng mười

Ngày 21 tháng một – Ngày 19 tháng chạp

Hễ phạm phải ngày ấy thì việc gì cũng hư hỏng không thành.

Phạm việc lại cần kén ngày hợp mệnh, mà kiêng ngày tuổi.

Ngoại giả lại còn những ngày thập linh, ngày đức hợp là tốt, ngày thập ác đại bại, ngày tứ ly, ngày

tứ tuyệt là xấu

Nói qua mấy việc dân gian cần dùng nên kén nên kỵ.

Cưới xin nên tìm ngày thiên đức, nguyệt đức, kỵ ngày trực phá, trực nguy. Làm nhà nên tìm ngày thiên ân. Thiên hỷ, kỵ ngày thiên hoả, địa hoả và ngày kim lâu. Xuất hành nên tìm ngày lộc mã, hoàng đạo, kỵ ngày trực phá, trực bế. An táng nên tìm ngày thiên hỷ, thiên đức, kỵ ngày tử khí quan phù...

Còn như kén giờ thì việc gì lúc mới bắt đầu như lúc mới xuất hành, lúc mới ra ngõ đi cưới, lúc mới dựng nhà, lúc hạ huyệt... Thường đều kén lấy giờ hoàng đạo. Phép tính giờ hoàng đạo phải nhớ bốn câu thơ:

Dần, thân gia tý; mao dậu dần

Thìn, tuất tằm thìn: tý ngọ thân;

Tị, hợi thiên cương tằm ngọ vị

Sửu mùi tòng tuất định kỳ chân

Lại cần phải nhớ hai câu:

Đạo viễn kỷ thời thông đạt

Lộ dao hà nhật hoàn trình.

Lúc đánh giờ trước hết phải biết ngày gì, rồi dùng hai câu thơ dưới mà bám theo giờ ở bốn câu thơ trên. Hễ bám mà gặp cung nào có chữ "đạo, viễn, thông, đạt, dao hoàn" thì giờ ấy là giờ hoàng đạo...

... Xét phép chọn ngày, từ đời Đường, Ngu, Tam đại đã có. Song khi bấy giờ thì chỉ tùy việc mà chọn ngày: Nội sự dụng nhu, ngoại sự dụng cương. Nội sự là việc trong như việc tế tự cưới xin... thì dùng những ngày âm can là các ngày: ất, đinh, kỷ, tân, quý. Ngoại sự là việc ngoài như đánh dẹp, giao thiệp... thì dùng ngày dương can là các ngày: Giáp, bính, mậu, canh, nhâm. Dùng như thế chỉ có ý làm các việc êm ái, hoà nhã thì theo về ngày âm, việc cứng cáp mạnh mẽ thì theo về ngày dương, nghĩa kén lấy ngày có chút ý nghĩa hợp với nhau mà thôi.

Đến đời sau các nhà âm dương thuật số mỗi ngày mới bày thêm ra ngày tốt, ngày sao xấu, ngày này nên là việc nọ, ngày kia nên làm việc kia. Hết ngày rồi lại có giờ sinh, giờ hợp, giờ xung, giờ

khắc, động làm việc gì cũng phải xem ngày, kén giờ, thực là một việc phiền toái quá. Đã đành làm việc gì cũng nên cẩn thận, mà chọn từng ngày, kén từng giờ mà phí câu nệ khó chịu. Mà xét cho kỹ thì có ích gì đâu, chẳng qua việc thành hay bại cốt do ở người chứ có quan hệ gì ngày tốt hay ngày xấu. Nếu cứ chọn ngày giờ mà nên việc thì không cần gì phải dùng đến sức người nữa hay sao ?

(Trích "Việt Nam phong tục" Phan Kế Bính)

Điều 105 : Chú giải bài « xem ngày, kén giờ » của Phan Kế Bính

Đọc bài xem ngày, kén giờ của Phan Kế Bính, bạn đọc trẻ tuổi thời nay sẽ có một số thắc mắc:

Phan Kế Bính là một nhà trí thức tiến bộ (1875-1921) học vấn uyên thâm, đỗ cử nhân Hán học (1906). Lại am tường văn minh Đông Tây, đã có nhiều cống hiến trong công cuộc khảo cứu văn học và lịch sử. Ông khuyên ta không nên mê tín quá vào việc xem ngày kén giờ, nhưng tại sao không bài bác thẳng thừng mà còn hướng dẫn người đọc: cưới xin, làm nhà, khai trương, xuất hành, an táng nên tìm ngày gì, kị ngày gì và bày cách chọn giờ hoàng đạo.

Trong bài có nói đến nhiều cát tinh (sao tốt), hung tinh (sao xấu), các ngày trực tốt trực xấu. Vậy sao không hướng dẫn cụ thể nên những người đọc muốn kén ngày, giờ vẫn phải đi tìm thầy, nhiều khi vừa tốn kém lại vừa bị lừa bị bịp.

Theo thiển ý chúng tôi: Ông không đi sâu giải thích từng cát tinh hung tinh vì trong thời kỳ đầu thế kỷ đã có bản niên giám ban hành nhiều năm và nhiều người biết tiếng Hán xem được.

Nhằm giải đáp những thắc mắc trên và giúp bạn trẻ thời nay hiểu thêm về một số vấn đề mà học giả Phan Kế Bính đã đề cập tới, trong phần chú giải dưới đây, chúng tôi dựa theo những tư liệu bằng tiếng Hán đã được lưu truyền như "Vạn niên lịch", "Ngọc hạp kỷ yếu", "Chư gia tuyển trạch nhật", "Đồng công trạch nhật", "Vạn bảo toàn thư" đối chiếu với lịch thế kỷ XX của nhà khí tượng và một số bài viết của các nhà khoa học để làm nhiệm vụ biên khảo, dẫn giải tiếp bài viết của Phan Kế Bính.

Thực ra muốn trả lời cho thật đầy đủ và cụ thể phải đi sâu vào chiêm tinh học cổ đại mà cuốn sách này chưa thể đáp ứng.

Có những cách tính ngày tốt xấu cơ bản như sau:

Tính theo tháng âm lịch và ngày can chi:

- Các sao tốt: Thiên đức, nguyệt đức (lục hợp), thiên giải, thiên hỷ, thiên quý (yếu yên), tam hợp (ngũ phú). Theo quan niệm xưa, những ngày có các sao này chiếu thì làm việc gì cũng tốt.

Ngoài ra còn có các sao: Sinh khí (thuận việc làm nhà, sửa nhà, động thổ), thiên thành (cưới gả giao dịch tốt), thiên quan (xuất hành giao dịch tốt), lộc mã (xuất hành di chuyển tốt), phúc sinh (được phúc tốt), giải thần (giải trừ các sao xấu), thiên ân (được hưởng phúc ân, làm nhà, khai trương)...

Theo thứ tự lần lượt từ tháng giêng, hai, ba, tư, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, chạp thì các sao tốt sẽ chiếu vào các ngày như sau:

Thiên đức: Tị, mùi, dậu, Hợi, Sửu, Mão, tị, mùi, dậu, Hợi, Sửu, Mão. (1)

Nguyệt đức: Hợi, tuất, dậu, thân, mùi, ngọ, tị, thìn, mao, dần, sửu, tý.

Thiên giải: Ngọ, thân, tuất, tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất, tý, dần, thìn.

Thiên hỷ: Tuất, hợi, tý, sửu, dần, mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu.

Thiên quý: Dần, thân, mao, dậu, thìn, tuất, tị, hợi, ngọ, tý, mùi, sửu.

Tam hợp: Ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi, tý, sửu, dần, mao, thìn, tị.

Sinh khí: Tý, sửu, dần, mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi.

Thiên thành: Mùi, dậu, hợi, sửu, mao, tị, mùi, dậu, mùi, sửu, mao, tị.

Thiên quan: Tuất, tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất, tý, dần, thìn, ngọ, thân.

Lộc mã: Ngọ, thân, tuất, tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất, tý, dần, thìn.

Phúc sinh: Dậu, mao, tuất, thìn, hợi, tị, tý, ngọ, sửu, mùi, dần, thân.

Giải thần: Thân, thân, tuất, tuất, tý, tý, dần, dần, thìn, thìn, ngọ, ngọ.

Thiên ân: Tuất, sửu, dần, tị, dậu, mao, tý, ngọ, thân, thìn, thân, mùi.

Có nghĩa là: Sao thiên đức chiếu vào những ngày tị của tháng giêng, ngày mùi của tháng hai, ngày dậu của tháng ba... Các sao khác cũng xem như vậy.

Các sao xấu: (mỗi tháng tính theo ngày âm có ba ngày nguyệt kỵ là mùng 5, 14, 23 và 6 ngày tam nương là ngày 3, 7, 13, 18, 22, 27).

Các sao xấu khác tính theo tháng âm lịch và ngày can chi như: Thiên cương, thụ tử, đại hao, tử khí, quan phù (xấu trong mọi việc lớn), tiểu hao (kỵ xuất nhập, tiền tài), sát chủ, thiên hỏa, địa hỏa, hỏa tai, nguyệt phá (kiêng làm nhà), băng tiêu ngoại giải (kiêng làm nhà và mọi việc lớn), thổ cấm (kiêng động thổ), vãng vong (kiêng xuất hành giá thú), cô thân, quả tú (kiêng giá thú), trùng tang trùng phục (kỵ hôn nhân, mai táng, cải táng).

Theo thứ tự từ tháng giêng, hai, ba, tư, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, một, chạp thì các sao xấu chiếu như sau:

Thiên cương: Tị, tý, mùi, dần, dậu, thìn, hợi, ngọ, sửu, thân, mão, tuất.

Thụ tử: Tuất, thìn, hợi, tị, tý, ngọ, sửu, mùi, dần, thân, mão, dậu.

Đại hao : tử khí, quan phù: Ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi, tý, sửu, dần, mão, thìn, tị.

Tiểu hao: Tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi, tý, sửu, dần, mão, thìn.

Sát chủ: Tý, tị, mùi, mão, thân, tuất, sửu, hợi, ngọ, dậu, dần, thìn.

Thiên hỏa: Tý, mão, ngọ, dậu, tý, mão, ngọ, dậu, tý, mão, ngọ, dậu.

Địa hỏa: Tuất, dậu, thân, mùi, ngọ, tỵ, thìn, mão, dần, sửu, tý, hợi.

Hỏa tai: Sửu, mùi, dần, thân, mão, dậu, thìn, tuất, tị, hợi, tý, ngọ.

Nguyệt phá: Thân, tuất, tuất, hợi, sửu, sửu, dần, thìn, thìn, tị, mùi, mùi.

Bảng tiêu ngoạ giải: Tị, tý, sửu, thân, mao, tuất, hợi, ngọ, mùi, dần, dậu, thìn.

Thỏ cấm: Hợi, hợi, hợi, dần, dần, dần, tị, tị, tị, thân, thân, thân.

Thỏ kỵ : vãng vong: Dần, tị, thân, hợi, mao, ngọ, dậu, tý, thìn, mùi, tuất, sửu.

Cô thân: Tuất, hợi, tý, sửu, dần, mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu.

Quả tú: Thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi, tý, sửu, dần, mao.

Trùng tang: Giáp, ất, mậu, bính, đinh, kỷ, canh, tân, kỷ, nhân, quý, mậu.

Trùng phục: Canh, tân, kỷ, nhân, quý, mậu, giáp, ất, kỷ, bính, đinh, mậu.

Mỗi năm có 13 ngày dương công (xấu).

Tính theo ngày tiết: 4 ngày ly và 4 ngày tuyết (xấu)

Mỗi năm có 4 ngày tứ ly (trước tiết xuân phân, thu phân, đông chí, hạ chí một ngày), 4 ngày tứ tuyết (trước tiết lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông một ngày).

Tính theo ngày trực:

- Trong 12 ngày trực có 6 ngày tốt (trực kiến (1), trực mẫn (3), trực bình (4), trực định (5), trực thành (9), trực khai (11), 3 ngày thường (trực chấp (6), trực trừ (2), trực thu (10), 3 ngày xấu (trực phá (7), trực nguy (8), trực bế (12).

Tính theo nhị thập bát tú:

- Trong 28 ngày có 14 ngày tốt, 14 ngày xấu nhưng nhị thập bát tú tương ứng với ngày tuần lễ. Nói chung ngày thứ tư, thứ năm hàng tuần thường là ngày tốt.

Điều 106 : Thế nào là âm dương, ngũ hành ?

1. Thế nào là "Âm dương"?

Âm và dương theo khái niệm cổ sơ không phải là vật chất cụ thể, không gian cụ thể mà là thuộc tính của mọi hiện tượng, mọi sự vật trong toàn vũ trụ cũng như trong từng tế bào, từng chi tiết. Âm và dương là hai mặt đối lập, mâu thuẫn thống nhất, trong dương có mầm mống của âm và ngược lại.

2. Thế nào là "Ngũ hành"?

Theo thuyết duy vật cổ đại, tất cả mọi vật chất cụ thể được tạo nên trong thế giới này đều do năm yếu tố ban đầu là nước, lửa, đất, cây cỏ và kim loại. Tức năm hành thủy, hỏa, thổ, mộc, kim. Để giúp các bạn dễ nhớ ngũ hành tương sinh và tương khắc, chúng tôi nêu thí dụ mộc mạc đơn giản theo vần thơ như sau:

Ngũ hành sinh : Thuộc lẽ thiên nhiên.

Nhờ nước cây xanh mọc lớn lên (thủy sinh mộc)

Cây cỏ làm môi nhen lửa đỏ (mộc sinh hỏa)

Tro tàn tích lại đất lại vàng thêm (hỏa sinh thổ)

Lòng đất tạo nên kim loại trắng (thổ sinh kim)

Kim loại và lò chảy nước đen (kim sinh thủy)

Ngũ hành tương khắc : Lẽ xưa nay

Rễ cỏ đâm xuyên lớp đất dày (mộc khắc thổ)

Đất đắp đê cao ngăn nước lũ (thổ khắc thủy)

Nước dội nhiều nhanh dập lửa ngay (thủy khắc hỏa)

Lửa lò nung chảy đồng sắt thép (hỏa khắc kim)

Thép cứng rèn dao chặt vỏ cây (kim khắc mộc)

Thuyết âm dương

Căn cứ nhận xét lâu đời về giới thiệu tự nhiên, người xưa đã nhận xét thấy sự biến hoá không ngừng của sự vật (thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái. Lưỡng nghi là âm và dương, tứ tượng là thái âm, thái dương, thiếu âm và thiếu dương. Bát quái là càn, khảm,

cân, chân, tôn, ly, khôn và đoài).

Người ta còn nhận xét thấy rằng cơ cấu của sự biến hoá không ngừng đó là ức chế lẫn nhau, giúp đỡ, ảnh hưởng lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

Để biểu thị sự biến hoá không ngừng và qui luật của sự biến hoá đó, người xưa đặt ra "thuyết âm dương".

Âm dương không phải là thứ vật chất cụ thể nào mà thuộc tính mâu thuẫn nằm trong tất cả mọi sự vật, nó giải thích hiện tượng mâu thuẫn chi phối mọi sự biến hoá và phát triển của sự vật.

Nói chung, phạm cái gì có tính chất hoạt động, hưng phấn, tỏ rõ, ở ngoài, hướng lên, vô hình, nóng rực, sáng chói, rắn chắc, tích cực đều thuộc dương.

Tất cả những cái gì trầm tĩnh, ức chế, mờ tối, ở trong, hướng xuống, lùi lại, hữu hình, lạnh lẽo, đen tối, nhu nhược, tiêu cực đều thuộc âm.

Từ cái lớn như trời, đất, mặt trời, mặt trăng, đến cái nhỏ như con sâu, con bọ, cây cỏ, đều được qui vào âm dương.

Ví dụ về thiên nhiên thuộc dương ta có thể kể: Mặt trời, ban ngày, mùa xuân, hè, đông, nam, phía trên, phía ngoài, nóng, lửa, sáng. Thuộc âm ta có: Mặt trăng, ban đêm, thu, đông, tây, bắc, phía dưới, phía trong, lạnh nước, tối.

Trong con người, dương là mé ngoài, sau lưng, phần trên, lục phủ, khí, vệ; Âm là mé trong, trước ngực và bụng, phần dưới ngũ tạng, huyết, vinh.

Âm dương tuy bao hàm ý nghĩa đối lập mâu thuẫn nhưng còn bao hàm cả ý nghĩa nguồn gốc ở nhau mà ra, hỗ trợ, chế ước nhau mà tồn tại. Trong âm có mầm mống của dương, trong dương lại có mầm mống của âm.

(Trích "Cây thuốc vị thuốc VN." của Đỗ tất Lợi)

Thuyết ngũ hành

Thuyết ngũ hành về căn bản cũng là một cách biểu thị luật mâu thuẫn đã giới thiệu trong thuyết âm dương, nhưng bổ xung và làm cho thuyết âm dương hoàn bị hơn.

Ngũ hành là : Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Người xưa cho rằng mọi vật trong vũ trụ đều chỉ cho 5 chất phối hợp nhau mà tạo nên.

Theo tính chất thì thủy là lỏng, là nước thì đi xuống, thấm xuống. Hoả là lửa thì bùng cháy, bốc lên.

Mộc là gỗ, là cây thì mọc lên cong hay thẳng.

Kim là kim loại, thuận chiều hay đổi thay.

Thổ là đất thì dễ trồng trọt, gây giống được.

Tinh thần cơ bản của thuyết ngũ hành bao gồm hai phương diện giúp đỡ nhau gọi là tương sinh và chống lại nhau gọi là tương khắc. Trên cơ sở sinh và khắc lại thêm hiện tượng chế hoá, tương thừa, tương vũ. Tương sinh, tương khắc, chế hoá, tương thừa, tương vũ biểu thị mọi sự biến hoá phức tạp của sự vật.

Luật tương sinh: Tương sinh có nghĩa là giúp đỡ nhau để sinh trưởng. Dem ngũ hành liên hệ với nhau thì thấy 5 hành có quan hệ xúc tiến lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau.

Theo luật tương sinh thì thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy lại sinh mộc và cứ như vậy tiếp diễn mãi. Thúc đẩy sự phát triển không bao giờ ngừng. Trong luật tương sinh của ngũ hành còn bao hàm ý nữa là hành nào cũng có quan hệ về hai phương diện: Cái sinh ra nó và cái nó sinh ra, tức là quan hệ mẫu tử. Ví dụ kim sinh thủy thì kim là mẹ của thủy, thủy lại sinh ra mộc vậy mộc là con của Thủy.

Trong quan hệ tương sinh lại có quan hệ tương khắc để biểu hiện cái ý thăng bằng, giữ gìn lẫn nhau.

Luật tương khắc: Tương khắc có nghĩa là ức chế và thắng nhau. Trong qui luật tương khắc thì mộc khắc thổ, thổ lại khắc thủy, thủy lại khắc hỏa, hỏa lại khắc kim, kim khắc mộc, và mộc khắc thổ và cứ như vậy lại tiếp diễn mãi.

Trong tình trạng bình thường, sự tương khắc có tác dụng duy trì sự thăng bằng, nhưng nếu tương khắc thái quá thì làm cho sự biến hoá trở lại khác thường.

Trong tương khắc, mỗi hành cũng lại có hai quan hệ: Giữa cái thắng nó và cái nó thắng. Ví dụ mộc thì nó khắc thổ, nhưng lại bị kim khắc nó.

Hiện tượng tương khắc không tồn tại đơn độc; trong tương khắc đã có ngụ ý tương sinh, do đó vạn vật tồn tại và phát triển.

Luật chế hóa: Chế hoá là chế ức và sinh hoá phối hợp với nhau. Trong chế hoá bao gồm cả hiện tượng tương sinh và tương khắc. Hai hiện tượng này gắn liền với nhau.

Lẽ tạo hoá không thể không có sinh mà cũng không thể không có khắc. Không có sinh thì không có

đầu mà nảy nở; không có khắc thì phát triển quá độ sẽ có hại. Cần phải có sinh trong khắc, có khắc trong sinh mới vận hành liên tục, tương phản, tương thành với nhau.

Quy luật chế hoá ngũ hành là:

Mộc khắc thổ, thổ sinh kim, kim khắc mộc.

Hoả khắc kim, kim sinh thuỷ, thuỷ khắc hoả.

Thổ khắc thuỷ, thuỷ sinh mộc, mộc khắc thổ.

Kim khắc mộc, mộc sinh hoả, hoả khắc kim.

Thuỷ khắc hoả, hoả sinh thổ, thổ khắc thuỷ.

Luật chế hoá là một khâu trọng yếu trong thuyết ngũ hành. Nó biểu thị sự cân bằng tất nhiên phải thấy trong vạn vật. Nếu có hiện tượng sinh khắc thái quá hoặc không đủ thì sẽ xảy ra sự biến hoá khác thường. Coi bảng dưới đây chúng ta thấy mỗi hành đều có mối liên hệ bốn mặt. Cái sinh ra nó, cái nó sinh ra, cái khắc nó và cái bị nó khắc.

Ví dụ: Mộc khắc thổ nhưng thổ sinh kim, kim lại khắc mộc. Vậy như nếu mộc khắc thổ một cách quá đáng, thì con của thổ là kim tất nhiên nổi dậy khắc mộc kiểu như con báo thù cho mẹ. Nghĩa là bản thân cái bị có đầy đủ nhân tố chống lại cái khắc nó. Cho nên, mộc khắc thổ là để tạo nên tác dụng chế ước, mà duy trì sự cân bằng. Khắc và sinh đều cần thiết cho sự giữ gìn thế cân bằng trong thiên nhiên.

Cũng trong bảng quan hệ chế hoá, chúng ta thấy mộc sinh hoả; nếu chỉ nhìn hành mộc không thôi, thì như mộc gánh trọng trách gây dựng cho con là hoả, nhưng nhờ có hoả mạnh, hạn chế bớt được sức của kim là một hành khắc mộc. Như vậy mộc sinh con là hoả, nhưng nhờ có con là hoả mạnh mà hạn chế bớt kim làm hại mộc do đó mộc giữ vững cương vị.

Điều 107 : « Thiên can địa chi » là gì ?

1. Mười thiên can: Theo thứ tự từ 1 đến 10 là:

Giáp(1), ất (2), bính (3), đinh(4), mậu (5) kỷ (6), canh(7), tân (8), nhâm (9), quý (10).

- Số lẻ là dương can (giáp, bính mậu, canh, nhâm)

- Số chẵn là âm (ất, đinh, kỷ, tân, quý)

- Ngày lẻ (dương can) là ngày cương (đối ngoại)

- Ngày chẵn (âm can) là ngày cương (đối nội)

- Những cặp đối xung: Giáp và kỷ, ất và canh, bính và tân, đinh và nhâm, mậu và quý.

2. Mười hai địa chi:

Theo thứ tự từ 1 đến 12 là : Tý (1), Sửu (2), Dần (3) , Mão (4), Thìn (5), Tỵ (6), Ngọ (7), Mùi (8), Thân (9), Dậu (10), Tuất (11), Hợi (12).

-Số lẻ là dương chi chỉ kết hợp với âm can.

- Ví dụ: Giáp tý, canh ngọ....

- Số chẵn là âm chi chỉ kết hợp với âm can

Ví dụ: Tân Sửu, quý mùi...

- Những cặp đối xung: Tý và ngọ, sửu và mùi, dần và thân, mao và dậu, thìn và tuất, tị và hợi (nghĩa là hơn kém nhau 6).

- Tương hợp: có hai loại, nhị hợp và tam hợp.

Nhị hợp:

Tý - sửu, Mão - tuất, Tị - thân, Dần- hợi, Thìn- dậu, Ngọ- mùi

Tam hợp:

Thân - tỵ - thìn, Dần - ngọ- tuất, Hợi- mao - mùi, Tị -dậu - sửu

Như vậy mỗi chi chỉ có một xung (ví dụ tỵ xung ngọ), ba hợp (ví dụ tỵ hợp sửu, tỵ hợp với thân và thìn)

Điều 108 : « Lục thập hoa giáp » là gì ?

Lục thập hoa giáp là sự kết hợp 6 chu kỳ hàng can với 5 chu kỳ hàng chi thành hệ 60

Cách tính năm, tháng, ngày, giờ đều theo hệ số đó, gọi là lịch can chi. có 6 chu kỳ hàng can tức là có 6 giáp mà mỗi chu kỳ hàng can hay mỗi giáp gồm 10 can (đó là: Giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý) nên gọi là lục thập hoa giáp.

Năm: Hết một vòng 60 năm từ giáp tỵ đến quý hợi. Từ năm thứ 61 trở lại giáp tỵ, năm thứ 121,181 ... cũng trở lại giáp tỵ. Đó là một điều trở ngại cho việc nghiên cứu sử, nếu không ghi chiều vua nào thì rất khó xác định. Một gia đình có ông và cháu cùng một tuổi, có khi tính tuổi cháu nhiều hơn tuổi ông, vậy nên khi tính thành dương lịch cần phải chú ý cộng trừ bội số của 60.

Con số cuối cùng của năm dương lịch ứng với các can:

0: Canh (ví dụ canh tỵ 1780)

2: Nhâm

3: Quý

4: Giáp

5; Ất (ví dụ ất dậu 1945)

6: Bính

7: Đinh

8: Mậu

9: Kỷ

Bảng tính đổi năm lịch can chi thành năm dương lịch

Cách tính: Cộng hoặc trừ bội số 60 còn dư bao nhiêu, đối chiếu bảng dưới đây sẽ biết năm Can-Chi

Tháng: Tháng giêng âm lịch luôn luôn là tháng dần, tháng hai là mao, cứ tuân theo thứ tự đó đến tháng 11 là tỵ, tháng chạp là Sửu (12 tháng ứng với 12 chi).

Tháng giêng của năm có hàng can giáp hoặc kỷ (ví dụ năm giáp tý, kỷ hợi) là tháng bính dần.

Tháng giêng của năm có hàng can bính, tân là tháng canh dần

Tháng giêng của năm có hàng can đinh, nhâm là tháng nhâm dần.

Tháng giêng của năm có hàng can mậu quý là tháng giáp dần

Trường hợp năm có tháng nhuận thì cứ theo tháng chính (không đổi).

Ngày: ngày âm lịch và ngày can chi chênh lệch nhau rất khó xác định. vì âm lịch trong 19 năm có 7 tháng nhuận, lại có tháng đủ 30 ngày tháng thiếu 29 ngày theo trình tự không nhất định, nên tính ngày can chi theo dương lịch dễ hơn (xem bảng cách đổi ngày can chi sang ngày dương lịch).

Giờ: một ngày đêm có 24 giờ nhưng theo can chi chỉ có 12 giờ. Giờ tý (chính tý lúc 0 giờ). Giờ Ngọ (chính ngọ lúc 12 giờ trưa).

Ban ngày tính giờ dần (tức 4 giờ sáng) đến giờ thân lúc 4 giờ chiều. Ban đêm tính từ giờ dậu đến hết giờ Sửu. Nếu theo lịch can thì bắt đầu từ 23 giờ 30 phút đã sang giờ tý của ngày hôm sau.

Kết hợp Lục thập hoa giáp với Âm Dương ngũ hành để tính tuổi xung khắc với ngày, tháng, năm can chi định chọn:

Tương xung: Có Lục xung hàng chi:

- Tý xung Ngọ

- Sửu xung Mùi

- Dần xung Thân

- Mão xung Dậu

- Thìn xung Tuất

- Tị Xung Hợi

Và tứ xung hàng can:

- Giáp xung canh,
- Ất xung tân,
- Bính xung nhâm,
- Đinh xung quý, (mậu kỵ không xung).

Nhưng khi kết hợp lục thập hoa giáp theo hệ số 60, có 5 lần hàng chi (12) gặp 6 hàng can (10), quy vào ngũ hành tính tương sinh tương khắc thì có 1 lần tương hoà, 2 lần tương sinh, chỉ còn lại 2 lần xung khắc (hàng chi).

Thí dụ: Tính xem ngày (hoặc tháng, hoặc năm) giáp tý xung khắc với tuổi nào?

Tính hàng chi: tý xung ngọ, vậy giáp tý (xung với giáp ngọ, canh ngọ, bính ngọ, nhâm ngọ, và mậu ngọ)

Xem bảng "Kết hợp Lục thập hoa giáp với Ngũ hành" ta thấy:

Giáp tý thuộc kim:

Giáp ngọ thuộc kim vì thế tương hoà.

Canh ngọ thuộc thổ, bính ngọ thuộc thủy vì thế đều tương sinh chỉ có nhâm ngọ thuộc mộc, mậu ngọ thuộc hỏa là tương khắc.

Tính hàng can: Giáp xung canh.

Giáp tý thuộc kim:

Canh tuất, canh thìn đều thuộc kim vì thế tương hoà

Canh tý, canh ngọ đều thuộc thổ đều tương sinh

Chỉ có canh Dần và canh thân thuộc mộc là tương khắc.

Vậy ngày (hoặc tháng năm), giáp tý chỉ có 4 tuổi xung khắc là nhâm ngọ, mậu ngọ, canh dần, canh thân:

Tương hình: Theo hàng chi có :

- Tý và mao (một dương, một âm điều hoà nhau).

- Tý và dần thân (tị âm điều hoà được với dần thân dương, chỉ còn dần và thân tương hình nhau, nhưng đã tính ở lục xung).

Theo luật điều hoà âm dương, chỉ khắc nhau trong trường hợp cả hai đều âm hoặc cả hai đều dương. Vì vậy chỉ còn lại 2 trường hợp tự hình nhau: Thìn với thìn, ngọ với ngọ.

Tương hại: cũng là xấu. có 6 cặp tương hại nhau:

Tý và mùi, sửu và ngọ, dần và tị, mao và thìn, thân và hợi, dậu và tuất.

Nhưng khi kết hợp với can chi, theo luật âm dương, tự triệt tiêu.

- Tóm lại: Tính cả xung, khắc, hình, hại, trong số 60 can chi, chỉ có 2-4 ngày không hợp mệnh thôi, hơn nữa còn tùy theo mức độ xung khắc mạnh hay yếu (tùy theo bản mệnh).

Bảng đối chiếu Lục thập hoa giáp ngũ hành và cách tính tuổi xung khắc

Bảng đối chiếu Lục thập hoa giáp ngũ hành và cách tính tuổi xung khắc

Điều 109 : Cách tính ngày tiết, ngày trực và ngày nhị thập bát tú

Cách tính ngày tiết: Một năm có 24 khí tiết. Khí tiết phù hợp theo dương lịch. Đối chiếu khi tiết với ngày dương lịch hàng năm chỉ chênh lệch lên xuống một ngày, bởi dương lịch 4 năm nhuận một ngày 29/2 mà ngày tiết không tính nhuận (Xem bảng đối chiếu ngày dương lịch với 24 khí tiết).

Cách tính ngày trực: Có 12 trực theo trình tự từ trực kiến đến trực bế, mỗi ngày một trực: 1. Kiến (tốt), 2. trừ (thường), 3. mẫn (tốt), 4. bình (tốt), 5. định (tốt), 6. chấp (thường), 7. phá (xấu), 8. nguy (xấu), 9. thành (tốt), 10. thu (thường), 11. khai (tốt), 12. bế (xấu).

Ví dụ: Tháng giêng âm lịch tức tháng hai dương lịch trực kiến tạo ngày dần kể từ tiết lập xuân trở đi. Tiếp sau ngày đó mao trực trừ, ngày thìn trực mẫn, ngày tị trực bình... ngày sửu trực bế.

- Sau lập xuân Trực kiến tại dần
- Sau kinh trập Trực kiến tại mao
- Sau thanh minhTrực kiến tại thìn
- Sau lập hạ Trực kiến tại tị
- Sau mang chủng Trực kiến tại ngok
- Sau lập thu Trực kiến tại thân
- Sau bạch lộ Trực kiến tại dậu
- Sau lập đông Trực kiến tại tuất
- Sau đại tuyết Trực kiến tại tý
- Sau tiểu hành Trực kiến tại sửu

Bảng kê ngày tiết theo dương lịch và ngày khởi đầu trực kiến theo ngày tiết

Bảng đối chiếu Nhị Thập Bát Tú với tuần lễ

Điều 110 : Cách đổi ngày dương lịch ra ngày can chi

Ngày can chi :

Ngày can chi theo chu kỳ 60 , độc lập không lệ thuộc vào năm tháng âm lịch hay năm tháng can chi- (Kể cả tháng nhuận). Tính ngày can chi chuyển đổi sang âm lịch rất phức tạp vì tháng âm lịch thiếu đủ từng năm khác nhau, ngược lại tính ngày can chi theo dương lịch đơn giản hơn.

Cách tính ngày dương lịch ra ngày can chi:

Mỗi năm dương lịch có 365 ngày, nghĩa là 6 chu kỳ Lục thập hoa giáp cộng thêm 5 ngày lẻ. Năm nhuận có thêm 1 ngày 29-2 tức 366 ngày, thì cộng thêm 6 ngày lẻ. Nếu lấy ngày 1-3 là ngày khởi đầu thì các ngày sau đây trong mọi năm cùng can chi giống 1-3 : 1/3, 30/4, 30/6, 28/8, 27/10, 26/12, 24/2 năm sau đó. Nếu biết ngày 1/3 (hay một trong bảy ngày nói trên) là ngày gì, ta dễ dàng tính nhẩm những ngày bất kỳ trong năm (gần với một trong bảy ngày nói trên).

Nếu muốn tính những ngày 1/3 năm sau hay năm sau nữa chỉ cần cộng thêm số dư là 5 đối với năm thường (tức là từ 24-28/2) hoặc là 6 đối với năm nhuận (có thêm ngày 29/2).

Thí dụ ngày 1/3 năm 1995 là ngày Tân Mão , từ đó tính nhẩm 25/2/1996 cũng là ngày Quý Tị, 27/2/1996 là ngày giáp Ngọ. (1996 có hàng chục đơn vị chia hết cho 4 tức là năm nhuận có ngày 29/2).

Ta biết 1/3/1996 là ngày Đinh Dậu vậy 24/2/1997 cũng là Đinh Dậu. Chỉ cần cộng thêm 5 ngày. Ta dễ dàng tính ra 1/3/1997 là ngày Nhâm Dần, theo tính nhẩm = Đinh đến Nhâm hay Dậu đến Dần = 5 ngày.(Xem bài so sánh âm dương lịch ở phần Phụ lục sẽ trình bày năm nào nhuận dương lịch và nhuận âm lịch).

Thí dụ: Theo cách tính trên ngày 1/3/1997 là ngày Nhâm Dần, ngày 26/12/1997 cũng là ngày Nhâm Dần, vậy ngày 1/1/1998 sẽ là ngày Mậu Thân (sau đó 6 ngày)...

Điều 111 : Giờ hoàng đạo là gì ? Cách chọn giờ hoàng đạo

Theo phong tục cổ truyền, khởi đầu một việc gì, ngoài việc chọn ngày lành tháng tốt còn phải chọn giờ tốt. Xuất hành, khởi công xây dựng, khai trương cửa hàng, bắt đầu đi đón dâu, đưa dâu, bắt đầu lễ đưa ma, hạ huyết đều phải chọn giờ hoàng đạo. Trừ trường hợp đặc biệt, ví dụ sắp đến giờ tàu, xe xuất phát, nếu đợi giờ tốt có khi nhỡ kế hoạch; hoặc có giờ tốt, ngày tốt, nhưng thời tiết rất xấu, chưa khởi công được... Nếu cứ quá cầu nệ nhiều khi lại hỏng việc.

Để chọn ngày hoàng đạo, có thể xem phần "Chọn ngày kén giờ" Phan Kế Bính. Chúng tôi cũng giới thiệu một phương pháp đơn giản giúp bạn không biết chữ Hán cũng có thể tự xem được giờ hoàng đạo.

- Trước hết xem lịch để biết ngày hàng chi là ngày nào (từ tý đến hợi).

Một ngày đêm âm lịch là 12 giờ (2 tiếng đồng hồ là một giờ), bắt đầu là giờ tý (chính là 12 giờ đêm) theo thứ tự : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Mỗi câu lục bát sau đây có 14 chữ: Hai chữ đầu chỉ 2 ngày, chữ 3 chỉ giờ tý, chữ thứ 4 chỉ giờ Sửu, lần lượt theo thứ tự từ chữ thứ 3 đến chữ 14 chỉ từ giờ tý, Sửu, Dần, Mão...xem trong bảng, thấy chữ nào có phụ âm đầu là chữ "Đ" thì đó là giờ hoàng đạo. Phân tích kỹ mĩ hơn thì đó là các giờ: Thanh long, Minh đường, kim đường, thiên lương, ngọc đường, hoàng đạo.

Bảng tính giờ hoàng đạo

Ví dụ: Xem bảng trên biết được : ngày dần hoặc ngày thân thì giờ hoàng

đạo đóng ở các giờ: Tý, Sửu, Thìn, Tỵ, Mùi, Tuất.

Điều 112 : Cách tính ngày hoàng đạo, hắc đạo

Bảng kê ngày hoàng đạo, hắc đạo theo lịch can chi từng tháng.

Đối chiếu bảng trên thì biết :

- Ngày hoàng đạo của tháng giêng và tháng 7 âm lịch là những ngày tý, sửu, tị, mùi.
- Ngày hắc đạo của tháng giêng và tháng 7 âm lịch là những ngày ngọ, mão, hợi, dậu.